

Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam

ĐƯỢC CHỌN GIỮA LOÀI NGƯỜI
VÀ CHO LOÀI NGƯỜI (x. Dt, 5.1)

GIÁO SĨ:

Xuất phát từ giáo dân, hiện diện vì giáo dân và cậy dựa vào giáo dân

ĐỂ CÙNG LÀM VINH DANH THIÊN CHÚA

www.conggiaovietnam.net

giaosivietnam@gmail.com

Đặc San Điện Tử **Giáo Sĩ Việt Nam** Số 75, Chúa Nhật 07.09.2008

MỤC LỤC

Đặc Tính Cánh Chung Của Giáo Hội Lữ Hành Và Sự Hiệp Nhất Với Giáo Hội Trên Trời **Lumen Gentium**

HỌC THUYẾT XÃ HỘI, BÀI VI. KINH TẾ **Br. Huynhquảng**

"MẸ ƠI, ĐOÀI THƯƠNG XEM NƯỚC VIỆT NAM..." **Lm. Lê Quang Uy, DCCT**

TRẢ LẠI NHÂN TÍNH CHO SỰ CHẾT: TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI THẦY THUỐC **Bác Sĩ Nguyễn Tiến Cảnh**

THẦN THÁNH HÓA GIỚI TU HÀNH **Tiến Sĩ Trần Mỹ Duyệt**

HÃY ĐỨNG NGOÀI CUỘC (4) **Lm. Lê Văn Quảng**

K/g: QUÝ Lm. CHÍNH XỨ, VÀ CÁC Lm. CÔNG GIÁO VIỆT NAM. **Lm. Giuse Đình Hữu Thoại, C.Ss.R**

CÓ THIÊN CHÚA !!! **Lm. Anmai, C.Ss.R**

QUAN HỆ GIỮA NHO GIÁO VÀ CÔNG GIÁO Ở VIỆT NAM **Tiến sĩ Phạm Huy Thông**

HIỆP NHẤT VÀ NÂNG ĐỖ NHAU **Lm. MICAE-PHAOLÔ TRẦN MINH HUY pss**

ĐỂ GIẢM THIỂU CĂNG THẲNG ĐỜI SỐNG **Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức**

TUỔI TÌNH YÊU **Chuyện phiếm của Gã Siêu**

Đặc Tính Cánh Chung Của Giáo Hội Lữ Hành

Thánh Công Đồng Chung Vaticanô II

Hiến Chế Tín Lý Về Giáo Hội - Lumen Gentium

Bản dịch Việt Ngữ của Giáo Hoàng Học Viện Piô X

Prepared for Internet by Vietnamese Missionaries in Asia

Chương VII

Đặc Tính Cánh Chung Của Giáo Hội Lữ Hành

Và Sự Hiệp Nhất Với Giáo Hội Trên Trời 61*

48. Đặc tính chung của ơn gọi chúng ta. Tất cả chúng ta được mời gọi gia nhập Giáo Hội trong Chúa Kitô, và nhờ ân sủng Thiên Chúa, chúng ta nên thánh trong Giáo Hội. Và Giáo Hội chỉ kết thúc trong vinh quang trên trời, khi thời cải tạo mọi sự đến (CvTđ 3,21) và khi

toàn thể vũ trụ cùng với loài người được thiết lập toàn vẹn trong Chúa Kitô, vì vũ trụ liên kết mật thiết với con người và nhờ con người đạt được cùng đích của mình (x. Eph 1,10; Col 1,20; 2P 3,10-13).

Thực vậy, Chúa Kitô, khi bị treo lên khỏi đất, đã kéo mọi người đến với mình (x. Gio 12,32, bản Hy Lạp). Khi từ kẻ chết sống lại (x. Rm 6,9), Người đã sai Thánh Thần ban sự sống đến với các môn đệ và nhờ Thánh Thần thiết lập thân thể Người là Giáo Hội như bí tích phổ quát cứu rỗi. Nay đang ngự bên hữu Chúa Cha, Người không ngừng tác động trong thế giới để dẫn đưa mọi người về với Giáo Hội, và qua Giáo Hội, kết hợp họ với Người khăng khít hơn; Người còn lấy chính Mình Máu Người nuôi họ, cho họ tham dự vào cuộc sống vinh hiển của Người. Vì vậy, sự cải tạo Chúa đã hứa và chúng đang mong đợi đã khởi sự nơi Chúa Kitô, được xúc tiến khi Thánh Thần đến và nhờ Ngài được tiếp diễn trong Giáo Hội. Nhờ đức tin trong Giáo Hội, chúng ta còn hiểu được ý nghĩa cuộc sống ở trần thế, ngay khi chúng ta lo hoàn tất công việc Chúa Cha trao phó ở đời này trong niềm hy vọng hạnh phúc mai sau cũng như khi chúng ta lo phần rỗi của mình (x. Ph 2,12).

Như thế thời đại cuối cùng đã đến với chúng ta rồi vậy (x. 1Cor 10,11). Việc canh tân thế giới được thiết lập một cách bất khả phục hồi và thực sự đã bắt đầu một cách nào đó ngay từ bây giờ vì Giáo Hội đã được trang điểm bằng sự thánh thiện đích thực, tuy chưa hoàn toàn. Dù vậy, cho tới khi có trời mới và đất mới, nơi công lý ngự trị (x. 2P 3,13), Giáo Hội sẽ hành mang khuôn mặt chóng qua của đời này, qua các bí tích và định chế là những điều thuộc thời đại này. Và Giáo Hội vẫn sống giữa các thụ sinh tới nay còn rên siết và quằn quại trong cơn đau đớn lúc sinh con, và mong đợi con cái Thiên Chúa xuất hiện (x. Rm 8,19-22).

Bởi vậy, được nối kết với Chúa Kitô trong Giáo Hội và được in dấu của Thánh Thần là "bảo chứng của cơ nghiệp chúng ta" (Eph 1,14), chúng ta thực sự được gọi là con Thiên Chúa và chúng ta là con Chúa thật (x. 1Gio 3,1); nhưng chúng ta chưa được xuất hiện với Chúa Kitô trong vinh quang (x. Col 3,4), trong đó chúng ta sẽ nên giống Thiên Chúa, vì trông thấy Ngài như Ngài có thật (x. 1Gio 3,2). Vì thế, "đang khi chúng ta còn ở trong thân xác này, là phải lưu đầy xa Chúa" (2Cor 5,6) và được hưởng hoa quả đầu mùa của Thánh Thần, chúng ta âm thầm than vãn (x. Rm 8,23) và khao khát được ở với Chúa Kitô (x. Ph 1,23). Chính đức ái đó thúc bách chúng ta sống cho Người hơn nữa, vì Người đã chết và sống lại cho chúng ta (x. 2Cor 5,15). Do đó chúng ta gắng sức làm đẹp lòng Chúa trong mọi việc (x. 2Cor 5,9) và mặc lấy binh giáp Thiên Chúa, hầu có thể đứng vững trước những cạm bẫy của ma quỷ và kháng cự chúng trong ngày gian truân (x. Eph 6,11-13). Đàng khác, vì không biết ngày và giờ, chúng ta phải theo lời Chúa dạy, luôn tỉnh thức, để khi cuộc đời độc nhất của chúng ta ở trần gian chấm dứt (x. Dth 9,27), chúng ta xứng đáng vào dự tiệc cưới với Người và được liệt vào số những người được chúc phúc (x. Mt 25,31-46), chứ không như những tội tử khổ nạn và lười biếng (x. Mt 25,26) sẽ bị đẩy vào lửa đời đời (x. Mt 25,41), vào chốn tối tăm, nơi "khóc lóc và nghiến răng" (Mt 22, 13 và 25,30). Thật vậy, trước khi ngự trị với Chúa Kitô vinh hiển, mọi người chúng ta đều phải trình diện "trước tòa Chúa Kitô, để mọi người lãnh lấy những thành quả đời mình đã làm trong thân xác hoặc lành hoặc dữ" (2Cor 5,10). Và ngày tận thế "ai đã làm lành sẽ sống lại hầu được sống, còn ai làm ác sẽ sống lại để chịu đoán phạt" (Gio 5,29; x. Mt 25,46). Bởi đó, tin rằng "những đau khổ hiện thời chẳng thấm vào đâu với vinh quang sắp tới sẽ được giải bày cho chúng ta" (Rm 8,16; x. 2Tm 2,11-12), chúng ta mạnh mẽ tin tưởng trông đợi "niềm hy vọng hạnh phúc và ngày trở lại vinh quang của Thiên Chúa cao cả và Đấng cứu chuộc chúng ta là Chúa Giêsu Kitô" (Tit 2,13). "Người sẽ cải tạo thân xác hèn mạt ta ra giống thân xác sáng láng của Người" (Ph 3,21) và sẽ ngự đến "để được vinh quang trong các Thánh của Người và được thán phục trong mọi người đã tin" (2Th 1,10). ^{62*}

49. Sự hiệp thông giữa Giáo Hội trên trời và Giáo Hội ở trần. ^{63*} Bởi thế, cho tới khi Chúa ngự đến trong uy nghi, có tất cả các Thiên Thần theo Người (x. Mt 25,31), và khi sự chết đã bị hủy diệt, mọi vật đều qui phục Người (x. 1Cor 15,26-27), thì trong số các môn đệ Chúa, có những kẻ còn tiếp tục cuộc hành trình nơi trần thế, có những kẻ đã hoàn tất cuộc sống này và đang được tinh luyện và có những kẻ được hiển vinh đang chiêm ngưỡng "rõ ràng chính Thiên Chúa duy nhất trong Ba Ngôi như Ngài hằng có" ¹. Nhưng hết thảy mọi người chúng ta, tùy cấp bậc và cách thức khác nhau, đều hiệp thông trong cùng một đức mến Chúa yêu người, cùng hát lên một bài ca chúc tụng vinh quang Thiên Chúa chúng ta. Vì tất cả những ai thuộc về Chúa Kitô và nhận lãnh Thánh Thần Người, đều hợp thành một Giáo Hội duy nhất và liên kết với nhau trong Người (x. Eph 4,16). Bởi vậy, sự hiệp nhất giữa những người còn sống trên dương thế với các anh em đã yên nghỉ trong an bình Chúa Kitô không hề bị gián đoạn. Nhưng trái lại, Giáo Hội xưa nay luôn tin rằng sự hiệp nhất đó còn vững mạnh hơn nhờ việc truyền thông cho nhau những của cải thiêng liêng ². Quả thực, nhờ

kết hiệp mật thiết với Chúa Kitô hơn, các người ở trên trời cùng cố toàn thể Giáo Hội vững bền hơn trong sự thánh thiện, làm cho việc thờ phượng mà hiện nay Giáo Hội tại thế dâng lên Thiên Chúa, được cao cả hơn, và họ góp phần phát triển Giáo Hội rộng rãi hơn bằng nhiều cách (x. 1Cor 12,12-27) ³. Được về quê trời và hiện diện trước nhan Chúa (x. 2Cor 5,8) nhờ Người, với Người và trong Người, các Thánh không ngừng cầu bầu cho chúng ta bên Chúa Cha ⁴, bằng cách trình bày các công nghiệp đã lập được khi còn ở dưới thế, nhờ Đấng Trung Gian duy nhất giữa Thiên Chúa và loài người là Chúa Giêsu Kitô (x. 1Tm 2,5), khi họ đã phục vụ Chúa trong mọi sự, và hoàn tất nơi thân xác họ những gì còn thiếu sót trong các đau khổ của Chúa Kitô, hầu mưu ích cho Thân Thể Người là Giáo Hội (x. Col 1,24) ⁵. Do đó, với tình huynh đệ, các ngài lo lắng giúp đỡ chúng ta rất nhiều vì chúng ta yếu hèn. ^{64*}

50. Tương quan giữa Giáo Hội lữ hành và Giáo Hội trên trời. Nhận biết đúng đắn sự hiệp thông này trong toàn Nhiệm Thể Chúa Giêsu Kitô, ngay từ buổi đầu của Kitô giáo, Giáo Hội lữ hành hết lòng kính nhớ, dâng lời cầu cho những người đã chết ⁶, "vì cầu nguyện cho người chết để họ được giải thoát khỏi tội lỗi là một ý nghĩ lành thánh" (2Mac 12,46). Đối với các tông đồ và những vị tử đạo của Chúa Kitô, là những chứng nhân cao cả đã đổ máu vì đức tin và đức ái, Giáo Hội luôn tin rằng, các ngài liên kết với chúng ta khăng khít hơn trong Chúa Kitô: với lòng yêu mến đặc biệt, Giáo Hội tôn kính các ngài cùng Đức Trinh Nữ Maria và các Thánh Thiên Thần ⁷, và sốt sắng nài xin các ngài trợ giúp và cầu bầu cho. Sau đó không bao lâu, thêm vào số các vị trên, Giáo Hội còn tôn kính những người đã nhiệt thành noi gương khiết trinh và khó nghèo của Chúa Kitô ⁸; và sau cùng, có những người vì đã thực hành cách phi thường các nhân đức Kitô giáo ⁹ và được Chúa ban nhiều ân điển, nên được các tín hữu thành tâm tôn kính và noi theo ¹⁰.

Quả thực, khi ngẫm nhìn đời sống những người đã trung thành bước theo Chúa Kitô, chúng ta khám phá ra một lý do mới thúc đẩy chúng ta tìm kiếm Thành Thánh tương lai (x. Dth 13,14 và 10,11), đồng thời chúng ta cũng biết con đường chắc chắn giúp chúng ta đạt tới sự kết hiệp hoàn toàn với Chúa Kitô, nghĩa là đạt tới sự thánh thiện, giữa bao thăng trầm trần thế, tùy theo bậc sống và hoàn cảnh riêng của mỗi người ¹¹. Qua cuộc sống của những người cùng mang một bản tính nhân loại như chúng ta, nhưng đã được biến đổi nên giống hình ảnh Chúa Kitô hơn (x. Cor 3,18), Thiên Chúa tỏ lộ rõ ràng cho con người thấy dung nhan và sự hiện diện của Ngài. Chính Ngài nói với chúng ta qua các vị ấy và ban cho chúng ta thấy dấu chỉ Nước Ngài ¹², và mãnh liệt lôi cuốn chúng ta tới Nước ấy nhờ số chứng nhân đồng đạo như mây trời (x. Dth 12,1) và nhờ chân lý Phúc Âm được chứng thật như thế.

Tuy nhiên, chúng ta kính nhớ các Thánh trên trời không chỉ vì gương lành các ngài mà thôi, nhưng đúng hơn để sự hiệp nhất của toàn thể Giáo Hội trong Thánh Thần được bền vững nhờ thực hành đức bác ái huynh đệ (x. Eph 4,1-6). Thực vậy, cũng như mỗi hiệp thông giữa các Kitô hữu còn sống trên dương thế đưa chúng ta tới gần Chúa Kitô hơn, thì sự liên kết với các Thánh cũng hiệp nhất chúng ta với Người, là Đầu và là Nguồn phát sinh mọi ân sủng và sự sống của chính Dân Thiên Chúa ¹³. Do đó, điều hết sức thích đáng là chúng ta yêu mến các bạn hữu và những người đồng thừa tự của Chúa Kitô, cũng là anh em và ân nhân đặc biệt của chúng ta, cũng như chúng ta dâng lời cảm tạ Thiên Chúa vì các ngài ¹⁴ và "thành khẩn van nài, chạy đến xin các ngài cầu nguyện và trợ lực, giúp đỡ, hầu Chúa Cha ban cho nhiều ơn lành, nhờ Chúa Giêsu Kitô, Con Chúa, Chúa chúng ta, Đấng Cứu Chuộc và Giải Thoát duy nhất của chúng ta" ¹⁵. Thực vậy, mọi bằng chứng đích thực biểu lộ tình yêu chúng ta đối với các Thánh trên trời, từ bản chất, luôn qui hướng và kết thúc nơi Chúa Kitô là "triều thiên của toàn thể các Thánh" ¹⁶, và nhờ Người qui hướng và kết thúc nơi Thiên Chúa, Đấng đáng ca tụng và tôn vinh trong các Thánh ¹⁷.

Hơn nữa, sự hiệp nhất của chúng ta với Giáo Hội trên trời được thực hiện cách hết sức cao cả, đặc biệt trong Phụng Vụ, ở đó quyền năng Thánh Thần hoạt động trên chúng ta qua các dấu chỉ bí tích, ở đó chúng ta cùng lớn tiếng ngợi khen Thiên Chúa uy linh ¹⁸, và tất cả mọi người thuộc mọi chi tộc, ngôn ngữ, dân tộc và quốc gia được cứu chuộc trong máu Chúa Kitô (x. Kh 5,9), hợp nhau trong một Giáo Hội duy nhất, đồng thanh chúc tụng một Thiên Chúa Ba Ngôi. Bởi vậy, khi cử hành lễ hy tế tạ ơn, chúng ta kết hợp rất mật thiết với việc thờ phượng của Giáo Hội trên trời, vì hiệp cùng Giáo Hội, chúng ta kính nhớ trước hết Đức Maria vinh hiển, trọn đời Đồng Trinh, sau là Thánh Giuse, các Thánh Tông Đồ và Tử Đạo cùng toàn thể các Thánh ¹⁹. ^{65*}

51. Hướng dẫn mục vụ của Công Đồng. Thánh Công Đồng kính cẩn đón nhận niềm tin cao trọng của tiền nhân chúng ta trong việc hiệp thông sống động với các anh em được

hiển vinh trên trời hay còn phải tinh luyện sau khi chết, và lấy lại các sắc lệnh của các thánh Công Đồng Nicea II [20](#), Firenze [21](#) và Trentô [22](#). Đồng thời, vì quan tâm đến mục vụ, Công Đồng khuyên nhủ tất cả những vị hữu trách hãy hết sức ngăn cản và sửa dạy những ai lạm dụng, thái quá hay bất cập, và hãy tái lập mọi sự để Thiên Chúa và Chúa Kitô được ngợi khen cách trọn hảo hơn. Bởi vậy, các ngài hãy dạy cho tín hữu biết rằng, việc tôn kính các Thánh đích thực không hề tại nhiều ở những việc bề ngoài bằng ở cường độ tình yêu tích cực của chúng ta. Tình yêu ấy giúp chúng ta tìm thấy "một gương mẫu trong khi gặp gỡ các ngài, được thông hiệp qua việc kết hợp với các ngài và được các ngài cầu bầu trợ giúp" [23](#), để đem lại nhiều lợi ích cho Giáo Hội và cho chúng ta. Đồng khác, ước gì các ngài cũng hãy giúp các tín hữu hiểu rằng mối liên lạc giữa chúng ta và các Thánh trên trời, hiểu theo ánh trọn vẹn của đức tin, không hề làm suy giảm sự tôn thờ dành riêng cho Thiên Chúa Cha nhờ Chúa Kitô trong Chúa Thánh Thần, nhưng trái lại còn làm cho sự tôn thờ ấy thêm phong phú hơn [24](#).

Vì tất cả chúng ta đều là con cái Thiên Chúa và hợp thành một gia đình trong Chúa Kitô (x. Dth 3,6), nên khi hiệp thông với nhau trong tình yêu qua lời đồng thanh ca tụng Chúa Ba Ngôi chí thánh, chúng ta cùng đáp lại lời mời gọi thân tình của Giáo Hội, và được tham dự, cảm mến trước phụng vụ vinh hiển toàn hảo [25](#). Vì khi Chúa Kitô hiện đến và khi kẻ chết sống lại trong vinh quang, ánh sáng Thiên Chúa sẽ chiếu soi Thành Thánh trên trời và Con Chiên sẽ là đấng sáng (x. Kh 21,23). Toàn thể Giáo Hội các Thánh sẽ thờ lạy Thiên Chúa và "Con Chiên đã bị giết" (Kh 5,12) trong hạnh phúc sung mãn của đức ái, và đồng thanh ca tụng rằng: "Ngợi khen, danh dự, vinh hiển, quyền năng muôn đời cho Đấng ngự trên ngai và Con Chiên" (Kh 5,13-14) [66*](#).

Chú Thích:

(Lưu ý: những số ghi chú nhỏ hơn đã được đăng vào những số báo trước)

61* Chương này được khai sinh theo ước muốn của Đức Gioan XXIII.

Được Ủy ban Thần học soạn thảo lại, chương này được mọi người công nhận là một phần của hiến chế mới (lược đồ đệ trình bấy giờ chỉ có 4 chương). Nội dung của chương được tổng hợp trong tựa đề. Công Đồng nhấn mạnh tới hành động tôn vinh Thiên Chúa của tất cả Thân Thể Chúa Kitô là Giáo Hội dưới đất cũng như trên trời. Cơ cấu của chương như sau: số 48 nói lên hai giá trị của Giáo Hội trong đó những thành phần dưới thế cùng tồn tại với những thành phần cố định; các số 49 và 50 trình bày những mối dây liên kết Kitô hữu còn ở trần gian với những người đã lên trời hoặc ở trong luyện ngục: các Thánh trên trời cầu bầu cho chúng ta là những kẻ lữ hành (số 49), mối tương quan giữa các Ngài với chúng ta (số 50). Từ giáo lý này mà số 51 rút ra những hậu kết có tính cách mục vụ.

62* Số 48: Đặc tính cánh chung của ơn gọi chúng ta.

Trong cuộc sống hiện tại, ơn gọi của chúng ta là: được Chúa Kitô thánh hóa, chúng ta cùng với Người tiến về sự thánh thiện viên mãn trong đời sống vĩnh cửu, khi chúng ta được chiêm ngưỡng chính Thiên Chúa. Cuộc lữ hành đòi chúng ta phải ý thức về mối liên hệ giữa đời sống hiện tại của chúng ta với đời sống vĩnh cửu, để với lòng tin vững chắc vào Chúa Kitô Cứu Thế và hy vọng một vinh quang mai hậu, chúng ta chịu đựng những nghịch cảnh đời này, và chống lại ma quỷ. Đời sống Kitô giáo có sự liên tục giữa đời sống dưới thế và đời sống vĩnh cửu trên trời. Có ý thức sống động được chân lý này, chúng ta mới nghĩ đến những người đã về trời. Và điều đó làm chúng ta hiểu sâu sắc hơn về chính mẫu nhiệm Giáo Hội: là thực hiện sự hiệp thông giữa mọi người trong Chúa Kitô, là sự hiện diện sống động của các thực tại trên trời giữa dòng đời trần gian. Như thế, khi tín hữu nhớ lại lời Chúa và các Tông Đồ đã nói, có thể nhận ra sự liên lạc mật thiết giữa các chân lý này và tầm quan trọng nền tảng của chúng đối với đời sống Kitô giáo.

63* Các số 49-50: Sự hiệp thông giữa Giáo Hội dưới đất và Giáo Hội trên trời.

Đây là nền tảng giáo lý của cả chương, nghĩa là Giáo Hội dưới đất và Giáo Hội trên trời tạo thành một Dân Chúa, một Thân Thể Chúa Kitô. Công Đồng giải thích sự hiệp nhất này vì dựa vào căn bản là những mối dây liên lạc sống động giữa chúng ta, những người lữ hành trên dương thế, và những người đã đạt tới quê trời. Trong số những hoạt động và những mối liên quan ấy, điều đáng kể là việc các Thánh cầu bầu cho cả Giáo Hội.

64* Số 49: Nền tảng giáo lý và sự liên hệ giữa các Thánh trên trời và Giáo Hội.

Nền tảng tín lý được trình bày rõ ràng và chính xác để tránh những khuynh hướng cực

đoạn và để giúp cho nhu cầu hiệp nhất được dễ dàng hơn. Công Đồng dạy rằng, cho tới khi Chúa lại đến trong vinh quang, một số người đã ở trên Nước Trời, một số khác ở trong luyện ngục, một số khác nữa đang trên đường tiến về đời sau, nhưng tất cả đều kết hiệp với Chúa Kitô làm nên một Giáo Hội duy nhất. Công Đồng cũng dạy rằng, các Thánh trên trời lấy tình thương phù trợ đặc biệt cho những người anh em khác, và củng cố cũng như làm làm đẹp Giáo Hội trần gian.

65* Số 50: Sự liên hệ giữa Giáo Hội dưới đất và Giáo Hội trên trời.

Số này trình bày cách thức mà Giáo Hội lữ hành phải có, để trong thực hành, tạo được sự hiệp thông đã nói trong đoạn trước. Công Đồng đưa ra những động lực chính yếu giúp xây dựng và phát huy sự hiệp thông của chúng ta với Giáo Hội trên trời. Những động lực đó như sau: những người đã về trời nêu gương cho chúng ta một đời sống đạo chính thực; sự liên lạc với họ sẽ đưa chúng ta tiến tới việc kết hợp khăng khít hơn với Chúa Kitô; sự hiệp thông với họ làm cho việc phụng tự qui về Chúa Kitô nơi Giáo Hội trần gian được sung mãn. Ở nhiều nơi, Hiến Chế ám chỉ tới lịch sử Giáo Hội, để làm sáng tỏ hơn những nền tảng thần học của giáo lý đã trình bày và cũng để cho sự trình bày này được sống động hơn, tương xứng hơn với nhu cầu mục vụ.

Đoạn nhất nói lên những cách thức hiệp thông tổng quát với các người anh em không thuộc về Giáo Hội trần gian: kính nhớ và vọng độ cách chung, tôn kính và nài xin cầu bầu. Đoạn hai nhấn mạnh tới gương mẫu các Thánh nêu ra cho đời sống Kitô giáo chúng ta, hoặc dưới khía cạnh sự phạm hoặc dưới khía cạnh minh giáo. Đoạn ba chúng ta thấy việc tôn kính các Thánh chính thực sẽ thúc giục chúng ta thực thi bác ái huynh đệ và liên kết chúng ta với Chúa Kitô bền chặt hơn. Tình bác ái huynh đệ nơi chúng ta là những khách lữ hành không bị suy giảm, trái lại còn làm gia tăng đặc tính qui về Chúa Kitô của Kitô giáo. Cũng vì lý do đó, sự liên lạc và hiệp thông với các Thánh trên trời đã không làm cản trở nhưng còn giúp đỡ cách lạ lùng cho tình yêu và sự kính thờ Ba Ngôi Thiên Chúa. Đoạn bốn có xác quyết căn bản như sau: việc tế tự phụng vụ của Giáo Hội thực hiện tất cả những gì đã nói về sự liên hệ với các Thánh trên trời.

66* Số 51: Hậu kết mục vụ.

Một vài hậu kết có tính cách mục vụ theo sau những nguyên tắc đã đề ra. Hậu kết đó bao gồm một số ý hướng căn bản để việc tôn kính các Thánh được thực hiện trong tinh thần đúng đắn và để có thể ngăn ngừa những hình thức thái quá hay bất cập ở một vài nơi. Một đảng Công Đồng chủ trương rõ ràng giá trị việc tôn kính các Thánh không cốt tại gia tăng các hành động bên ngoài, nhưng do cường độ tình yêu của chúng ta; đảng khác Công Đồng quả quyết việc tôn kính ấy không đi ngược với tình yêu Thiên Chúa, với việc tôn thờ dành cho mình Ngài. Số này chứa đựng nhiều điều có thể cổ vũ cho việc hiệp thông với các anh em ly khai, đặc biệt với anh em Đông Phương, vì giáo lý thuộc đức tin của chúng ta đây đối với họ hết sức quan trọng, làm nên một di sản chung về đức tin và về sự kính nhớ.

Phần kết luận cho toàn chương (51, đoạn hai) quả quyết rằng hiện đại hóa sự hiệp thông của tất cả những người thuộc về Chúa Kitô là đã bắt đầu cuộc sống vinh quang, và như vậy là ngay ở chốn lưu đày này đã thực hiện được cùng đích của đời ta vì đã được tham dự và thưởng thức phụng vụ vinh hiển trên trời.

VỀ MỤC LỤC

HỌC THUYẾT XÃ HỘI, BÀI VI. KINH TẾ (202 – 250)

66. HTXH đóng vai trò như thế nào trong lĩnh vực kinh tế?

Giáo hội ban tặng món quà HTXH cho con cái mình như là một lý tưởng định hướng không thể thay thế được. Giáo huấn này nhìn nhận những giá trị của thị trường và hoạt động kinh doanh, nhưng đồng thời nó cũng chỉ ra những điểm nhằm hướng đến công ích. Giáo huấn này cũng nhìn nhận tính hợp pháp về sự nỗ lực của người lao động nhằm đạt được sự tôn trọng phẩm giá của họ một cách đầy đủ và tạo những môi trường rộng lớn hơn để họ tham gia vào các lãnh vực thương mại công nghiệp. Như thế, trong khi hợp tác với người khác và làm việc dưới sự hướng dẫn của người khác, họ thực sự làm việc cho chính họ qua khả năng vận dụng trí thông minh và sự tự do (cf. *Centesimus Annus*, n. 43).

67. HTXH nói gì về quyền làm chủ của con người đối với các tạo vật trên mặt đất?

Trang đầu tiên của sách Khởi Nguyên dạy rằng: "Hãy sinh sôi nảy nở thật nhiều, cho đầy mặt đất, và thống trị mặt đất" (Kn 1:28). Như thế, khi con người được Thiên Chúa ban tặng cho quyền làm chủ trên các tạo vật, thì con người cũng được ban tặng khả năng hiểu biết, sức lao động để có trách nhiệm làm chủ và hướng dùng những tạo vật được giao phó. Vậy nếu thế giới giới này được tạo thành nhằm làm phương tiện để nuôi sống, phát triển cho mỗi con người thì họ cũng có quyền kiếm tìm những gì cần thiết cho đời sống của họ (cf. *Populorum Progressio*, # 22).

68. Con người nên có cái nhìn về quyền sở hữu của cải theo cách nào?

Con người theo quyền tự nhiên được sở hữu của cải. Điều này không chỉ là hợp pháp nhưng còn là cần thiết cho mọi người (cf. Aquinas, *Tổng Luận Thần Học*, II-II, 66, 2, c). Nhưng vấn đề đặt ra là mỗi người có quyền sở hữu bao nhiêu của cải [thì vừa]? Về điểm này, Giáo hội không ngần ngại chỉ rõ rằng: mỗi người không nên nhìn của cải vật chất như là của riêng họ, nhưng thực ra trên bình diện chung, họ nên sẵn sàng chia sẻ với những ai đang cần (cf. *Rerum Novarum*, # 22)

Hơn nữa, chúng ta cũng cần nhắc lại nơi đây đặc tính căn bản của HTXH của Giáo hội: Từ khởi nguồn, của cải vật chất trong thế giới này chỉ là phương tiện cho mọi người. Quyền sở hữu tài sản cá nhân là cần thiết và hợp lý, nhưng nó không thể hủy bỏ nguyên tắc căn bản này được. Thực ra, tài sản cá nhân chỉ là "vật thể chấp xã hội". Nghĩa là, tự bản chất tài sản có một chức năng xã hội được thiết lập và hợp thức hóa bởi nguyên lý vận mệnh chung của tài sản (cf. *Sollicitudo Rei Socialis*, # 42).

69. Lao động nói lên ý nghĩa hiệp nhất giữa con người như thế nào?

Khi làm việc, con người cam kết không chỉ làm việc cho chính bản thân nhưng còn làm *cho người khác và với người khác*. Vì thế, mỗi người cộng tác làm việc với người khác và mưu cầu lợi ích cho họ. Quả thực, con người làm việc là để cung cấp những nhu cầu cần thiết cho gia đình, cho cộng đồng, cho quốc gia và cuối cùng là cho toàn thể loài người (cf. *Laborem Exercens*, # 10). Trong khi làm việc, con người cộng tác với những đồng nghiệp, những người cung cấp vật liệu và cũng với những khách hàng mua sản phẩm. Như thế, tính hiệp nhất được thể hiện rất rõ khi tất cả cùng làm việc trong một hệ thống dây chuyền sản xuất (cf. *Centesimus Annus*, # 43).

70. HTXH nói gì về hai hệ thống kinh tế "chủ nghĩa cộng sản" và "chủ nghĩa tư bản"?

Giáo lý Công giáo dạy rõ rằng: "Hội Thánh phi bác các ý thức hệ chuyên chế vô thần đang hoạt động dưới hình thức "chủ nghĩa cộng sản" hoặc "chủ nghĩa xã hội". Mặt khác, Hội Thánh cũng phi bác chủ nghĩa cá nhân và việc coi luật thị trường là qui luật tối thượng trên sức lao động của con người trong, cách thực hành "chủ nghĩa tư bản" (x. CA 10; 13;44). Điều hành kinh tế chỉ dựa trên kế hoạch tập trung sẽ phá hủy tận gốc các mối liên hệ xã hội; điều hành chỉ dựa theo qui luật thị trường sẽ vi phạm công bằng xã hội. "Thị trường sẽ không thể thỏa mãn được những nhu cầu muôn mặt của con người" (CA 34). Người tín hữu phải tác động vào thị trường và các sáng kiến kinh tế, để có được một sự điều hành hợp lý dựa trên một bậc thang giá trị đúng đắn và vì công ích" (GLCG 2425).

Br. Huynhquảng

VỀ MỤC LỤC

"MẸ ƠI, ĐOÁI THƯƠNG XEM NƯỚC VIỆT NAM..."

Quý độc giả **Ephata và Giáo Sĩ Việt Nam thân mến,**

"Mẹ ơi, đoái thương xem nước Việt Nam,

Trời u ám, chiến tranh điêu tàn,
Mẹ hãy giơ tay ban phúc Bình An,
Cho Việt Nam qua phút nguy nan”...

Trong dịp Lễ kính Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp tháng 6 năm 2008 vừa qua, trước Linh Ảnh Mẹ Hằng Cứu Giúp La Mã Bến Tre được rước về Đền Mẹ ở DCCT Sài-gòn, giữa bài giảng hành hương, tôi có sáng kiến bất ngờ vào phút chót, mời gọi các cha các thầy và hàng ngàn anh chị em Giáo Dân có mặt cùng hát lên bài hát tuyệt vời này. Ngay khoảnh khắc ấy, nhiều người có mặt đã giật mình cho là tôi bạo quá, liều quá, sợ tôi sẽ bị “người ta” chụp mũ kết tội xách động, lại nghĩ sẽ khó mà có người còn nhớ được bài hát cổ gần 40 năm để mà hưởng ứng, để cùng hát lên.

Không ngờ, quả thật không ngờ, bài hát chỉ vồn vện có 4 câu ngắn ngủi ấy của cổ nhạc sĩ Hải Linh, đã được cộng đoàn cất lên vang dội khắp Đền Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp Sài-gòn. Chỉ một số các bạn trẻ sinh sau biến cố 1975 là hơi bị ngẩn ngơ, nhưng đến lượt hát thứ hai thì cả họ nữa, cũng hòa được vào với các anh chị lớn, các cô bác đứng tuổi, các cụ già da mồi tóc bạc.

Đến lần hát thứ ba thì mọi người đã nước mắt giàn giụa, như thể nỗi đau lâu nay phải kềm hãm, gửi sâu tận đáy những nỗi niềm cơ cực tủi thân, bây giờ “được lời như cởi tấm lòng”, đã bật lên, đã òa vỡ, đã ứa tràn thành những đợt sóng cầu nguyện dâng lên Mẹ. Vâng, cứ ngỡ bài hát sẽ không còn hợp thời, đã lui vào quá khứ thương đau của một Việt Nam tang tóc vì chiến tranh, điêu tàn vì ly tán chia cách đôi miền Bắc Nam. Thế nhưng...

Đêm thắp nến cầu nguyện thứ năm 28.8.2008 vừa qua, một lần nữa, tại Đền Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp Sài-gòn, tôi lại mời toàn thể Nhà Dòng cùng với hơn 3.000 anh chị em Giáo Dân cất lên bài hát bất hủ này. Mọi người lại khóc, tôi cũng vừa hát vừa nghẹn ngào.

Những ngày này, “chiến tranh” lại đang bùng phát tại Thái Hà, Hà Nội, sau biết bao ngày âm ỉ nơi đây cũng như ở hàng trăm nơi khác của quê hương Việt Nam. Chiến tranh không có bom đạn nhưng tàn bạo không kém vì người ta đã sử dụng hơi cay, dùi cui và roi điện để tấn công và trấn áp những người dân vô tội chỉ muốn cầu nguyện như là một phương cách để đòi thực thi Công Lý và Hòa Bình.

Mà trời ơi, người ta tự hào là đang xây dựng trong Hòa Bình và đạt được những thành tựu hy hữu, tốc độ tăng trưởng chóng mặt, thế nhưng cái giá phải trả là tham nhũng từ trên xuống dưới, ô nhiễm từ ngoài vào trong, còn lương tri con người thì bị thoái hóa trầm trọng, đặc biệt thể hiện qua hai ngành cần phải có lương tâm hơn hết là y tế và giáo dục.

Không còn chiến tranh ngoài mặt trận nhưng lại có khủng bố và giết hại đối với hàng triệu thai nhi bé bỏng mỗi năm. Không có người chết vì bom rơi đạn lạc nhưng số người chết vì tai nạn giao thông, lao động, và môi trường còn nhiều hơn gấp chục lần. Người ta xây dựng được bao nhiêu là cao ốc văn phòng, chung cư và sân golf nhưng lại tước đoạt vô vàn những mảnh ruộng, những khoảnh vườn, những ngôi nhà và ao cá của người dân nghèo ngoại thành và nông thôn.

Và trơ trẽn nhất, ngang ngược nhất là những hành xử đối với lãnh vực tín ngưỡng tôn giáo. Người ta ban hành những thứ luật để hợp pháp hóa những chuyện vi hiến trắng trợn ngay trước đó rồi bảo mọi người phải thượng tôn luật pháp. Bao nhiêu cơ sở đất đai sở hữu của các tôn giáo bị trưng dụng cho chuyện công ích cuối cùng lại xoay ra kinh doanh vũ trường, khách sạn, nhà hàng, thậm chí... mãi dâm công khai ! Nhà Thờ biến thành kho hợp tác xã. Cung Thánh thành piste nhảy đầm. Rồi “cút trâu để lâu hóa bùn”, người ta đem chia năm xẻ bảy, bán chuyển tay nhau lấy tiền bỏ túi tham ô.

“Trời u ám, chiến tranh điêu tàn” thật sự rồi ! Dân oan kéo nhau từ miền quê rần rần lên thành phố, ra trung ương khiếu kiện đã bị trấn áp như thể họ là một bọn phản động. Giáo Dân dựng lều túc trực ngày đêm giữ đất bằng lời cầu nguyện thì bị vu khống là một bọn ăn cướp. Mấy bà dân tộc Mường đánh công khai khu chiêng để thay cho tiếng lương tâm đang bị bóp nghẹt thì lại bị lôi đi xềnh xệch, dí roi điện, đâm thẳng vào mặt đến đổ máu.

Vậy mà tất cả cái khối oan khiên ấy không đánh lại, không chửi lại, không xô xát. Cứ kiên trì bất bạo động, cứ nhẫn nại cầu nguyện. Họ có điên không chứ ? Người ta đang rình chờ mình hớ hênh, lọt vào cái bẫy khiêu khích hèn hạ là y như rằng có cớ để xảy ra một thứ "Thiên An Môn" như đã từng xảy ra cho các sinh viên bên Trung Quốc ngày 4.6.1989, bảy tám trăm bị chết và bảy tám ngàn bị thương. Thế mà đám đông quần chúng ở Việt Nam hôm nay lại "điên" thật ! Họ cứ cất cao lời hát Kinh Hòa Bình với Đấng họ tin là Thần Linh Thánh Ái.

Và bây giờ thì từ Miền Nam, ngược qua Miền Trung, vọng ra Miền Bắc, tôi tin chắc những người thiện chí, lòng đầy Bình An, sẽ lại có thêm một lời khẩn nguyện thiết tha với Người Mẹ thiêng liêng của mình, để hát chung với nhau trong nước mắt cây trồng và hy vọng:

"Mẹ ơi, đoái thương xem nước Việt Nam,

Trời u ám, chiến tranh điêu tàn,

Mẹ hãy giơ tay ban phúc Bình An,

Cho Việt Nam qua phút nguy nan"...

Lm. QUANG UY, DCCT thứ bảy 30.8.2008

VỀ MỤC LỤC

TRẢ LẠI NHÂN TÍNH CHO SỰ CHẾT: TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI THẦY THUỐC

Không ai biết được trong giờ lâm chung, những giây phút cuối cùng của đời người, con bệnh sẽ sợ hãi ghê gớm hay bằng an thanh thản sẵn sàng ra đi? Nhưng hiển nhiên khi con người phải ra đi, già từ tất cả những gì thân yêu nhất của mình mà không bao giờ trở lại, chắc chắn có những bịn rịn, luyến tiếc, đôi khi hốt hoảng như mất mát một bảo vật mà biết chắc chắn mình chẳng bao giờ có lại được. Sự an ủi vỗ về cảm thông với con bệnh của người thầy thuốc bên cạnh bệnh nhân lúc đó thật quả là vô giá và cần thiết.

Y KHOA TUYỆT HẢO CÓ THAY THẾ ĐƯỢC TÌNH CẢM KHÔNG?

Khoa học kỹ thuật tân kỳ hiện đại đã cho phép người y sĩ không cần phải ở bên cạnh bệnh nhân đang cơn hấp hối mà vẫn có thể điều khiển, kiểm soát thời gian và tình trạng sống chết của con bệnh. Hồi xưa, khi y khoa chưa đạt tới mức siêu đẳng như ngày nay, người y sĩ là trung gian giữa những hiện tượng tự nhiên như sống và chết. Ngày nay, họ trở thành trọng tài của những kỹ thuật nhân tạo. Sự chết do đó đã được quan niệm dưới những góc cạnh khác. Từ thần đã được y khoa hóa. Xã hội, người y sĩ và bệnh nhân đã bắt đầu nhận thấy có một giới hạn hay một khoảng cách giữa văn hóa và y đạo. Họ bắt đầu tìm kiếm một phương thức mới về trách nhiệm của người y sĩ đối với bệnh nhân trong khi hấp hối. Câu chuyện sau đây cho thấy hậu quả của việc y học hóa tử thần và những khuyết điểm của sự thay đổi ấy.

Bà M., 57 tuổi, bị ung thư vú ở thời kỳ cuối cùng, đã phải nhập viện nhiều lần vì tình trạng hô hấp bê bết. Bà ta chưa bao giờ chính thức ký giấy từ chối trị liệu để được chết, nhưng không rõ lý do tại sao bà lại từ chối nhập viện điều dưỡng để cho người ta dễ dàng săn sóc bà. Trị liệu hóa học đã thất bại, mà giải phẫu thì không thể được mặc dù gốc ung thư chưa chạy đi nơi khác (metastases). Bà vẫn sinh hoạt hàng ngày bình thường và không đau đớn nhiều. Tuy nhiên gia đình bà cảm thấy không còn có thể tiếp tục chăm sóc và phụng dưỡng cho bà được nữa, đã yêu cầu bác sĩ khuyên bà ký giấy "Đừng cứu sống/Do not resuscitate-DNR)" nếu bị nguy kịch hôn mê. Bà không hoàn toàn chấp nhận tình trạng hết thuốc chữa của bà. Bà vẫn muốn được cứu sống để nhìn ngắm con cháu bà càng lâu càng tốt.

Một hôm bà trở bệnh bất tử. Gia đình bà đưa bà vào bệnh viện cấp cứu. Con gái bà đã thảo luận với bác sĩ về tình trạng của bà và giấy yêu cầu "Đừng Cứu Sống" đã được ký. Nhưng khi tình trạng hôn mê của bà sáng sủa trở lại, bà nhất mực xin hủy bỏ giấy giao kèo. Bác sĩ nói cho bà hiểu bệnh trạng của bà vô phương cứu chữa, bà đang trong tình trạng coi như hấp hối. Chữa trị chỉ là tạm bợ và vô ích. Bác sĩ không có bổn phận phải cứu sống bà. Thế rồi tình trạng của

bà M. tiếp tục khả quan, không có dấu hiệu gì chứng tỏ tử thần gần kề. Chuyên viên y đạo cũng đã được tham khảo ý kiến và cắt nghĩa cho bà hiểu rằng nếu có tiếp tục chữa trị cho bà cũng không thể cứu sống bà được, do đó mục đích của y khoa không còn ý nghĩa, vì vậy bác sĩ không buộc phải thi hành ước nguyện của bà. Sau đó bà được chuyển về phòng riêng và ngày hôm sau bà đã qua đời. Trong lúc hấp hối, bà luôn luôn lẩm bẩm yêu cầu: “Tôi biết bác sĩ không bắt buộc phải cứu sống tôi, nhưng làm ơn hãy để cho tôi sống”.

NHỮNG VẤN NẠN

Câu chuyện bà M. đặt ra rất nhiều thắc mắc nan giải liên quan đến ý niệm về sự chết gần kề trong phạm vi y khoa. Người ta tự hỏi “*Cái gì đã xảy ra lúc đó?*” “*Có điều gì sai quấy?*” “*Người thầy thuốc có phải làm cái gì khác thường không?*”

Phần chia sẻ dưới đây chỉ là cố gắng giải đáp phần nào những vấn nạn ấy. Hiểu rõ chuyện “y học hóa tử thần” trong y đạo là ta có thể thấy cái chết của bà M. quá ư thâm trầm và mất hết tình người.

Y đạo là kim chỉ nam giúp người y sĩ làm sáng tỏ và giải quyết những vấn đề khó khăn của trường hợp bà M. Tuy nhiên, chính những khúc mắc về cái chết của bà lại cho ta thấy rằng những quan niệm y đạo như quyền được tự chết và những phương cách trị liệu bằng thuốc và khoa học kỹ thuật tân kỳ hiện đại cũng chẳng có thể giải quyết được những lý luận tranh cãi về giá trị của sự sống; ngay cả những nguyên tắc y đạo cũng không bảo đảm được phương cách trị liệu có tính nhân bản cho bệnh nhân trong những giờ phút lâm chung. Sự Sống, Đau Khổ và Sự Chết là những thắc mắc mà Dostoyevsky gọi là “**Vấn Nạn Muôn Thuở**” mà con người không bao giờ có thể giải quyết được một cách hoàn hảo. Có lẽ điều tốt nhất mà chúng ta có thể làm được là cố gắng giải đáp những vấn nạn đó với hết ý thiện, lòng trắc ẩn cảm thông và nhiệt tình nồng cháy của lương tâm, chấp nhận may rủi trong sai lầm, luôn luôn cởi mở sẵn sàng đón chờ những cảm nhận mới đến từ tâm tư khắc khoải về sự sống và sự chết. Người y sĩ thường không mấy thỏa mãn với những giải đáp với điều kiện rồi từ đó đi tìm những nguyên tắc luật lệ dựa trên những chỉ dẫn có sẵn để tạo ra những bó buộc y đạo đối với bệnh nhân. Trong những trường hợp như vậy, người ta thường nại cố “*luật bắt buộc thế*” hay “*luật cho phép làm*”. Lúc đó thực ra người y sĩ đã vượt qua cái bốn phận mà người ta gọi là “*luật cho phép*”. Họ đã không phải chỉ dựa vào những chỉ dẫn của nhà thương mà còn nại cố nguyên tắc y đạo biểu làm. Họ quên, trong trường hợp bà M., rằng chính họ đã vi phạm những nguyên tắc chỉ dẫn có sẵn là “*phải tôn trọng ước nguyện trị liệu của người bệnh*” trong những giờ phút cuối cùng của đời bà.

Y KHOA TÂN KỲ, Y ĐẠO VÀ LUẬT PHÁP VẪN CHƯA ĐỦ ĐỂ GIÚP NGƯỜI BỆNH RA ĐI MỘT CÁCH AN LÀNH VỚI ĐẦY ĐỦ TÌNH NGƯỜI.

Bà M. đã được chữa trị một cách tuyệt hảo mà y khoa hiện đại đã có thể cung ứng hầu có thể đương đầu với tử thần. Đó là *Kỹ Thuật, Y Đạo và Luật Pháp*. Tuy nhiên cả ba cái đó đều thất bại, đã không thể giúp người bệnh chết một cách an lành với đầy đủ nhân cách của một con người nhân bản. Dem phân tích, chúng ta sẽ thấy những thiếu sót cơ bản:

Thứ nhất, sự chết thường được coi như một SỰ KIỆN (an event) trong khi thật sự nó là cả một TIẾN TRÌNH (progress) âm thầm và liên tục lâu dài. Theo E.Kubler-Ross trong “On Death and Dying” xuất bản năm 1969 thì chết là một tiến trình namh động xảy ra một cách liên tục trong đời sống và có những giai đoạn rõ ràng. Đời người là sự sống đang đi lên, đồng thời cũng là sự chết đang đi xuống. Đa số những người săn sóc bệnh nhân không là chứng nhân của những giây phút của sự chết chóc ấy, nên họ không cảm nhận được giá trị của những tình cảm thâm thiết mà bấp bênh mơ hồ trong tiến trình sự chết. Do đó nếu không có sự giúp đỡ an ủi của người thầy thuốc, của gia đình, xã hội và tôn giáo thì phương cách trị liệu chưa được hoàn hảo. Gia đình bà M. đã mệt mỏi vì phải săn sóc bà quá lâu. Riêng bà cũng đã mất sự thân mật, tình liên đới với những người có trách nhiệm săn sóc bà vì họ phải làm việc quá cực nhọc trong một hoàn cảnh quá bận rộn, không phải một lần mà dòng đã năm này qua năm nọ. Do đó chẳng ai còn để ý đến ước vọng chối từ hoặc muốn sống của bà. Chính những giai đoạn trong tiến trình sự chết đó lại có thể giúp họ cùng với bệnh nhân cảm nhận được bước đường dẫn đến sự chết một cách hữu lý và đầy tình nhân ái. Cũng chẳng ai thềm tìm hiểu lý do tại sao có lúc vì quá buồn nản, thất vọng, bà đã từ chối sự chăm sóc của mọi người trong khi bà vẫn còn muốn sống.

Thứ đến, phương pháp trị liệu hiện đại cho người bệnh trong cơn hấp hối nói lên sự đáp ứng cố tình và có sẵn đặt một cách máy móc của người y sĩ mà không đếm xỉa đến mặt tình cảm. Khi được hỏi cái gì làm cho người sắp chết sợ hãi nhất thì người y sĩ thường trả lời là ĐAU ĐỚN. Theo thiên nhiên và theo Pearlman thì không phải là đau mà chính là sợ sẽ là gánh nặng cho gia đình xã hội, sợ vì mất chức năng, sự tự lập và tình liên đới. Ngoài ra bệnh nhân còn phải vật lộn với những lo lắng, thắc mắc về tình cảm và cuộc sống tinh thần đời sau, sự thất vọng và cuộc sống vô nghĩa của đời người trong những giây phút cuối cùng điên loạn hoặc vật vờ vô tri giác. Những vấn đề tâm lý xã hội này, kể cả sự đau đớn, có lẽ chẳng bao giờ có thể giải quyết một cách thỏa đáng và hữu lý tận gốc rễ...

Chính tính cách chủ quan về nhiều khía cạnh của sự chết đã tạo nên nền sinh-y-học khách quan để rồi chính nó lại không muốn hay không có thể đối đầu được với tử thần. Khi phân tích ý nghĩa uẩn khúc đằng sau những câu như: "Đừng Cứu Sống" (Do Not Resuscitate / DNR), "Chích cho một Mũi an huệ" (Administer an Injection), "Hãy Cắt Đứt Hệ Thống Trợ Sinh / Rút ống" (Terminate Life Support), ta thấy rõ ràng là người y sĩ tiên khởi chỉ nhằm vào ý nghĩ và hành động tức thời hơn là ý nghĩ thâm kín trong câu nói hoặc những lý do thúc đẩy họ phải đương đầu với tử thần. Ngay cả khi người y sĩ thực sự muốn ở bên cạnh người bệnh để dìu họ đến gần sự chết một cách êm đềm thì thường cũng có những lẫn lộn giữa những điểm căn bản của y đạo, bởi vì chính những điều kiện và chỉ dẫn có sẵn cũng không được rõ ràng như đã xảy ra trong trường hợp bà M. . Hơn nữa, hiển nhiên là sợ hãi, chán nản, mặc cảm tội lỗi, bối rối pha lẫn với hy vọng yêu thương là những động lực chính đi đến quyết định tự tạo ra cái gọi là y đạo của những người can dự vào nội vụ, kể cả người thấy thuốc và vị cổ vấn. Dù vậy, những thúc đẩy và nhu cầu vô lý này cũng không bao giờ được đề cập đến và bàn luận một cách công khai xây dựng. Hình như thái độ "Tôi vô can, thờ ơ và duy luật lệ" đó của người y sĩ đối với cái chết đã khiến họ đứng đưng không muốn hiểu và cảm thông những nỗi niềm của người bệnh trong cơn hấp hối.

Sau cùng, người y sĩ trong trường hợp này, đã chia sẻ nghề nghiệp chuyên môn của họ với bệnh nhân một cách lệch lạc. Họ nghĩ rằng họ chỉ thi hành những chỉ dẫn có sẵn của nhà thương và y đạo, và như vậy họ đã hoàn thành trách nhiệm luân lý của họ. Họ đã không nhận biết rằng chăm sóc bệnh nhân trong cơn hấp hối là bổn phận của người thầy thuốc, kỳ vọng của tình liên đới người với người, giữa bệnh nhân và người y sĩ. Thực ra mà nói, chính những chỉ dẫn có sẵn cũng có những thiếu sót như ngôn ngữ mơ hồ, quan niệm lệch lạc, nhất là thiếu tính cách uyển chuyển. Mỗi chỉ dẫn, mỗi câu nói có thể được hiểu một cách khác nhau tùy người, ngay cả những người trong cùng một gia đình như trường hợp bà M.. Sự tin tưởng vào những chỉ dẫn, nguyên tắc và tài liệu một cách máy móc đã làm giảm mất nhiệm vụ và cơ hội chữa lành con bệnh của người y sĩ. Trong khi đó tử thần tự nó nói lên sự cấp bách của bệnh nhân là đòi hỏi người thầy thuốc phải hành động. Dĩ nhiên ước vọng khẩn thiết của người bệnh là muốn ông bác sĩ chú ý lắng nghe những ao ước của họ, tôn trọng lời hứa và giúp đỡ ủi an họ. Nếu những đòi hỏi này có thật trong đời sống con người thì chắc nó cũng cấp thiết khi con người đang trong cơn hấp hối. Có lẽ điều tuyệt hảo và dễ dàng nhất mà các bác sĩ có thể làm cho bà M. là đơn thuần hiện diện bên cạnh bà với tư cách người với người, biết cảm thông, thực tâm mong muốn chia sẻ tiến trình của tử thần và những nỗi niềm đớn đau của bệnh nhân và sự chết.

ĐÔI LỜI BÀN

Trường hợp bà M. cho ta thấy nếu chỉ đơn thuần đem khoa học kỹ thuật đến với bệnh nhân trong cơn hấp hối thì vô tình đã tạo ra một sự cách biệt giữa con người và khoa học, bởi vì khoa học chỉ có ý nghĩa thực sự khi nó phối hợp liên kết với con người. Phải chăng khi người bệnh nói lên hoặc đòi hỏi "Quyền Được Chết / Right to Die" là chính lúc họ đang phản đối chống lại loại sẵn sóc trị liệu máy móc vô nhân tính ấy. Với nhãn quan đó, ý của D.Humphry trong Final Exit, sách bán chạy phá kỷ lục, và ý kiến của nhiều người cũng như của một số nhà lập pháp có khuynh hướng nghiêng về phía đồng ý để bác sĩ giúp bệnh nhân chết / tự tử (physician assisted suicide) thực ra không nhất thiết là muốn người thầy thuốc trở thành kẻ sát nhân, mà điều thúc bách hơn cả là muốn người y sĩ và mọi người / xã hội hiểu rằng, có những lúc tâm trạng cảnh huống của người "đang chết" bê bối, tồi tệ, thảm thê hơn cả chính sự chết. Con người là linh ư vạn vật, là một phần chi thể của Chúa Kitô, có xác có hồn và trí khôn. Do đó bản tính của những ước mơ, băn khoăn thắc mắc của người bệnh trong cơn hấp hối cũng là hỗn hợp của cả xác lẫn hồn và đặc thù cá biệt tùy theo từng người. Thời gian hấp hối có thể là lúc kinh hoàng bế loạn nhất của kiếp người, sự hiện diện của người thầy thuốc bên cạnh bệnh nhân

hiển nhiên sẽ là những an ủi vô về, là bảo đảm chắc chắn cho những giá trị tuyệt hảo thâm sâu cùng kín của người bệnh, và là người bạn chí thân đáng tin cậy nhất có khả năng dẫn đưa người bệnh về bên kia thế giới, cõ chết một cách an bình thư thái. Bệnh nhân có thể muốn tìm cái chết, nhưng có lẽ chỉ với một ý nghĩa tiêu cực nào đó. Họ chỉ không muốn phải liên tục bước qua ngưỡng cửa tử thần đầy gian nan khốn khổ ấy. Những thành công vượt bậc trong phương pháp trị liệu của y khoa hiện đại với mục đích giúp người bệnh hết kinh hải tinh thần đón đầu thể xác và giảm thiểu số người muốn tìm cái chết / tự tử hẳn cũng chỉ muốn hướng đến những viễn tượng thâm sâu đó mà thôi.

Chết là đi vào thế giới mung lung vô định vượt khỏi tầm tay của con người, cho nên người y sĩ sẽ cảm thấy thoải mái dễ chịu và tự tin vào những hiểu biết và phương cách trị liệu của mình. Hỏi những người bệnh đang hấp hối cảm tưởng về sự chết thì đa số cho rằng họ linh cảm là sẽ đi vào thế giới kỳ lạ chưa ai biết. Đi rồi sẽ chẳng bao giờ trở lại. Do đó thực sự chẳng có ai biết thế giới bên kia của tử thần nó như thế nào.

Cũng chẳng ai trong chúng ta có thể biết được con bệnh phải chuẩn bị những hành trang gì trong những ngày cuối cùng của cuộc đời để sẵn sàng cho cuộc hành trình đó. Chúng ta là những người có niềm tin tôn giáo. Chúng ta tin vào Chúa / Phật. Chết là đi về thế giới đời sau, thế giới vĩnh cửu: Sinh ký tử qui. Thế giới đó là hiện thân và hậu quả của thế giới hữu hình phù du mà chúng ta đang sống. Làm tốt, sống thiện thì được hưởng lành. Sống độc làm ác thì phải chịu tội. Nhưng còn những người không có niềm tin tôn giáo, không tin vào đời sau thì sao? Thực vậy, không hiểu sao khi tử thần kề sát người bệnh thì ông bác sĩ thường hay tê cứng, mất hết cảm xúc? Chính lúc đó lại là lúc mà người bệnh cần có sự hiện diện của người thầy thuốc như sự hiện diện của linh mục linh hướng. Hình như là người y sĩ đã được huấn luyện hoặc tự tạo cho mình một sự cách biệt tình cảm đối với bệnh nhân, bởi vì nếu người y sĩ và bệnh nhân có những liên đới tình cảm với nhau thì khi người bệnh hấp hối qua đời người y sĩ sẽ khó tránh khỏi những xúc động hốt hoảng. Tuy nhiên đối với bệnh nhân thì lại khác, nhất là khi người bệnh trong cơn đau đớn khủng khiếp thì chính cái nhân tính con người tự nhiên của người y sĩ lúc đó lại là những liều thuốc có quyền năng vô hạn.

Khi mà sự chết không còn được coi như là một biến cố, một sự kiện có tính cách máy móc kỹ thuật như rút ống thở, ngừng trợ sinh (withdrawal of life support) hoặc chuyển thi hành ước nguyện của bệnh nhân có tính cách pháp luật (living will) mà được coi là một sự chuyển tiếp thần bí từ thế giới phù du sang thế giới đích thực thì lúc đó thần chết sẽ có sức chuyển thông trách nhiệm y đạo của người y sĩ đến cho người bệnh. Hiện nay người ta đang cố gắng giải quyết sự chết bằng pháp luật. Nhưng xét cho cùng lẽ lương tâm, chẳng có luật lệ khách quan nào lại có thể ngăn cản người thầy thuốc trách nhiệm đến với người bệnh trong cơn hấp hối. Ý niệm đó đã được Kierkegaard, ông tổ của thuyết hiện sinh, gọi là "sự thật chủ quan", trong đó người thầy thuốc và bệnh nhân gặp nhau với tư cách là những người khốn khổ cảm thông nhau mà không ai có thể chê trách hoặc làm tổn thương được; không có phương cách trị liệu nào, y học nào có thể ngăn cản cấm đoán nổi. Đó là sự tương phù giữa con người với con người, không phải tương phù y học kỹ thuật. Đó là nhiệm vụ chính của người thầy thuốc trong y khoa cổ điển. Hippocrates 400 năm trước Thiên Chúa, đã viết trong Aphorism: "Nghệ thuật trị liệu gồm ba chủ điểm là Bệnh Tật, Người Y Sĩ và Bệnh Nhân. Bệnh nhân và người thầy thuốc là những người bạn đồng hành luôn luôn cùng nhau sát cánh chống lại bệnh tật". Người thầy thuốc là chứng nhân và sứ giả của thần chết. Thời của Lương Y như Từ Mẫu trong Y Học Đông Phương.

Buồn thay, thời của tình người với người không còn nữa. Chính cái tình người đó mới là nhiệm vụ y đạo đích thực, ngàn đời và tối quan trọng của người thầy thuốc đối với bệnh nhân trong cơn hấp hối. Câu nói cuối cùng của bà M.: *"Tôi biết bác sĩ không buộc phải cứu tôi sống, nhưng làm ơn hãy để tôi sống"* rất đáng cho ta suy nghĩ. Sự sống là do Thiên Chúa ban cho con người, không ai có quyền hủy bỏ nó, kể cả chính bản thân mình.

"Lương Y như Từ Mẫu".

Pace Islands, Florida
Ngày cuối tháng 8, 2008

GÓP Ý CỦA MỘT ANH BẠN:

Tôi đưa bài viết này cho một anh bạn đọc và xin ý kiến. Anh bạn này người công giáo, đồng đạo với tôi, nhưng chắc chắn anh ngoan đạo hơn tôi nhiều lắm. Anh rất kính trọng và nể vì các cha, nhất là giám mục. Anh không có ý kiến nhiều về những vấn đề chuyên môn y khoa, nhưng anh đặt nặng vấn đề tôn giáo, nhiệm vụ của linh mục. Anh nói:

Những điều tôi viết về bốn phận của người y sĩ đối với bệnh nhân lúc hấp hối, ngoài việc chữa trị chuyên môn, xem ra cũng rất cần thiết cho linh mục bên cạnh người bệnh lúc sắp lìa đời. Phải chăng –anh thắc mắc- linh mục chỉ đến với người bệnh khi được mời và để làm vài phép bí tích cần thiết rồi ra đi? Các linh mục còn cần phải làm những gì đặc biệt khác hơn là những công việc thường lệ đó, như người thầy thuốc chỉ biết chữa cho bệnh nhân hết đau đớn thể xác?

Người y sĩ là "Lương Y như Từ Mẫu" thì vị linh mục cũng phải là một "Chúa Giêsu thứ hai / Alter Christus" sống với tâm lý, tâm tình, tâm tư, tâm trạng, nỗi lo sợ buồn vui và những khắc khoải lo lắng bồn loạn hãi hùng của người bệnh lúc lâm chung với lòng trắc ẩn cảm thông như "Sống" và "Chết" với người bệnh để dẫn đưa người bệnh đến gần Chúa hơn một cách êm đềm thanh thản và chấp nhận....

Bác sĩ Nguyễn Tiến Cảnh

VỀ MỤC LỤC

THẦN THÁNH HÓA GIỚI TU HÀNH

Bàn về những khía cạnh dẫn đến trình trạng thiếu trưởng thành tâm linh mà không nêu lên hiện tượng thần thánh hóa giới tu hành là một thiếu sót. Chúng ta không biết nguyên nhân của hiện tượng này từ đâu và do ai, phía tu hành hay phía giáo dân, nhưng hiện tượng ấy là một điều mà tất cả những ai có một tầm nhìn trưởng thành về Giáo Hội, và về đời sống tâm linh đều nhận thấy. Tuy nhiên, đây lại là một đề tài hết sức nhạy cảm, và đã từng gây ra nhiều tranh cãi, đôi khi gay gắt giữa hai phái hùnh hộ và cải cách. Một bên muốn giữ lại tất cả những gì là nề nếp, là tập tục, và cảm tình quý mến sẵn có dành cho giới tu hành, một bên muốn đặt lại cái nhìn và lễ thói cư xử để đem lại sự quân bình trong nếp sống tâm linh của chính mình cũng như của Giáo Hội.

Trường hợp 1: Tôi quen biết một người rất có lòng sùng mộ các vị chân tu. Bà rất mực đạo hạnh và kính trọng các linh mục, tu sĩ nam nữ. Sự kính trọng được coi là hơi quá mức và lắm lúc mù quáng. Một lần bà nhờ tôi dàn xếp để được gặp và xưng tội với một giám mục. Bà đã được toại nguyện, và bà đã tỏ ra hết sức sung sướng, đến độ bà cho rằng nếu bà có chết đêm hôm đó, bà cũng sẵn sàng, vì theo bà được xưng tội với một giám mục là một ước mơ quá lớn lao và hầu như không thể trở thành hiện thực đối với bà.

Trong đời sống bình thường, bà dành dụm, nhịn ăn, nhịn tiêu để rồi hầu như tất cả số tiền già của bà mỗi tháng đều được chia đều cho các hội bảo trợ ơn thiên triệu, hoặc xin lễ các dòng này, dòng khác. Bà không để bất cứ một ai động chạm đến các vị tu hành mà bà vẫn thường gọi là "các đấng".

Trường hợp 2: Một vị linh mục trước khi qua đời đã cho hội họp tất cả các con, cháu thiêng liêng, những người mà vị linh mục đó đã giúp đỡ cách này, cách khác trong đời sống tâm linh để trần trối. Một trong những điều được vị linh mục này nhắn nhủ các nghĩa tử của mình là không được bao giờ đụng chạm đến bất cứ một linh mục nào, bất cứ cách nào, nhưng phải tôn trọng tuyệt đối. Không được tố cáo, và đưa các vị ra trước tòa án với bất cứ hình thức nào. Tóm lại, linh mục là người bất khả xâm phạm.

Trường hợp 3: Một hôm, trong một cuộc họp mặt gia đình, người em dâu tôi hỏi:

- Anh có biết ông cha Đ.... ở tiểu bang Mississippi không?
- Nhiều linh mục Việt Nam ở Hoa Kỳ làm sao anh biết hết nổi. Nói rồi tôi hỏi lại cô em:

- Có gì đặc biệt nơi vị linh mục ấy khiến em muốn hỏi anh không?

- Có chứ! Rồi cô tiếp tục kể: Hồi năm ngoái tụi em về thăm bố mẹ em ở Mississippi, vợ chồng em cãi nhau thiếu điều muốn đánh lộn vì một ông cha. Anh ấy bảo là anh ấy thấy ông cha chửi thề và đánh bạc, còn em thì em nói là không bao giờ có chuyện ấy, hoặc anh ấy nhìn nhầm người. Nhưng anh ấy thì nói rõ là buổi tối hôm thứ Bảy anh và mấy người bạn ghé sông bài, gặp ông cha ấy đang ngồi đánh bài. Ông ta đánh rất hăng và khi được cũng như khi thua thì ông ta chửi thề và văng tục hơn cả những người chung quanh. Sáng Chúa Nhật hôm sau, lúc làm lễ và anh ấy nhìn kỹ mới rõ là ông là người mà anh gặp trong sông bài tối thứ Bảy.

KÍNH TRỌNG VÀ THẦN THÁNH HÓA

Ba trường hợp vừa nêu trên chỉ là những thí dụ điển hình mà nhiều Kitô hữu đã thường nghe và chứng kiến. Không những chỉ người Kitô hữu, mà ngay cả nhiều vị chân tu cũng đã xác nhận. Một vị linh mục cao niên và đã từng kinh nghiệm nhiều với các sinh hoạt mục vụ, đã có lần tâm sự và cho biết. Vị này nói: "Tôi là một linh mục, nhưng nếu tôi nói rõ hết những bê bối của nhiều vị, tôi sợ rằng nhiều người sẽ bỏ đạo!"

Tuy vậy, đối với phần đông tín hữu Việt Nam các linh mục vẫn là nhất: Thông thái nhất. Giỏi giang nhất. Đạo đức nhất. Thánh thiện nhất. Nhất đến độ không ai có quyền nhận xét, và phê bình. Cuồng tín hơn nữa là tư tưởng cho rằng tất cả những gì đụng chạm đến các linh mục, dù là những nhận xét và đóng góp tích cực, đều được coi là một sự xúc phạm. Và vì xúc phạm đến "cha" cũng có nghĩa là xúc phạm đến "Chúa": "Chống cha là chống Chúa!".

Một điều xem như nghịch lý là cũng thuộc thành phần tu trì, nói đến "cha" thì ai cũng bênh vực, nhưng nếu có ai phê bình mấy tu sỹ nam nữ không thuộc thành phần linh mục thì coi như chuyện bình thường và có thể chấp nhận. Quan niệm bình dân là vì hơn nhau cái "chức thánh".

- **Kính trọng:**

Kính trọng là hành động của con người hiểu biết trong tương quan xã hội, và đạo đức xã hội. Đặc biệt, trong một nền văn hóa chịu ảnh hưởng sâu đậm của Khổng Giáo. Những câu như: "Tiên học lễ, hậu học văn". Như "Quân, sự, phụ". Hoặc như "Một chữ cũng là thầy. Nửa chữ cũng là thầy". Tất cả đã nói lên sự kính trọng được dành cho những người có chức tước, bằng cấp, và địa vị trong xã hội. Và điều này được mặc nhiên công nhận. Những câu xưng hô như cụ tú, cụ cử, cụ nghè luôn luôn được nói lên với tâm tình mộ mến, và với lòng kính trọng.

Điều này dễ hiểu, vì trong hoàn cảnh xã hội của Việt Nam trước đây, cơ hội được tiếp thu với chữ nghĩa, với học hỏi chỉ dành cho một số ít may mắn. Nguyễn Du còn coi đây như một cơ duyên trời định, mà theo một nghĩa nào đó, như tiền định được dành cho một thiểu số ít ỏi: "Bắt phong trần phải phong trần, cho thanh cao mới được phần thanh cao". Những người có chút kiến thức, khoa bảng, vì thế, lại càng được nổi bật hơn nữa trong xã hội Việt Nam.

Riêng đối với những Kitô hữu, khi nhìn các linh mục, những vị chân tu thì ngoài những điều được nhắc đến về kiến thức, hiểu biết, lại còn một điểm coi như rất mực quan trọng, đó là "chức thánh". Thật vậy, tuy không hiểu chức thánh là gì, hoặc tuy không thấu đáo về chức thánh, nhưng hễ nói đến những ai có chức thánh thì phần đông Kitô hữu Việt Nam liền đồng hóa họ với đạo đức, với thánh thiện. Một linh mục kia đã có lần nói rằng người giáo dân đã phong thánh cho các linh mục liền ngay sau khi họ được phong chức.

Một con người có thể coi như thần thánh. Một con người được nhìn với cái nhãn hiệu thông thái, hiểu biết, và quyền uy như thế, nếu có được thần thánh hóa cũng là điều dễ hiểu trong cái nhìn của nhiều Kitô hữu Việt Nam. Nhưng chính vì thần thánh hóa như vậy, nên mới nảy sinh lối sống, và sự tương quan lệch lạc giữa các linh mục với giáo dân, và giáo dân với thành phần có chức thánh.

- **Thần thánh hóa:**

“Cha nói là Chúa nói”.

“Cha bảo vậy”.

“Cha là đại diện của Chúa. Cha bảo sao thì phải nghe như vậy.”

Những câu nói tương tự như trên hầu như những Kitô hữu nào trên 50 tuổi, cái tuổi phần lớn chịu ảnh hưởng bởi nền giáo dục tôn giáo mang nhiều ảnh hưởng “thần thánh hóa” các vị tu hành. Ở vào thời điểm này, phần đông Kitô hữu không tìm đâu ra hình ảnh trung thực của một vị linh mục, hơn là vị đó chính là đại diện của Đức Chúa Trời. Mà vì là đại diện Chúa, nên quyền uy cũng ngang ngửa như Đức Chúa Trời. Không ai được nói đụng tới. Không ai được phê bình. Và không ai được góp ý kiến. Bởi vì cha biết tất cả. Cha luôn luôn đúng. Và hơn thế, cha thay mặt Chúa.

Trong một dịp dùng cơm tại tư gia Đức Giám Mục Mai Thanh Lương, họa sỹ và điêu khắc gia Văn Nhân đã kể một câu chuyện khiến mọi người cùng nghe vui vẻ nhưng nghĩ lại mang rất nhiều ý nghĩa:

Đó là, khoảng thập niên 40, tại làng An Nghĩa thuộc tỉnh Bùi Chu có một ông trùm có máu cờ bạc. Thời đó cha Bằng làm chính xứ. Cha rất ghét cờ bạc, nên một hôm được báo cho biết là ông trùm đang tổ chức xóc đĩa tại nhà. Cha xứ liền gọi một ít thanh niên trong làng đến tận nơi. Không may cho ông trùm bị cha bắt tại trận. Và thế là cha ra lệnh nọc ông trùm ra đánh tới tấp khiến ông trùm phần xấu hổ với con cháu, phần đau quá không chịu nổi đã kêu lên:

- Nếu cha cứ tiếp tục đánh như vậy, tôi sẽ bỏ đạo.

- Gớm nhỉ! Thế thì ông trùm đành đánh mất linh hồn à! Vậy cụ đánh để rút linh hồn ông trùm ra trước nhá.

Vừa nói, cha xứ vừa tiếp tục quất liên hồi. Đau quá, ông trùm lại nói:

- Xin cha tha cho con. Con xin ăn năn chữa cái.

- Được! Để cụ đánh để nhét linh hồn ông trùm vào đấy.

...

Không biết là ông trùm làng An Nghĩa có bỏ đánh bạc, có ăn năn chữa cái, và cha xứ có nhét được linh hồn vào cho ông trùm không, nhưng đó là một câu chuyện cho thấy cái hậu quả của sự thần thánh hóa các linh mục thời bấy giờ.

Ngày nay, ngược lại, hình ảnh của các vị tu hành đã bị xóa nhòa nhiều, không phải vì giáo dân đã mất đi sự kính trọng, nhưng là đã bớt dần cái nhìn thần thánh hóa được dành cho thành phần tu hành. Giáo Hội Hoa Kỳ đã phải chi ra hơn 2 tỷ Mỹ Kim để bồi thường những thiệt hại do một số giám mục, linh mục trong vụ án lạm dụng tình dục. Hồng Y Bernard Law đã mất chức Tổng Giám Mục Boston vì bao che cho những vụ lạm dụng tình dục của các linh mục thuộc quyền ngài. Gần đây Giáo Phận San Diego là giáo phận thứ 5 trên toàn quốc Hoa Kỳ đã phải khai phá sản hàng trăm những vụ kiện cũng liên quan đến những vụ lạm dụng tình dục của các giáo sỹ trong địa phận. Riêng Giáo Phận Orange nơi có đông tín hữu Việt Nam cũng đã phải chi ra 100 triệu để bồi thường những xúc phạm về tình dục của hàng giáo sỹ. Nhưng rồi ngày 6 tháng 9 năm 2007, tòa án lại ra lệnh Giám Mục Tod Brown và Giám Mục Hồi Hưu Norman McFarland ra trả lời tiếp về những cáo buộc cũng liên quan đến những vụ xâm phạm tình dục của các giáo sỹ trong giáo phận.

Ngoài ra, hình ảnh của những linh mục, giám mục làm tay sai cho Cộng Sản Ba Lan trước đây cũng đã được bạch hóa, đã cho thấy rằng quan niệm thần thánh hóa giới tu hành là một quan niệm và lối sống đạo không trưởng thành. Và điều này cũng nói lên rằng không phải lúc nào “cha” cũng luôn luôn đúng. Và không phải hễ đã là “cha” thì được miễn trừ tất cả, và nhất là không ai được phép đụng tới.

CHỨC THÁNH VÀ CON NGƯỜI

Không ai phủ nhận thiên chức linh mục, và cũng không ai thắc mắc gì về sự cao cả của thiên chức này. Nhưng điều thường gây ra những ngộ nhận và rắc rối là sự hiểu biết lẫn lộn về sự cách biệt giữa chức thánh và con người mang chức thánh.

- **Chức thánh:**

Qua ánh sáng đức tin, và do lòng thành kính đối với Chúa và Giáo Hội, phần đông các tín hữu đều tin tưởng rằng, chức thánh là do Chúa và đến từ Chúa. Người Kitô hữu Việt Nam có lẽ ít ai thắc mắc hoặc muốn vận hỏi về ý nghĩa thần học hoặc tu đức của chức thánh. Ngược lại, ai cũng đều tin tưởng một cách chân thành rằng chức thánh là do Chúa, và sự tuyển chọn đến từ Ngài.

Trong thời kỳ Cựu Ước, thành phần tư tế thuộc dòng họ Aaron. Trong Tân Ước, Chúa Giêsu đã thiết lập hàng ngũ tư tế mới. Ngài đã tuyển chọn 12 Tông Đồ, và qua các ngài, quyền năng của chức thánh được trao ban cho các Giám Mục, và từ các Giám Mục đến các giáo sĩ và phó tế. Phần đông Kitô hữu cũng tin những gì Chúa Giêsu đã phán với các Tông Đồ về ơn gọi và thánh chức của các vị: "Thầy không gọi các con là tôi tớ, vì tôi tớ không biết việc chủ mình làm. Nhưng thầy đã gọi các con là bạn hữu, vì thầy đã tỏ cho các con mọi việc thầy đã nghe nơi Cha Thầy. Chẳng phải các con chọn thầy, nhưng thầy đã chọn các con, và sai các con đi để mang lại nhiều hoa trái, và để những hoa trái ấy được tồn tại" (Jn 15:15-16).

Chức thánh của Tân Ước mang rõ 3 nhiệm vụ:

- Rao giảng và làm chứng nhân cho Tin Mừng: "Hãy đi khắp thế giới và rao giảng Tin Mừng cho muôn dân" (Lc 16:15).

- Cử hành các bí tích, nhất là bí tích Thánh Thể như lệnh truyền mà Chúa Giêsu đã truyền dạy các Tông Đồ trong bữa Tiệc Ly: "Các con hãy làm việc này mà nhớ đến Ta" (Lc 22:19). Thánh Phaolô Tông Đồ còn viết rõ về vai trò tư tế như sau: "Vì chúng mọi thượng tế được chọn giữa loài người để lo việc Thiên Chúa thay cho con người, tiến dâng lễ vật và hy lễ đền tội. Ngài có thể chạnh lòng thương những kẻ u mê lầm lạc, vì chính ngài cũng lâm phải yếu đuối tứ bề. Và vì yếu đuối, thì cũng phải như dân, ngài phải dâng lễ đền tội cho mình. Và không ai được tự chọn cho mình vinh dự ấy, nhưng phải được Thiên Chúa tuyển chọn như Ngài đã chọn Aaron" (Hb 5:1-4).

Tóm lại, những đặc quyền đi liền với thánh chức là: Rao giảng và làm chứng nhân cho Tin Mừng Cứu Độ. Ban các bí tích. Và nhất là cử hành bí tích Thánh Thể, để nuôi dưỡng và củng cố đời sống tâm linh của các tín hữu cũng như của chính mình trên hành trình đức tin trần thế. Thiếu sót, hoặc lơ là trong những việc làm ấy, linh mục hay giám mục đã bị coi như không làm trọn bổn phận và sứ mạng được giao phó.

Thật vậy, khi tuyển chọn các Tông Đồ, Chúa Giêsu không đòi hỏi các ông phải có học lực và thông thái. Nhiều linh mục ngày nay tuy có những bằng cấp chuyên môn về thần học, triết học, tu đức, thánh kinh, giáo luật, hay giáo hội và các bằng cấp chuyên môn khác vẫn không thay thế được 3 chức năng trên. Tất cả cũng chỉ để bổ khuyết và làm cho ơn gọi, sứ mạng của mình thêm phong phú hơn mà thôi. Trên thực tế, nhất là ngày nay, ít người hỏi và muốn biết xem các linh mục có những bằng cấp gì. Nhưng điều mà người tín hữu muốn thấy nơi các linh mục, các giáo sĩ là qua lời nói, việc làm, và đời sống, họ có tìm gặp Đức Kitô không, như lời Đức Gioan Phaolô II: "Ngày nay, nhân loại không cần những thầy dạy, mà cần những chứng nhân".

Bằng một cái nhìn có tính cách xã hội, tổ chức và cấu trúc của Giáo Hội với hàng tu sĩ, giáo sĩ, giám mục, hồng y, hay giáo hoàng, tất cả những cái đó chỉ là hình thức, và nó phù hợp cho đời sống Giáo Hội cơ chế. Bởi vì Giáo Hội, ngoài phần thiêng liêng, vẫn phải tồn tại với thế giới hiện tại.

Trong ngày Chung Thấm, tất cả những kẻ bị phạt hay được thưởng đều được hỏi chỉ có một câu hỏi, và có cùng một câu trả lời như nhau: "Ta đói các ngươi đã cho ăn. Ta khát các ngươi đã cho uống. Ta mình trần các ngươi đã cho áo mặc. Ta đau ốm các ngươi đã thăm viếng. Ta tù tội các ngươi đã thăm viếng an ủi" (x. Mt 25:31-46). Tuyệt nhiên không thấy Chúa đề cập đến vai trò giáo hoàng, hồng y, tổng giám mục, giám mục, linh mục, tu sĩ nam

nữ, hay giáo dân. Bởi vì, dưới con mắt Chúa, tất cả mọi người đều là anh em. Và cũng chính vì thế, Chúa dạy mọi người khi cầu nguyện phải thưa với ngài: "Lạy Cha chúng con ở trên trời" (Mt 6:9).

- Con người lãnh nhận thánh chức:

Nhưng có lẽ vì nghĩ rằng mình xứng đáng, hoặc ngộ nhận về vai trò ơn gọi của mình nên đã có nhiều linh mục, kể cả giám mục đã lạm dụng thánh chức với những mục đích riêng tư của mình. Trong lịch sử Giáo Hội thời Trung Cổ đã cho thấy rất nhiều những thiếu sót này kể cả một số giáo hoàng, hồng y, và giám mục.

Điều này dễ hiểu, vì khi được tôn trọng và yêu kính quá, thường người ta dễ sinh tự mãn và tự tôn. Thánh Tiến Sĩ Têrêsa d'Avilla đã nói về điều mà nhiều người vẫn không muốn nghe về thành phần chức thánh, đó là: "Nền hỏa ngục được xây bằng sọ các linh mục". Phải chăng đây cũng là lý do tại sao Thánh Têrêsa đã cải tổ dòng kín Camêlô với chủ đích chuyên lo cầu nguyện cho các linh mục.

Thật ra, không phải Thiên Chúa ngặt nghèo với thành phần giáo sĩ, những người mang chức thánh, vì chẳng có ai tự cho mình xứng đáng với chức thánh. Hơn nữa, sẽ chẳng ai dám chấp nhận làm chứng nhân cho Ngài. Nhưng vì sự thánh thiện và sự cao trọng của thánh chức đòi hỏi những ai được mời gọi phải hết sức thận trọng, và không được lơ là, buông tuồng. Bởi lẽ mọi hành vi, ngôn ngữ, cử chỉ của họ đều mang sắc thái đặc biệt, là làm chứng nhân và đại diện cho Thiên Chúa. Vì vậy, nếu có ai trong họ coi thường, thì không phải chỉ coi thường chính họ, coi thường niềm tin mà cộng đoàn dân Chúa có đối với họ, mà là coi thường chính Thiên Chúa. Do đó, hình phạt của họ cũng trở nên rất nặng nề. Câu truyện về Thánh Phanxicô d'Assi đã cho thấy cái mỏng dòn, và cái thánh thiện rất dễ lẫn lộn và khó lòng phân biệt.

Thánh Phanxicô suốt đời chỉ dám nhận chức Phó Tế. Bởi vì đã có lần trong lúc chuẩn bị lãnh chức linh mục, một thiên thần Chúa đã hiện ra với thánh nhân đưa ra trước mặt thánh nhân một ly nước trong vắt, và tinh sạch. Thiên thần bảo ngài nếu thấy mình trong sạch, tinh tấn như vậy thì hãy bước lên. Vì ý thức được điều Chúa muốn, nên Phanxicô đã không bao giờ dám lãnh chức linh mục.

Tóm lại, chức thánh không bảo đảm cho người lãnh nhận nó. Nó càng không phải là cái bùa hộ mệnh cho những giới chức nào lạm dụng để được người đời sùng mộ và trọng kính. Dân Chúa có thể tôn trọng và dành sự kính trọng đặc biệt đối với những ai mang chức thánh, nhưng thần thánh hóa họ, và lẫn lộn họ với Chúa là điều không phù hợp với đức tin và đời sống trưởng thành của một Kitô hữu. Người lãnh nhận chức thánh chưa hẳn là người thánh. Và sự tôn trọng người có thánh chức không có nghĩa là thần thánh họ, và đồng hóa họ với thánh thiện.

NGỘ NHẬN GIỮA CHA VÀ CHÚA

Vì sự tôn kính với sắc thái đặc biệt như vừa trình bày ở trên, nên hậu quả đưa đến là, nhiều Kitô hữu vẫn lẫn lộn, hoặc không dám thẳng thắn phân biệt giữa những vị có chức thánh và Thiên Chúa. Sự ngộ nhận này đồng hóa không những người có chức thánh với sự thánh thiện, mà hơn thế nữa, với chính Thiên Chúa. Câu nói: "Chống cha, chống Chúa" được hiểu theo cái nhìn và tư tưởng đồng hóa này.

- Cha nói là Chúa nói:

Trở lại những dẫn chứng điển hình vừa được nêu lên ở trên, tư tưởng đồng hóa người lãnh nhận chức thánh với chính sự thánh thiện, và hơn nữa, với chính Thiên Chúa đã đem lại những hậu quả tai hại, là hễ những gì các giáo sĩ, tu sĩ nói đều là đúng và là do Chúa nói. Nhưng thực tế lại không phải vậy.

Trường hợp 1: Trong một buổi hồi tâm, cấm phòng, một linh mục đã khẳng định và nhắc đi nhắc lại rằng, ngày Thứ Năm Tuần Thánh, trong Bữa Tiệc Ly, Chúa Giêsu đã lập 3 Bí Tích: Bí Tích Thánh Hôn, Bí Tích Thánh Chức và Bí Tích Thánh Thể. Mọi người đều hết sức ngỡ ngàng, vì từ bé đã được học hỏi rằng, trong Bữa Tiệc Ly, Chúa Giêsu thiết lập Bí Tích Thánh Thể, Bí Tích Truyền Chức. Chưa hề bao giờ truyền thống Giáo Hội có thêm một Bí Tích trong ngày Thứ Năm Tuần Thánh, mà Bí Tích ấy lại liên quan trực tiếp đến đời sống hôn nhân gia đình,

đó là Bí Tích Thánh Hôn.

Nhưng linh mục ấy vẫn duy trì sự hiểu biết của mình bằng cách dẫn chứng vụng về là trong Bí Tích Hôn Phối tình yêu của đôi trai gái, của đôi vợ chồng trao nhau làm nên giá trị và nền tảng đời sống hôn nhân. Và theo ông, tình yêu hôn nhân chính là phản ánh của tình yêu Thánh Thể, và Bí Tích Truyền Chức.

Người viết đã có lần hỏi một Giám Mục về quan điểm thần học mới mẻ ấy, thì vị Giám Mục chỉ cười mà không nói thêm gì.

Trường hợp 2: Trong một ngày tĩnh tâm khác, cũng chính vị linh mục giảng thuyết trên đã khẳng định rằng ông sẽ không cho bất cứ một người nào được phép ngừa thai. Bởi vì, theo ông, cho phép ngừa thai như vậy là làm giảm giá trị đời sống tu hành. Mọi người trong hội trường nín thở, và không hiểu vị giảng thuyết muốn nói gì. Nhưng ông đã giải thích như sau:

Khi được một bà 60 tuổi hỏi mình có được phép ngừa thai không, ông đã trả lời là không. Theo ông, nếu cho một người ngừa thai, thì phải cho tất cả mọi người ngừa thai. Vì đã cho một người thì phải cho tất cả. Và ông tiếp tục lý luận, trong cái tất cả ấy có cả tôi, và những người khác trong thành phần tu hành. Như vậy, cho phép ngừa thai là làm nhục và làm giảm giá trị đời sống tu trì.

Trường hợp 3: Một linh mục trẻ rất thích nói, viết, và trình bày về sinh lý, về hành động vợ chồng. Những bài nói chuyện, những trưng dẫn của linh mục trẻ này đã đi đến sống sượng, và nô nê hơn cả những câu chuyện phòng the được các tác giả khác trình bày ở những sách báo khoa thân hoặc khiêu dâm. Một vài giáo dân có uy tín và hiểu biết đã kín đáo viết thư góp ý, và đã nhận được những lời lẽ đáp trả, đại khái:

Các anh là những người có con mắt phàm tục, tội lỗi nên nhìn gì cũng phàm tục và tội lỗi. Tôi là người không có con mắt ấy, nên sinh lý, và những hành động trai gái, vợ chồng tôi nhìn thấy toàn sự thánh thiện.

Trường hợp 4: Một linh mục dòng Tên, nổi tiếng về chương trình hướng dẫn và thăng tiến đời sống gia đình, ông đã trình bày về sinh lý trong một tác phẩm mà ông cho là đặc ý. Trong một đoạn viết về sinh lý, ông đã ví người thiếu nữ khi khoa thân trước mặt chồng, nài nỉ như “Đức Trinh Nữ”. Sự xúc phạm này đã được nhiều giáo sỹ, và anh chị em giáo dân góp ý, nhưng độc giả vẫn thấy các tác phẩm này được bày bán cùng với tác phẩm sau khi được hiệu đính sau đó. .

Không biết các nhà luân lý, thần học, giáo luật, và tu đức nghĩ gì về những thí dụ trên. Nhưng nếu nói linh mục nói là Chúa nói, thì phải hiểu là cả bốn trường hợp trên, Chúa đều nói và viết tầm bậy.

Hoặc như trường hợp của linh mục Bàng nói đánh mà rút được linh hồn người khác, và đánh mà nhét linh hồn người khác vào được cũng phải hiểu là Chúa nói dốt. Chúa “nổ”. Hay như trường hợp linh mục đến sòng bài, đánh bài và chửi thề rồi đổ thừa cho Chúa cũng bài bạc, chửi thề là một xúc phạm quá lớn lao đến Thiên Chúa và sự thánh thiện của Ngài.

Tóm lại, linh mục, hoặc người có chức thánh có thể nói những điều tốt lành về luân lý, đạo đức, và người Kitô hữu cần phải cung kính, lắng nghe để ứng dụng vào đời sống tâm linh của mình. Ngoài ra, sự hiểu biết giới hạn của một người, đòi chúng ta phải suy nghĩ và cân nhắc về những gì các vị ấy nói, biết, và viết. Bởi vì các vị cũng chỉ là con người.

- Chống cha là chống Chúa:

Như vậy, không đồng ý với các linh mục trên, hoặc nói một cách nô nê là bất đồng, không chấp nhận những nhận xét và ý kiến ấy có thể gọi là chống Chúa không? Ai dám tự nhận mình là Chúa trong những trường hợp như thế. Đến như gọi nhau là “cha”, mà Chúa Giêsu còn không bằng lòng nữa, hống hờ đồng hóa các linh mục với “Chúa”. Chúa Giêsu đã nói: “Các con đừng gọi ai là cha ở dưới đất, vì các con chỉ có một cha ở trên trời. Cũng đừng gọi ai là thầy, vì chỉ có một thầy là Đức Kitô” (Mt 23:9).

Cũng vì sợ có sự lầm lẫn ấy, Thánh Phaolô Tông Đồ và Thánh Barnaba Tông Đồ đã phải

kêu lên khi người ta tưởng mình là thần minh. Tông Đồ Công Vụ đã nói về trường hợp này khi hai vị đang ở Lystra như sau:

“Lúc ở Lystra, có một người què từ lúc mới sinh; anh ta phải đi bằng nạng và suốt đời không tự mình bước đi được. Vào một hôm anh ta ngồi nghe Phaolô giảng, và Phaolô đã nhìn thấy lòng tin nơi anh để được chữa lành. Ngài gọi anh lớn tiếng “Hãy đứng dậy bằng đôi chân của anh!”. Người què liền nhảy lên và bắt đầu đi lại chung quanh. Khi đám đông nhìn thấy những gì Phaolô đã làm, họ kêu lớn tiếng bằng thổ âm Lycaonia, “Các thần minh đã đến với chúng ta qua hình dạng con người!” Họ gọi Barnaba là Zeus, và Phaolô là Hermes, vì ngài là phát ngôn viên. Ngay cả vị tư tế của đền thờ Zeus ngoài thành cũng mang bò và vòng hoa ra cống thành vì ông muốn cùng với dân chúng dâng tiến lễ vật.

Khi các tông đồ Barnaba và Phaolô nghe vậy, họ liền xé áo mình ra và chạy đến giữa đám đông: “Anh em, tại sao anh em làm thế?” Các ngài la lớn: “Chúng tôi cũng là những con người như anh em. Chúng tôi đang mang đến cho anh em một tin vui mà sẽ chuyển đổi anh em khỏi những hành động huyền hoặc đó đối với Thiên Chúa hằng sống, Đấng tạo dựng đất trời, biển khơi và muôn loài trong đó” (Act 14:8-15).

Tóm lại, những gì được trình bày trên chỉ nhằm dẫn đến một kết luận là linh mục, hàng giáo sỹ, kể cả giám mục là những người được Chúa ban cho chức thánh cao cả. Các ngài được tuyển chọn giữa loài người. Tuy nhiên, điều này không có nghĩa là các ngài được miễn trừ khỏi những yếu đuối và khuyết điểm của thân phận con người. Do đó, việc thần thánh hóa các ngài là một điều không những không giúp gì cho đời sống trưởng thành của người Kitô hữu. Hơn thế nữa, hành động này còn làm cố vấp ngã cho các vị tu hành, bởi vì, sẽ có một lúc nào đó, họ tưởng họ là Thượng Đế. Họ có quyền nói năng, hành động như Thượng Đế. Và vô tình hay hữu ý, họ đã đánh mất đi ý nghĩa, và sự cao cả của ơn gọi của mình.

Người Kitô hữu trưởng thành khi tiếp xúc với các giáo sỹ và linh mục:

Kính trọng nhưng không thần thánh hóa.

Yêu mến nhưng không sợ hãi.

Hỗ trợ nhưng không chống đối.

Phê bình nhưng không chỉ trích.

(Kỳ sau: Sống lệ thuộc vào giáo hội cơ chế

Tiến Sĩ Trần Mỹ Duyệt

VỀ MỤC LỤC

HÃY ĐỨNG NGOÀI CUỘC (4)

Cô bé Thanh Nga 6 tuổi ngồi bên cạnh anh nó Thanh Quang 9 tuổi, đang xây công trình trò chơi của nó. Thanh Mỹ 7 tuổi rưỡi giúp anh nó làm. Mọi người đang im lặng và hăng hái, bỗng Thanh Nga giang gót chân đạp vào anh nó Thanh Quang.

“Nga lấy chân đi,” Thanh Quang la lớn khi em nó giúi chân đạp lần thứ hai.

“Cái gì?” Cô bé Thanh Nga hỏi lại giả vờ như không biết gì.

Sau cùng, cô bé lấy chân đi. Rồi cô bé lại giấn chân ra. Anh nó đánh vào chân nó. Cô bé nhảy nhồm, khóc, và chạy vào trong nhìn ra cửa sổ. Từ cửa sổ nhìn quanh, cô bé nhìn thấy bà mẹ đang làm việc trong vườn hồng. Lúc này, cô bé mới thét lên và khóc:

“Mẹ, anh Quang đánh con.”

Bà mẹ ngưng việc và đi vào nhà. Bà nhìn thấy vết đỏ trên chân của Thanh Nga, yên ủi

nó, và lập tức đi gặp anh nó.

"Quang, tại sao con đánh em con?"

"Nó chọc con trước" cậu bé bảo vệ mình.

"Em không đánh. Anh đánh em, cô bé hét lên, em không làm gì cả."

"Mày cũng đánh tao, cậu bé la lên, mày đá tao nhiều lần."

"Mẹ, con không đá anh. Con chỉ giang chân mà thôi và chân đụng phải anh. Con không đá anh."

"Đừng có già mồm" cậu bé nạt lại.

Bà mẹ can thiệp: "Con phải biết xấu hổ. Bé Nga là đứa nhỏ nhất trong nhà và con là đứa lớn nhất. Con nên là một mẫu gương tốt. Con thật là ác khi con đánh một đứa nhỏ hơn con. Bây giờ con xin lỗi em đi và đừng bao giờ đánh em nữa."

Trong khi bà mẹ quở trách cu Quang, cô bé Thanh Mỹ ngồi quan sát tất cả.

"Mẹ, con không đánh em" Thanh Quang nói.

"Mẹ biết con là đứa con trai tốt. Nhưng tại sao con thử mẹ như thế. Tại sao con không cư xử tử tế với chính con. Hãy xin lỗi em con đi."

Cô bé Nga ngưng khóc và đứng nhìn anh nó với sự thích thú. Mặt cuối xuống, liếc mắt nhìn, và nở nụ cười mỉa mai trên môi. Cậu bé Quang lăm bằm: "Xin lỗi" mắt nhìn xuống sàn nhà.

Bà mẹ lưu ý: "Bây giờ hãy chơi lịch sự với nhau. Tụi con nên yêu nhau vì là anh em với nhau. Không được đánh nhau nữa nghe chưa!"

Bà mẹ rời chúng nó. Cu Quang đi vào phòng nghiêng răng giận dữ. Cô bé Nga hình mũi nói với anh:

"Mẹ nói anh nên lịch sự với em vì em là đứa nhỏ nhất."

"Cốc kìa! Thôi đừng nói chuyện đó nữa. Đó là chuyện của tao và tao không muốn mày lẫn quẩn ở đây nữa."

Cô bé quay một vòng và rời khỏi anh nó.

"Đi mách đi cô bé" cu Quang chọc tức cô bé.

Cô bé đi vào bếp tìm mẹ:

"Mẹ, anh Quang không cho con chơi với anh. Anh chọc tức con" cô bé cảm râm.

Bà mẹ đi vào phòng của cu Quang:

"Con ơi, sao vậy? Tại sao con không cho em chơi với con?"

"Nó làm lộn xộn tất cả đồ của con."

"Quang, con hư lắm. Con đi ngồi vào ghế ở trong bếp kia cho tới khi nào con cảm thấy thích chơi với em con."

Nói rồi, bà mẹ chộp lấy cánh tay của bé Quang trong lúc cô em nhìn với sự giận dữ. Bà mẹ đưa cậu bé vào bếp và đặt vào trong ghế. Cô bé Nga hài lòng và trở lại với Thanh Mỹ:

"Chúng ta đi ra ngoài chơi chị Mỹ."

"Vâng, chúng ta chạy ra chơi trong lều."

Cả hai đều phóng nhanh ra ngoài và rời khỏi đó.

Nhiều lần chúng ta cảm thấy rằng chúng ta cần có mắt đàng sau đầu. Nếu được như vậy, trong trường hợp này, bà mẹ có thể đã có lợi là nhìn thấy được điều trẻ con nói với bộ mặt của chúng. Cu Quang, hai vai nặng gánh với trách nhiệm là đứa lớn nhất, có đủ thời gian thích nghi với hai đứa em của nó. Tương quan giữa con trẻ với nhau là tranh chấp. Bà mẹ trong cố gắng giải quyết những trận chiến bằng cách tách rời chúng ra và thuyết phục chúng hãy yêu thương nhau, nhưng với cách đó bà chỉ làm cho vấn đề thêm trầm trọng. Bà đứng về phía đứa nhỏ hơn bằng cách bảo vệ nó chống lại đứa lớn. Sự bảo vệ thái quá của bà củng cố quan niệm của cô bé về nó như một đứa sơ sinh, là đứa có thể đòi hỏi sự quan tâm đặc biệt. Ở tuổi 6, cô bé có thể tự lo cho chính mình và không cần phải bảo vệ cho nó nữa. Ngay đầu những đứa lớn hơn thật sự nên trông chừng nó, nó hoàn toàn có thể tự bảo vệ được chính mình. Trong việc làm cho bé Quang trở thành người bị cáo, bà mẹ đã rơi vào bẫy của cô bé Nga để đề anh nó xuống và để nó nổi lên. Cái trò lên lên xuống xuống này tùy thuộc vào cha mẹ đứng về phía nào trong trận chiến giữa các con trẻ. Đứa trẻ thất bại kết thân với đứa thành công hơn. Như vậy, không lâu sau khi trận chiến được giải quyết, trận chiến khác đang được chuẩn bị. Bất cứ khi nào cha mẹ còn đứng về một phía, đứa này là kẻ chiến thắng, và đứa kia là kẻ chiến bại. Người ta có thể chắc chắn rằng người chiến thắng là người xếp đặt để thuyết phục được cha mẹ về sự vô tội của nó, và thường là đứa khơi nguồn trận chiến. Cố gắng chiếm được ưu thế và có cha mẹ đứng về phía mình làm cho vấn đề càng dễ mang lại một trận chiến từ phía đối thủ. Sự nổi loạn nằm đằng sau trận chiến. Với sự nổi loạn trong đầu, làm sao những lời giáo huấn của chúng ta về sự yêu thương nhau có được kết quả? Việc giáo huấn chỉ làm tăng sự khó khăn vì nó đòi hỏi một điều nên làm mà người ta không thể đáp ứng nên chỉ làm tăng thêm căng thẳng.

Nếu bà mẹ nhìn cô bé Nga chỉ cần một giây, bà có thể nhìn thấy được tương quan giữa những đứa con. Luôn có vẻ thỏa mãn trên nét mặt của đứa con không bị quở trách. Đứa bị khiển trách không được ưu đãi. Một lần nữa, cô bé cố ý tạo nên cuộc chiến để đẩy anh nó đến chỗ rắc rối. Điều đó mang lại sự hồi hộp và càng củng cố vai trò của cô bé. Sự kiện là cô bé chạy đi tìm cho ra mẹ nó đang ở đâu trước khi khóc là một mẫu chốt. Thanh Mỹ lợi dụng tình thế để nhắc nhở mọi người về việc nó tốt là dường nào để củng cố địa vị của nó. Một lần nữa, bé Quang cảm thấy mình trong vai trò của đứa con xấu. Vì nó đã bị kết án như vậy nên nó không thèm cố gắng để có liên quan tốt đẹp với em nó. Khi bà mẹ can thiệp vào sự tranh cãi của chúng, bà củng cố quan niệm về chính mình của mỗi đứa trẻ, củng cố quan niệm sai lầm về giá trị của mỗi đứa, và thay vì dạy cho chúng ngưng chiến, bà lại cho chúng thấy chiến tranh thì có lợi biết bao.

Nếu bà mẹ phớt lờ tình trạng đó đi và cho thấy sự tin tưởng vào khả năng của cô bé có thể tự lo cho chính nó, và để điều đó cho chúng nó tự giải quyết những khó khăn của chúng, cuộc chiến sẽ mất đi sự hấp dẫn của nó. Cái khóc thét lên của cô bé là một chiến thuật, không phải là kết quả của cuộc chiến. Nếu bà mẹ không bị ám ảnh mỗi lần cô bé khóc, cô bé sẽ bỏ đi chiến thuật khóc la vô ích đó.

Dĩ nhiên, nếu bố và mẹ giao chiến, con cái sẽ bắt chước. Chúng thấy kỹ thuật này được dùng bởi người lớn như một phương tiện để giải quyết những khó khăn và như vậy chúng cũng có thể dùng. Trong trường hợp này, đánh nhau là phương tiện để giải quyết vấn đề, có thể trở thành một giá trị của gia đình, cho dẫu một đứa nổi loạn có thể di chuyển trong chiều hướng ngược lại và phát triển những giá trị ngược lại với những giá trị của bố mẹ nó.

Luôn luôn có sự tranh chấp quyền lực trong một cuộc đánh đấu nhau. Những người bằng nhau không cần dùng những xung khắc như một phương tiện để chiếm ưu thế. Họ có thể giải quyết sự khác biệt mà không cần thắng bại. Nhưng khi cảm giác về vị thế của một người bị đe dọa bởi sự biến động của người kia, sự xung đột biến thành một sự đọ sức. Sự thù nghịch được khơi dậy để tỏ cho thấy sự thiếu chú trọng đến lịch sự và quan tâm, và người ta tìm cách phục hồi tình trạng đã mất với giá phải trả của đối phương. Khi chúng ta đứng về phía đứa bé sơ sinh, bảo vệ đứa trẻ nhất chống lại đứa lớn nhất, chúng ta đứng lên bảo vệ cho đứa trẻ bị lạm dụng, chúng ta củng cố cảm giác mặc cảm bé nhỏ vô dụng của nó và dạy nó cách dùng sự bất lực và yếu kém của nó để chiếm sự quan tâm đặc biệt, càng làm tăng thêm tình trạng không tốt đẹp mà chúng ta muốn loại bỏ. Khi chúng ta để mặc cho chúng, chúng sẽ thiết lập một tương quan bình đẳng và công bằng hơn chúng ta cung cấp cho chúng. Chúng học bằng ảnh hưởng của thực tại để phát triển sự ngoại giao, bình đẳng, công bằng, công chính, quan tâm, và sự kính trọng lẫn nhau. Đây là những điều mà chúng ta muốn con cái chúng ta học. Chúng ta cố gắng giúp chúng bằng cách đứng ngoài cuộc để cho chúng có

khoảng trống để phát triển.

Người ta có thể có một cuộc thảo luận thân tình về sự tranh chấp mà không phải dùng đến tay chân để đấm đá, và vạch ra với con trẻ những cách thể giải quyết những khó khăn. Tuy nhiên, điều này không thể làm được trong lúc trận chiến đang diễn ra, vì lúc đó lời nói không làm được gì, mà chỉ trở thành khí giới cho trận chiến đang tiến hành.

Lm. Lê văn Quảng, tiến sĩ tâm lý

VỀ MỤC LỤC

KÍNH GỬI: QUÝ LINH MỤC CHÍNH XỨ, VÀ CÁC LINH MỤC CÔNG GIÁO VIỆT NAM.

DÒNG CHÚA CỨU THỂ VIỆT NAM

Sài Gòn, ngày 30 tháng 8 năm 2008

Kính gửi: Quý Linh Mục Chính xứ, và các Linh Mục Công Giáo Việt Nam.

Trọng kính quý cha,

Trước làn sóng thông tin một chiều của các báo, đài Việt Nam, Tỉnh Dòng Chúa Cứu Thế chúng con nhận thấy cần phải lên tiếng về một sự thật. Chúng con không có một phương tiện thông tin nào để chia sẻ do đó, chúng con xin mượn lá thư này để thưa chuyện với quý cha về vụ việc tại Thái Hà, Hà Nội.

Vào năm 1928, Đức Giám mục Francois Chaize, Giám quản Tông toà Giáo phận Hà Nội, đứng tên mua giúp Dòng Chúa Cứu Thế một lô đất, khu đất nằm trên quốc lộ 6, nay là phố Nguyễn Lương Bằng với tổng diện tích 61.455m². Sau đó, DCCT đã đứng tên sở hữu là Les Pères Rédemptoristes (xem bằng khoán điền thổ số 42, ngày 16/8/1944)

=> <http://www.conggiaovietnam.net/popup.php?file=article/1220187054.jpg>.

Năm 1943, Nhà Dòng chuẩn bị xây dựng Nhà thờ trên khu đất mà hiện nay Công Ty May Chiến Thắng đang chiếm dụng (đã có bản vẽ và giấy phép xây dựng của Thành phố Hà Nội). Tuy nhiên, từ năm 1943-1946, xảy ra chiến tranh liên miên, và nhất là nạn đói 1945, việc xây dựng Nhà thờ đã không thể thực hiện được.

Ngày 22/5/1944, Đức Giám mục Françoise Chaize đã làm giấy nhượng quyền sở hữu đất đai và toàn bộ bất động sản trên khu đất này cho các linh mục Dòng Chúa Cứu Thế. Trên mảnh đất này, Nhà Dòng đã xây dựng Tu viện, Học viện, Nhà đệ tử, Nhà nguyện và các cơ sở khác (xin xem sơ đồ đất đính kèm)

=> <http://www.conggiaovietnam.net/popup.php?file=article/1220187054.jpg>).

Trong khoảng từ năm 1961 – 1963, nhà nước bắt đầu chương trình chiếm dụng mà không có bất cứ giấy tờ nào hợp pháp: đầu tiên biến Tu viện thành trường học, sau thành bệnh viện (nay là bệnh viện Đống Đa). **Không có bất cứ một chính sách nào cho phép trưng thu các cơ sở tôn giáo lúc đó.** Nhưng ngày 30/1/1961, Ủy Ban Hành Chính Hà Nội đã tự ra quyết định 76/QL-NĐ giao khu đất cho Xí Nghiệp Dệt Thảm Len Đống Đa (khu vực đang tranh chấp hiện nay) mà DCCT không được biết.

Hiện tại, ngoài một số lớn nhà dân chiếm dụng trên phần đất Nhà Dòng, còn có các cơ sở của nhà nước như Trạm 4, Hội Chữ Thập Đỏ, Ủy Ban Nhân Dân Phường Quang Trung cũ và mới, Kho Bạc Nhà Nước, Trường Học...

Tất cả những cơ sở bị chiếm dụng trên không hề thuộc diện cải tạo XHCN hay bất cứ chính sách nào thời điểm đó. Chúng con xin khẳng định rằng Cha Giuse Vũ Ngọc Bích là người quản lý, **chưa bao giờ bán, cho, hiến, biếu tặng** bất cứ cá nhân hay tổ chức nào, và ngay chính Cha Giuse Vũ Ngọc Bích khi còn sống cũng đã khẳng định điều này nhiều lần công khai trước

mặt giáo dân (có ghi âm).

Năm 1994, Xí Nghiệp Thảm Len được sát nhập vào Công ty Cổ Phần May Chiến Thắng. Khu đất của chúng con bị **tư nhân hoá**. Vì thế, ngày 8/8/1996, Cha Giuse Vũ Ngọc Bích làm đơn gửi tới các cấp chính quyền phản đối việc tư nhân hoá này. Đơn thư đã không được trả lời.

Những năm sau đó, Dòng Chúa Cứu Thế- Gx Thái Hà tiếp tục gửi đơn khiếu nại tới các cấp chính quyền đề nghị chính quyền tôn trọng quyền sở hữu và giao lại khu đất cho Nhà Dòng và Giáo xứ. Kể từ đó tới nay, 12 năm đã trôi qua (8/8/1996 – 30/8/2008), nhưng chưa bao giờ các cơ quan Nhà nước đã nghiêm túc thực hiện những yêu cầu chính đáng, hợp pháp của DCCT – Gx Thái Hà.

Ngày 5/1/2008, nhận thấy Công ty Cổ Phần May Chiến Thắng vi phạm trên khu đất đang tranh chấp: phá các cơ sở vật chất của Nhà Dòng, làm đường, tiến hành xây dựng, giáo dân Giáo xứ Thái Hà ý thức được đây là tài sản chung của Giáo Hội nên đã bảo vệ và phản đối bằng cách dựng lều bạt, treo ảnh tượng và cầu nguyện bên ngoài khu đất này.

Suốt tám tháng qua, kể từ ngày 5/1/2008, dù phải chứng kiến không ít lần Công ty May Chiến Thắng, dưới sự bảo trợ của một số cơ quan chính quyền địa phương, cố tình vi phạm pháp luật, nhưng người giáo dân vẫn tuân thủ những qui định của luật pháp, không manh động, giữ gìn ổn định trật tự trị an trong khu vực. Mỗi khi Công ty May Chiến Thắng vi phạm pháp luật thì giáo xứ luôn báo cáo các cấp chính quyền giải quyết. Về phần mình, giáo dân luôn thể hiện một tinh thần tôn trọng luật pháp cao độ, yên tâm chờ đợi một tin vui tốt lành thể hiện tinh thần tôn trọng tự do tín ngưỡng, công bằng và sự thật của các cơ quan Nhà nước. Nhưng, thiện chí và sự chờ đợi ấy đã không được đền đáp một cách thoả đáng. Trái lại, liên tiếp các ngày 30/6/2008 và 2/7/2008, chính quyền đã ra các Quyết định 2476/QĐ-UBND của UBND thành phố Hà Nội và Công văn 4213/UBND/NNĐC thiếu cơ sở pháp lý, không tôn trọng sự thật.

Đứng trước nguy cơ bị tước đoạt những quyền lợi chính đáng, đứng trước thiện chí bị chà đạp và đứng trước việc sự thật không được chính quyền nhìn nhận, người giáo dân đã phải cạy đến Chúa và Đức Mẹ đi tìm công lý cho mình.

Ngày 14/8/2008, nhân ngày lễ Đức Maria Hồn Xác Lên Trời, giáo dân đã cung nghinh tượng Mẹ vào ngự tại khu đất và **đặt tượng Mẹ chính tại nơi xưa kia Nhà Dòng và Giáo xứ đã cung hiến cho Mẹ**. Cuộc cung nghinh ấy đã không hề bị bất cứ cản trở nào từ phía lực lượng bảo vệ tại Công ty May Chiến Thắng và từ phía các cán bộ an ninh, không có bất cứ biên bản vi phạm nào được lập.

Ngày 15/8/2008, nhận thấy bức tường đối diện với tượng Mẹ có nguy cơ sụp đổ do trận mưa kỷ lục tại các tỉnh Miền Bắc vừa qua, có thể gây những tai nạn đáng tiếc cho người giáo dân tới cầu nguyện, anh chị em giáo dân đã gỡ bỏ, tạo một lối đi thông thoáng thuận tiện cho việc vào cầu nguyện. Chiều cùng ngày, dưới sự chứng kiến của các vị lãnh đạo địa phương và các cán bộ an ninh, các giáo dân trong Giáo xứ đã cung nghinh Thánh giá và một tượng Mẹ lớn hơn vào khu đất, đặt trên một bể nước, và cũng không có bất kỳ biên bản vi phạm pháp luật nào được lập.

Ngày 19/8/2008 các Linh mục tu sĩ DCCT - Gx Thái Hà đã gửi *Đơn Khiếu Nại, số 06/2008 /DCCTHN*, tới Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan hữu quan *đề nghị trao lại quyền sử dụng đất của Dòng Chúa Cứu Thế - Giáo xứ Thái Hà*.

Ngày 19/8/2008 Đài Truyền hình Hà Nội, báo Hà Nội mới, báo An Ninh Thủ Đô và báo Nhân Dân đã đưa tin xuyên tạc sự thật về những gì xảy ra tại Thái Hà để có cơ giải tán việc đòi lại công bằng của bà con giáo dân. Đài Truyền hình Hà Nội và Đài Truyền Hình Việt Nam chiều tối ngày 19/8/2008 và trước đó đã đưa tin kết án việc làm của bà con giáo dân, thậm chí còn vu khống cho các linh mục tu sĩ chúng con. Chưa hết, báo Sài Gòn Giải Phóng ngày 20/8/2008, trên trang 1 đăng bài "*Không chấp nhận hành động vi phạm pháp luật, kích động giáo dân*" của tác giả Nam Việt để một lần nữa kết án một cách bất công bà con giáo dân và các linh mục tu sĩ tại Thái Hà.

Ngày 20/8/2008, Linh mục Giuse Cao Đình Trị, Phó Giám Tỉnh DCCT Việt Nam đã gửi *Đơn*

Khiếu Nại tới Thủ Tướng và các cơ quan chức năng về việc đưa tin xuyên tạc sự thật của một số báo, đài Việt Nam (linh mục Giám Tỉnh đi công tác).

Ngày 27/8/2008, chính quyền đã quyết định khởi tố vụ án gây rối trật tự công cộng và phá hoại tài sản công cộng và đã gửi giấy triệu tập cho một số giáo dân để điều tra.

Ngày 28/8/2008, không theo trình tự của luật pháp, *Cơ Quan Điều Tra Quận Đống Đa* tiến hành bắt tạm giam một số giáo dân ngay tại nhà của họ; lực lượng công an cơ động sử dụng sức mạnh đàn áp, đánh đập gây đổ máu và bắt đi một số giáo dân.

Kính thưa quý cha,

Về phần mình, chúng con khẳng định rằng ***Dòng Chúa Cứu Thế - Giáo xứ Thái Hà có đầy đủ bằng chứng pháp lý và lịch sử để chứng minh khu đất đó thuộc quyền sử dụng của mình và đã sở hữu, sử dụng từ khi chưa thành lập nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà.***

Khu đất hiện đang tranh chấp là thuộc quyền sử dụng của Dòng Chúa Cứu Thế - Giáo xứ Thái Hà, không có bất cứ văn bản sang nhượng, chuyển quyền sử dụng, cho, biếu tặng bất cứ tổ chức hoặc pháp nhân nào. Bởi theo Giáo luật, không có ai, với tư cách cá nhân, được tự ý sang nhượng, chuyển đổi đất đai, tài sản Giáo hội Công giáo.

Chúng con khẳng định kiên quyết yêu cầu việc trả lại sự công bằng, công lý và lẽ phải với những tài sản của Dòng Chúa Cứu Thế - Giáo xứ Thái Hà, Hà Nội, đúng với tinh thần hiến pháp, luật pháp Việt Nam đã qui định, cũng như những luật lệ quốc tế mà Việt nam đã cam kết và có nghĩa vụ tôn trọng (xem Đơn Khiếu Nại, số 06/2008 /DCCTHN của các Linh mục tu sĩ DCCT tại Giáo xứ Thái Hà).

Chúng con kiên định đeo đuổi công lý và sự thật vì "sự thật sẽ giải thoát chúng con" như Chúa Giêsu đã nói.

Kính thưa quý cha, trên đây là văn tắt quá trình vụ việc tại Thái Hà. Trong hoàn cảnh không có phương tiện để tự bảo vệ mình và làm sáng tỏ công lý. Kính xin quý cha thương cầu nguyện và nâng đỡ chúng con.

Chúng con chân thành cảm ơn quý cha.

**Văn phòng Tỉnh Dòng Chúa Cứu Thế Việt Nam
Lm. Giuse Đình Hữu Thoại, C.Ss.R
Thư ký Tỉnh**

VỀ MỤC LỤC

CÓ THIÊN CHÚA !!!

Phổ Đức Bà bỗngưng nổi tiếng khắp thế giới mà chẳng cần phải lăng-xê, quảng cáo gì cả ! Và những người nghèo bao nhiêu năm tín thác đời mình vào Thiên Chúa bỗngưng cũng trở nổi tiếng với thế giới cùng với Mẹ của mình. Người đời vẫn thường nói "trong cái rủi có cái may". Chẳng lẽ ở đời này người nghèo, người bị áp bức, người bị đối xử bất công cứ mãi ở trong cái phận rủi của họ sao ? Họ cũng có cơ hội để nói lên tiếng nói của mình dẫu mang trong mình phận của một người nghèo, người thấp cổ bé họng. Người tin cũng thế, bao nhiêu năm nay ấp ủ lòng tin của mình để rồi nhân sự kiện bi đát, đắng cay bị chèn ép, bị đối xử bất công ở Xứ Thái Hà - Phổ Đức Bà thì người tin được bộc lộ lòng tin của mình rõ nét hơn lúc nào hết : Có Thiên Chúa !

Vấn đề nào cũng thế, cần bình tĩnh phân tích và suy xét, nhận định chứ không nên nhìn nó một cách hời hợt bên ngoài rồi kết luận hồ đồ. Đất đai ở Thái Hà cũng vậy, phải đưa ra

chứng cứ rõ ràng thì mới có thể nói được. Đàng này, mảnh đất này còn chủ quyền và chưa bao rơi vào tình cảnh vắng chủ để rồi những kẻ tán tận lương tâm nhảy vào "hôi của" được. Linh địa - đất Thánh - đất nhà thờ chứ đâu phải là cái bánh cái trái cúng cô hồn để rồi "mạnh được - yếu thua" ?

Phải nghe những người trong cuộc nói chuyện thì mới hiểu được ý của họ thế nào chứ đừng nghe qua nghe lại để rồi đánh tráo sự thật, bỏ mất lương tâm. Giáo hội, mục tử, con chiên nói chung và cách riêng anh em tu sĩ Dòng Chúa Cứu Thế không bao giờ tán tận lương tâm để được một mảnh đất còn con như thế. Nên nhớ cho rằng bên dưới vụ kiện mảnh đất đây nó là tiếng nói đòi công lý, đòi công bằng trên một đất nước mà bị đất hay phải khóc lên để mà nói rằng chẳng còn chút gì là công lý, còn chút gì công bằng !

Giả như miếng đất tranh chấp bị rơi vào tay những người tán tận lương tâm đi chẳng nữa thì lòng của mỗi anh em tu sĩ Dòng Chúa Cứu Thế vẫn bình an như vậy. Là giáo dân đã xác tín rằng : "Được lời lãi cả và thế gian mà lỗ vốn mất linh hồn nào được ích gì ?" chứ hướng chỉ là những người đã tận hiến đời mình cho người nghèo, cho ơn cứu độ chứa chan nơi Đức Kitô.

Nhờ sự kiện miếng đất này mà lòng tin của những con người bị ức hiếp, bị chèn ép về tôn giáo được nói lên tiếng nói, được nói lên lòng tin của mình là CÓ THIÊN CHÚA HIỆN DIỆN trong THẾ GIAN ĐẦY SỰ GIÁ TRÁ VÀ ĐÀO ĐIỀN này !

Còn nhớ, cách đây không lâu, Đức Tổng Giuse Ngô Quang Kiệt đã mạnh dạn nói rằng nếu phải đi tù thì Ngài sẽ đi tù thay cho dân của Ngài. Anh em Dòng Chúa Cứu Thế ngày nay, trong tình cảnh hiện cũng có tâm tư, cũng có thao thức như Đức Tổng là anh em tu sĩ linh mục sẽ chấp nhận ngồi tù. Không phải ngồi tù vì miếng đất còn con như thế nhưng ngồi tù để minh chứng cho lòng tin của mình vào Thiên Chúa. Những người bị bắt, những người bị đánh đập trong những ngày qua là những người tiên phong làm chứng rằng cuộc đời họ có Thiên Chúa và họ hoàn toàn tin tưởng, phó thác vào vòng bàn tay của Thiên Chúa.

Giờ đây, hơn bao giờ hết, anh em tu sĩ Dòng Chúa Cứu Thế, giáo dân Thái Hà nói riêng và giáo dân mọi miền đất nước đều vui vẻ, bình an cảm nhận rằng :

"Chúa là mục tử chăn nuôi tôi, tôi chẳng thiếu thốn gì. Trong đồng cỏ xanh tươi, Người cho tôi nằm nghỉ. Người đưa tôi tới dòng nước trong lành và bổ sức cho tôi. Người dẫn tôi trên đường ngay nẻo chính vì danh dự của Người. Lạy Chúa, dầu qua lũng âm u con sợ gì nguy khốn, vì có Chúa ở cùng. Côn trượng Ngài bảo vệ, con vững dạ an tâm. Chúa dọn sẵn cho con bữa tiệc ngay trước mặt quân thù. Dầu con, Chúa xúc đơm dầu thơm, ly rượu con đầy tràn chan chứa" (Tv 23,1-5).

Dầu có đổ máu, dầu có tan thương đi chẳng nữa nhưng miễn sao Thiên Chúa được tôn vinh và vinh danh là được rồi. Phải chăng Chúa dùng biến cố này để một lần nữa nói với con người, cách riêng những người vô thần, những người sống theo chủ nghĩa vật chất rằng CÓ THIÊN CHÚA. Máu của giáo dân đã đổ và thậm chí máu của linh mục, tu sĩ sẽ phải đổ cho công lý, cho sự thật nhưng xét cho cùng những đau khổ, những giọt máu phải đổ xuống thì chẳng có ý nào khác rằng giáo dân, tu sĩ, linh mục luôn minh chứng cho đời rằng CÓ THIÊN CHÚA trong đời của họ nên họ mới can đảm như thế ! Chẳng ai dại phải đổ máu vì miếng đất còn con, chẳng ai dại gì mà phải chết cho một người mà người đó chẳng là gì trong đời họ. Họ chết, họ tử đạo cho Đấng đã sinh ra, đã chết và đã sống lại vì họ mà thôi.

Chỉ có những con người vô lương tâm hay bán rẻ lương tâm của mình để giành giật những thứ tài sản sẽ mất ngày mai dưới ba tấc đất của năm mồ điểm tô bằng những miếng đá hoa cương bóng bẩy thôi. Còn chúng tôi, những kitô hữu, những tu sĩ, những linh mục Dòng Chúa Cứu Thế luôn xác định rằng bên dưới ba tấc đất là sự hiện diện, sự quan phòng của Thiên Chúa hằng sống. Chúng tôi không vì miếng đất mà lại bán rẻ lương tâm Công Giáo của chúng tôi được giáo huấn từ Thiên Chúa, từ Giáo Hội của Ngài. Chúng tôi sống cho một lý tưởng cao đẹp, cho một niềm tin sắt son vào Chúa chứ không bao giờ sống với cái lý tưởng tồi tệ là chỉ vun vén cho đầy túi tham của mình như một số người chẳng hề tin có Thiên Chúa, tin có đời sau.

Tiếc thay cho những hành vi bất nhân của họ thôi. Chúng tôi vẫn tôn trọng thái độ vô thần của những người không tin có Thiên Chúa nhưng xin nhắc cho rằng phải cư xử sao cho có công bằng, công lý với những người tin vào Chúa. Đừng đợi đến ngày phán xét nhưng

ngay trong đời tạm này Thiên Chúa sẽ có cách nhần tiền trước những người tán tận lương tâm. Hãy đợi đấy ! Bán rẻ lương tâm, bán rẻ đạo lý của con người lẽ nào được bình chân như vại như những người cả đời tín thác vào Thiên Chúa, vào Đấng luôn hứa ban bình an cho chúng tôi.

Thật ra, Thiên Chúa có mặt, Thiên Chúa hiện diện từ muôn đời muôn thuở nhưng con người vì lý do này lý do khác, bằng cách này cách khác cố tình chối bỏ Ngài nhưng làm sao có thể lấp liếm được sự hiện hữu của Ngài. Không chấp nhận sự hiện hữu của Ngài cũng được - với những người vô thần - nhưng xin đừng tán tận lương tâm để chà đạp, để đàn áp những con người luôn tín thác, luôn xác tín rằng đời họ LUÔN LUÔN CÓ CHÚA ở kề bên !

Lm. Anmai, C.Ss.R.

VỀ MỤC LỤC

QUAN HỆ GIỮA NHO GIÁO VÀ CÔNG GIÁO Ở VIỆT NAM

Nếu tính năm sinh của người sáng lập ra Nho giáo và Công giáo thì Nho giáo có trước Công giáo cả 5 thế kỷ. Còn nếu tính thời gian các tôn giáo này có mặt ở Việt Nam thì Nho giáo đến trước những 14 thế kỷ. Trong mối quan hệ giữa hai đạo này, nhiều người chỉ biết đó là những tôn giáo đối chọi, loại trừ nhau mà chưa biết chúng cũng có những mối quan hệ gần gũi, thân thiết với nhau. Dưới đây, chúng tôi xin trình bày mối quan hệ của 2 tôn giáo này ở nước ta.

Ai cũng biết, Nho giáo do Khổng Tử (551-479 tr.CN) sáng lập và vào Việt Nam từ thời quan thái thú Nhâm Diên và Tích Quang, khoảng năm 225. Rõ nhất là với sự xuất hiện của Sĩ Nhiếp, người đã mở trường dạy học ở Luy Lâu (Thuận Thành, Bắc Ninh) để truyền bá Nho học. Còn đạo Công giáo do Đức Giê su sáng lập những năm đầu của thế kỷ thứ I. Sử sách nước ta có ghi nhận là năm 1533 có giáo sĩ ngoại quốc đến giảng đạo tại Ninh Cường, Trà Lũ (thuộc tỉnh Nam Định ngày nay). Nhưng trước khi vào Việt Nam, 2 tôn giáo này đã có những va chạm, căng thẳng ở Trung Quốc. Lúc đó, ở Trung Quốc có giáo sĩ dòng Tên, dòng Phanxicô và dòng Đa minh đến truyền giáo. Các giáo sĩ dòng Tên vốn thoáng hơn và cũng muốn để có nhiều người theo đạo công giáo nên không buộc người theo đạo công giáo phải từ bỏ những nghi lễ thờ cúng tổ tiên, thờ kính Khổng Tử. Vua quan triều đình Bắc Kinh bấy giờ cũng rất kính nể các giáo sĩ dòng Tên vì họ rất am hiểu nhiều lĩnh vực khoa học và được vời vào triều giúp vua. Ngược lại các giáo sĩ dòng Đa minh, dòng Phanxicô lại bảo thủ hơn nên cực lực phản đối việc làm của các giáo sĩ dòng Tên cho rằng làm như thế là rối đạo vì việc thờ cúng tổ tiên hay Khổng Tử là một hành vi tôn giáo. Họ cho người báo về Roma, Giáo hoàng Innocentê X đã ký một sắc lệnh ngày 12-9-1645 cấm không cho người công giáo được tiến hành các nghi lễ thờ cúng tổ tiên và Khổng tử vì như vậy là ngược với giáo lý đạo công giáo. Ai bất tuân sẽ bị phạt vạ... Thấy thế, dòng Tên cũng cho người về Roma thuyết trình cho rằng các nghi lễ thờ cúng tổ tiên, thờ kính Khổng Tử hoàn toàn không mang tính tôn giáo mà chỉ bày tỏ tình hiếu thảo của con cháu với ông bà hoặc với các bậc danh nhân mà thôi. Vị Giáo hoàng mới là Alexandro VII đã xem xét lời đề nghị của dòng Tên nên lại ký một sắc lệnh ngược với tinh thần của sắc lệnh 12-9-1645 nhưng với điều kiện là "trình bày đúng sự thật". Thế là một cuộc tranh cãi về "nghi lễ Trung Hoa" kéo dài hơn một thế kỷ, qua 10 đời Giáo hoàng và bị kịch đã xảy ra. Ngày 8-4-1705 khi vị đặc sứ của Tòa thánh là Giám mục (sau đó là Hồng y) M. de Tournon đến Trung Quốc và truyền hạ tẩm biển có ghi chữ "Kính Thiên" do chính vua Khang Hy thủ bút treo trên mặt tiền nhà thờ Bắc Kinh và công bố Tông hiến Ex illa die của Tòa thánh ký ngày 20-11-1704 mà nội dung là cấm dùng chữ Thiên hay thượng để chỉ Thiên chúa, cấm treo trong nhà thờ chữ Kính Thiên, cấm cúng tế ông Khổng Tử, ông bà cha mẹ, cấm đặt bài vị trong nhà riêng thì vua Khang Hy lập tức ra lệnh trục xuất các giáo sĩ, triệt phá nhà thờ và cấm dân theo đạo công giáo. Theo số liệu của giáo hội, lúc đó ở Trung Quốc đã có 30 vạn tín hữu công giáo nhưng sau Tông hiến Ex illa die thì 90% đã phải bỏ đạo.(1). Nhằm cứu vãn tình thế, Giám mục Bắc kinh lúc đó là A. Mezzabarba đã ra một bản Thông cáo nói rộng 8 điểm ngày 4-11-1721 cho phép cúng tế ông Khổng tử, cho bái lạy, đặt cỗ bàn, hoa trái trước xác người chết...nhưng bản Thông cáo này đã bị Giáo hoàng Clémente bác bỏ. Đến đời Giáo hoàng Benedicto XIV, lại thêm một Tông chiếu nữa bác bỏ nghi lễ Trung Hoa vì cho rằng nó hoàn toàn ngược với giáo lý đạo công giáo. Nhiều nhà nghiên cứu của Giáo hội công giáo cho rằng trong điều rủi có điều may. Chính sự cấm đoán

đạo công giáo ở Trung Quốc và Nhật Bản lúc bấy giờ mà nhiều giáo sĩ đã phải chạy qua Việt Nam để truyền giáo. Tuy nhiên, lúc đó cũng là giai đoạn bành trướng của chủ nghĩa thực dân. Khẩu hiệu "Hương liệu, hạt tiêu và các linh hồn" đã nói lên sự gắn kết giữa chế độ thực dân và đạo công giáo. Cộng với sự khác biệt, đối lập về tín ngưỡng văn hoá, đạo công giáo cũng vấp phải sự chống đối ở Việt Nam. Trong một chiếu thư năm 1804, vua Gia Long viết: "Lại như đạo Gia tô mới xâm nhập vào nước ta, đặt ra thuyết thiên đường, hoả ngục khiến cho kẻ ngu phu, ngu phụ chạy vạy như điên, tiếm nhiệm thành quen mê mà không biết" (2). Còn phong trào Văn Thân mà nhất là cuộc khởi nghĩa năm Giáp Tuất 1874 do Trần Tấn, Đặng Như Mai, Trần Quang Cán lãnh đạo đã đưa ra khẩu hiệu "Bình Tây, sát tả" và ra lời hịch kêu gọi như sau:

"Than ôi, đạo dối Giê su đã xâm nhập vào nước ta, lời cầu nguyện của họ chỉ tin vào Chúa trời và Thánh thần

Giáo lý của họ dạy rằng trên trái đất này chẳng có vua, chẳng có cha mẹ.

Lập luận của họ vừa vô lý vừa ngược đời

Tư cách của họ đầy rẫy sự kiêu ngạo. Họ cướp đoạt đất đai phì nhiêu để xây dựng nhà thờ cho đạo dối.

Về mặt đạo lý họ tìm cách làm băng hoại nước ta để biến nước ta thành nước công giáo. Họ làm nhục đạo lý Khổng Mạnh" (3).

Nhà Nho và cũng là nhà thơ lớn của Việt Nam hồi thế kỷ XIX Nguyễn Đình Chiểu đã từng thốt lên lời nguyện rất kiên quyết của Nho gia với đạo công giáo: "Thà đui mà giữ đạo nhà, còn hơn có mắt ông cha không thờ".

Trong tình hình lúc đó, dĩ nhiên các giáo sĩ đến nước ta truyền đạo cũng không thể đi xa hơn lập trường của giáo hội công giáo bấy giờ. Họ cũng lên án Nho giáo cho đó là tà đạo. Alexandre de Rhodes tên Việt thường gọi là Đắc Lộ (1593-1660), một người rất có tư tưởng tiến bộ trong hàng giáo sĩ ngoại quốc có mặt tại Việt Nam bấy giờ. Ông có nhiều công lao trong việc xây dựng lên chữ quốc ngữ. Mặc dù đến từ ngoại quốc nhưng ông không kỳ thị nước lạc hậu mà lại luôn khen ngợi đất nước, con người Việt Nam. Ông viết: "Có một điều rất thông dụng đó là sự trân trọng Hán học. Không có người nào dù cao trí hay thấp kém mà không cho con cái theo học bí mật của chữ từ khi nhỏ tuổi. Vì thế trong nước này, người nào cũng biết vọc vạch một vài chữ và không ai là hoàn toàn mù chữ"(4). Một giáo sĩ khác là F.Buzomi, người Italia, đặt chân lên xứ Đàng Trong rất sớm, ngày 18-1-1615 cũng có những nhận xét tốt về đất nước này, ông viết: "Nhờ Khổng giáo, xã hội và gia đình Việt Nam đã có một tổ chức rất cao, người dân Việt Nam có những đức tính, phong tục rất đáng khâm phục, nó đã giúp rất nhiều vào công cuộc truyền giáo". F.Buzomi viết tiếp: "Người Việt không nghiêng về văn chương, tính tình không thâm hiểm như người Tàu. Họ không quá nghiêng về quân bị, tính tình không độc ác như người Nhật, dễ nghe, dễ tin và nhiều mê tín nhưng người dân Việt dễ nhận ra lẽ phải, không kiêu căng hay tự tin như người Tàu"(5). Có những người đã đặt ra những câu hỏi rất tiến bộ là: "Tôi biết bởi đâu, đất nước này rất đẹp lại không được biết tới. Bởi đâu các nhà địa lý châu Âu không biết đến tên gọi và gần như không ghi trong bản đồ nào cả, tuy họ chép đầy đủ tên các nước trên thế giới"(6).

Trở lại quan niệm của đạo công giáo với Nho giáo ở Việt Nam, mặc dù có những tư tưởng tiến bộ như trên, nhưng do đứng trên lập trường của Giáo hội bấy giờ, nên các giáo sĩ cũng đều cho Nho giáo cũng như các tôn giáo khác ở Việt Nam lúc đó như Phật giáo, Lão giáo là đạo dối, là tà đạo cả. Trong một cuốn sách viết bằng chữ quốc ngữ sớm nhất "Phép giảng tám ngày", in ở Roma năm 1651, A. Rhodes viết: "Song le Đại minh vốn có thể phân ra ba đảng cả... Đảng thứ nhất là đảng về kẻ hay chữ gọi là đạo Nho. Đảng thứ hai là đảng kẻ thờ quỷ mà làm việc dối, gọi là Đạo. Đảng thứ ba là đảng kẻ thờ Bụt gọi là đạo Bụt. Sự đảng sau bởi nước India mà ra"(7). Các giáo sĩ cho rằng Khổng Tử là một triết gia đáng kính nhưng có tôn kính thì cũng như tôn kính thầy giáo mà thôi cho nên có thể bỏ mũ nón, cúi đầu bái chào chứ không được thờ lạy vì Khổng Tử không phải là một thánh nhân, theo logic của các giáo sĩ thì nếu là thánh nhân đương nhiên phải biết Đức chúa trời dựng lên trời đất muôn vật. A. Rhodes viết: "Người Đảng Ngoài gọi ông là thánh nhân, nhưng vô lý và trái lẽ vì như chúng tôi đã thuyết phục họ. Bởi vì theo tôi, nếu người được gọi là thánh nhân thì Ngài phải biết Đức chúa trời dựng lên trời đất"(8).

Trong một lá Thư chung nói về ác việc dối trá của Giám mục Pierre Marie Đông viết bằng chữ Nôm ở thế kỷ XVIII có ghi rõ: Những đối tượng không được thờ cúng là ma quỷ, những đấng sáng lập ra đạo khác như Đức Khổng Tử, Đức Phật, ông bà ông vải; cấm đến đền chùa, đình làng có thờ thần, không được bày cỗ cúng với xác tín rằng người chết về ăn của cúng; không được tin mờ mịt đất cát, hướng nhà, bói toán may rủi... Bên công giáo cũng lưu truyền một cuốn sách có tên là "Hội đồng tứ giáo" viết bằng Hán Nôm nhưng được dịch ra chữ quốc ngữ và tái bản nhiều lần, 15 lần ở nhà in Tân Định trong khoảng những năm 1887-1915 và 12 lần in ở Thái Bình năm 1953. Nội dung nói về cuộc tranh luận của đại diện 4 tôn giáo lúc đó là Nho, Đạo, Phật và đạo Chúa tức Công giáo về ba vấn đề lớn là con người ở đâu ra? Sống phải làm gì? và chết đi về đâu? Đại diện Nho giáo dựa theo thuyết Thái cực cho rằng vạn vật do âm dương tán tụ mà thành, sống ở đời phải tu theo ngũ đức, nhân nghĩa lễ trí tín, phải giữ ngũ luân, quân thần, phụ tử, phu phụ, huynh đệ, bằng hữu. Còn nếu sống là tụ thì chết sẽ là tán tức chết là hết không đi về đâu cả. Đại diện công giáo là hai linh mục trình bày vấn đề theo giáo lý của đạo cho rằng mọi vật trên trái đất kể cả con người đều do Chúa dựng lên, người công giáo phải giữ Thập giới (10 điều răn), phải giữ Thất quy (7 phép Bí tích) và 4 điều sau hết là sự chết, sự phán xét, Thiên đàng và Địa ngục. Sau đó đại diện công giáo lại đưa ra lập luận sắc sảo theo lối tam đoạn luận để bác bỏ những giáo lý của các tôn giáo khác trong đó có Nho giáo về những vấn đề nêu ra. Chẳng hạn Nho giáo nói chết là hết vậy mà còn có câu "hồn khí quy vô thiên"? Hay Nho giáo quan niệm là phúc đức do chính bản thân tu luyện mà có vậy tại sao còn bảo "phúc phận tại thiên"?...Cuối cùng, chỉ có lý lẽ của đạo công giáo là thuyết phục và đáng tin. Dĩ nhiên, ngày nay ngay các nhà nghiên cứu công giáo cũng nghi ngờ tính chân thực của tác phẩm này và cho rằng đó là loại sách minh đạo có tính hư cấu và nhiều quan niệm rất sai lạc nhất là đối chiếu với tinh thần công đồng Vaticanô 2. Nhưng dù sao nó cũng nói lên được mối quan hệ giữa công giáo và Nho giáo ngày ấy (9).

Như vậy có thể thấy thái độ bài xích, phủ nhận của công giáo đối với Nho giáo ở Việt Nam nhất là giai đoạn ban đầu mới du nhập. Đương nhiên Nho giáo cũng chẳng thể mặn mà gì với công giáo. Song nếu chỉ có thế thì chẳng có gì đáng nói. Giữa Nho giáo và Công giáo ở Việt Nam còn có một quan hệ gắn bó thân thiết nữa.

Trước hết là những nhận xét tích cực của các giáo sĩ công giáo về Nho giáo mà chúng ta đã trích dẫn ở phần trên. Sau nữa, nếu tìm hiểu kỹ, ngay một tên gọi của đạo công giáo rất hay dùng là Thiên chúa giáo cũng có liên quan đến Nho giáo. Tại trung Quốc khi dịch từ Deus là tiếng Latinh chỉ Đấng tạo thành vũ trụ, người ta không biết dùng từ gì cho thích hợp nên gọi là Teou-se (không có nghĩa, giống như ở Việt Nam có lúc dịch là Chúa Dêu). Ba từ khác có nghĩa gần là Thiên Chủ, Thượng Đế và Thiên nhưng từ thứ hai Thượng Đế thì Nho giáo đã dùng để chỉ Trời rồi còn chữ Thiên thì chỉ mang nghĩa bầu trời xanh thoi nên các giáo sĩ đã chọn từ Thiên Chủ. Từ này được du nhập vào Việt Nam. Hiện ở thư viện Vatican còn lưu một bức thư viết năm 1630 do giáo dân viết gửi Tòa thánh có ghi: "Tự Thiên chủ giáng sinh chí kim nhất thiên lục bát tam thập niên"(10). Năm 1584, khi giáo sĩ Ruggiori viết cuốn giáo lý có nhân đề "Thiên chúa thực lục chính văn", rồi đến năm 1603, Ricci Matteo cho phát hành cuốn "Thiên chúa thực nghĩa" thì danh từ Thiên chúa được chính thức thừa nhận. Một số học giả giải thích rằng, chữ "chủ" mới bao hàm người đứng đầu, người cai quản, còn chữ "chúa" có thêm cả nghĩa người được tôn thờ nữa ví dụ ngày chủ nhật là ngày đầu tuần, còn ngày chúa nhật là ngày của Chúa, ngày tôn thờ Chúa.

Ngày nay người ta đã tìm thấy khá nhiều tài liệu qua các sách vở, thư từ của các giáo sĩ công giáo, dù đến từ phương Tây nhưng lại khá am tường về triết lý Khổng Mạnh. Đây là một điều rất đáng quan tâm. Chẳng hạn Giám mục Hermosile, năm 1858 đã gửi một Thư chung cho giáo dân địa phận Đông Đàng Ngoài, trong đó có viết: "Phép nhất phu nhất phụ trong ba giềng mối quan hệ hắt trong thiên hạ quen gọi là tam cương là vua vuốt kẻ bầy tôi, chồng vuốt kẻ làm vợ, cha vuốt kẻ làm con, hệ lụy giềng mối tháo thứ thì thiên hạ loạn lạc, khổ sở cùng các giống tội lỗi khác, chẳng tề nào bằng..." Rồi dựa vào nguyên tắc xử thế "tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ" của Nho giáo, lá thư viết tiếp: "Suy bấy nhiêu điều thì biết tỏ bậc phu phụ ca hệ là nhường nào, dù kẻ làm vua muốn trị một nước, thì trước nên sửa sang cửa nhà mà hệ vợ chồng sửa sang bậc mình cho phải phép, phải đạo vợ chồng thì gia đình được bằng yên, con cái sẽ học nét cha mẹ, trong nhà sẽ giữ việc hiếu, ra ngoài sẽ biết giữ điều hoà mục thì biết lợi ích thiên hạ là dường nào"(11). Nhiều bản kinh bên đạo công giáo cũng dùng bằng chữ Hán như "Kinh cầu đức Bà" quen gọi là kinh "Phục dĩ chí tôn" là một áng Hán văn rất nổi tiếng được nhiều nhà Nho ca ngợi. Điều lý thú là mặc dù các giáo sĩ công giáo qua

nhiều thế hệ đã cùng với một số người Việt Nam hoàn thiện quá trình latin hoá chữ Việt thành chữ quốc ngữ được hiểu nhà chí sĩ yêu nước cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX hết sức cổ vũ, tán dương nhưng chính đạo công giáo cũng là nơi duy trì, bảo tồn chữ Hán, chữ Nôm chứ không phải triệt phá những chữ truyền thống này như có người nghĩ. Ngay cả khi Thống sứ Bắc Kỳ, năm 1910 ra quy định bắt buộc các đơn từ phải dùng chữ quốc ngữ, các kỳ thi cũng phải dùng chữ quốc ngữ thì Giám mục Pierre Munaggori (tên Việt là Trung) ở Bùi Chu vẫn gửi một thư đề ngày 7-10-1910 kê những sách mà chủng sinh phải học gồm *Ngũ thiên tự, Tam thiên tự, Nhất thiên tự, Nam sử lược, Tử hân, Cửu chương* và ghi thêm: “*ấy là những sách Thầy chỉ phải học, còn khi cậu nào đã học đủ các sách ấy rồi, có muốn học sách khác thì mặc ý. Cộng đến cuối kỳ thi khảo, thì cứ những sách Thầy ghi trên này mà ra bài thơ, phú, tùy bài văn sách, lại khi ấy cũng phải làm một bản tử hân nữa tùy nghi*” (12). Giám mục P.M Gendreau (tên Việt là Đông) cũng đã cho xuất bản khoảng 40 tác phẩm bằng Hán Nôm và chỉ thị cho các xứ phải tìm những thầy đồ dạy cho học sinh, còn các tiểu chủng viện phải học mỗi tuần một tiết chữ Hán. Bên công giáo cũng để lại một kho tàng Hán Nôm đồ sộ với đủ thể tài như Truyện, Thư từ, Tử điển, Câu đối, ca vè... Riêng linh mục Majorica đã soạn tới 42 tác phẩm “*Các Thánh truyện*” với khoảng 1.200.000 chữ được viết trong khoảng 1632-1656 và hiện vẫn còn lưu giữ ở Thư viện quốc gia Paris (Bibliothèque Nationale de Paris). Viện nghiên cứu Tôn giáo vừa tổ chức cuộc hội thảo khoa học “*Tư liệu Hán Nôm viết về công giáo*” hồi cuối tháng 5-2003 cũng đã khẳng định điều đó.

Một khía cạnh khác là có rất nhiều người công giáo kể cả linh mục, giám mục cũng đã xuất thân từ “*cửa Khổng sân Trình*”. Có thể kể ra những tên tuổi như Nguyễn Trường Tộ (1830-1871). Mặc dù phải sống trong hoàn cảnh rất phức tạp, triều đình nhà Nguyễn cấm đạo gắt gao nhưng ông vẫn gửi lên triều đình 58 bản điều trần tâm huyết những mong canh tân đất nước. Nhiều vấn đề ông nêu vẫn còn có tính thời sự đến hôm nay như vấn đề chống tham nhũng, buôn lậu. Cùng thời điểm này còn có các nhà cải cách như linh mục Đặng Đức Tuấn (1806-1874) cũng dâng lên triều đình bản “*Minh đạo bình Tây sách*”, rồi “*Hiển bình Tây sách*”... Rồi sĩ phu Đinh Văn Điền ở Ninh Bình cũng hiến kế “*Đặt doanh điền, đóng tàu thủy, khai mỏ vàng, lập ra Ty bình chuẩn để lưu thông hàng hoá*...” Một câu hỏi được đặt ra, phải chăng vì là người công giáo nên dù là nhà nho, những vị trên vẫn không bị ràng buộc bởi tư tưởng phong kiến bảo thủ của vua quan nhà Nguyễn bấy giờ? Lịch sử cũng ghi nhận nhiều tấm gương yêu nước của các linh mục, giáo dân nhưng vốn theo nho học. Linh mục Đậu Quang Lĩnh (1867- 1919) ở Hà Tĩnh vốn thạo Hán văn nên được Nhà chung giao cho việc dịch các tác phẩm của Lương Khải Siêu và Khang Hữu Vi để giáo hội tham khảo. Khi tham gia Duy tân hội của Phan Bội Châu, ông bị bắt và bị đày đi Côn Đảo 9 năm. Cai ngục hỏi ông: Sao đã là linh mục rồi mà còn đi làm giặc? Ông khẳng khái trả lời bằng một câu đối:

Vì người da trắng ư? Sống trên giảng đài, nơi pháp trường, khi ngọt, khi cay, khi sấm sét chỉ là phận công dân đều trách nhiệm.

Đều giống da vàng cả! Vô số bậc nhân thân chí sĩ, bị đày, bị tù, bị đổ máu, lẽ nào bọn chúng tôi không biểu đồng tâm.(13).

Điều rất đáng ghi nhận là dù là giáo sĩ cao cấp như Giám mục Hồ Ngọc Cẩn (1876-1948) nhưng văn phong, lối sống của họ vẫn giữ được cốt cách của một nhà Nho. Vị Giám mục này đã từng ủng hộ cả dây chuyền vàng cho chính phủ kháng chiến, được Hồ Chí Minh mời ra làm cố vấn cho chính phủ. Giám mục Hồ Ngọc Cẩn đã viết cả trăm tác phẩm trong đó có cuốn “*Triết nhân tri kỷ*” thấm đẫm triết lý phương Đông. Tại đây có thể gặp rất nhiều câu quen thuộc “*sinh ký tử quy*”, “*Vô nguyên nhân bất thành công hiệu*”...

Ngược lại, nhiều nhà Nho cũng đã có tìm hiểu về đạo công giáo và có nhiều nhận định khá xác đáng. Nhà bác học Lê Quý Đôn (1726-1784) khi đi sứ Trung Quốc năm 1760, ông đã có điều kiện tiếp xúc với những giáo sĩ công giáo ở đây và viết khá kỹ về họ trong “*Văn đài loại ngữ*” với lòng khâm phục. Ông viết: “*Năm Vạn Lịch thứ 30 (1602) đời vua Minh Thần Tông, có người nước đó tên là Lợi Mã Đậu cùng với đồng bọn...năm sáu người từ Quảng Đông vào đất Mân, lên Kim Lăng, tự xưng là người Âu La Ba, đường xa mười vạn dặm, vượt biển chín năm mới tới nơi. Họ đưa cho xem thiên lý kinh, đồng hồ báo thức, hồn thiên nghi, lượng thiên xích, câu cổ pháp, phép tính thời gian, phép đo độ số, phép xem bóng mặt trời, phép xem sao. Họ bàn về lý khí, lịch số rất tinh tường, được các quan lớn ở tỉnh tôn trọng gọi là Tây nho, là Tây thổ thánh nhân. Do đó họ được tư giấy về Bắc Kinh để tiến cử lên vua*” (14). Ông nói về giáo lý của đạo công giáo khá chính xác: “*Nước Đại Tây dương về phía Tây Trung Quốc cách xa sáu vạn dặm. Tên đất gọi là âu Hải quốc... nhân dân đều thờ Thiên chúa, không*

ai biết ở Trung Quốc có đạo Hồi, đạo Thích, đạo Lão. Thiên chúa là chúa tể trước tiên, sinh ra người, sinh ra vật. Họ làm miếu để thờ chung” (15).

Một nhà Nho yêu nước nổi tiếng giai đoạn cận hiện đại là Phan Bội Châu (1867-1940) cũng có những quan niệm rất tiến bộ về công giáo so với những nhà nho đương thời nhất là nhóm Văn Thân. Ông viết : “ Đồng bào công giáo đều là anh em ta cả... Mấy mươi năm nay , người Pháp nghiêm hình trọng phạt, có một thứ nào rộng rãi cho người Dátô đâu! Tiền sưu, tiền thuế bao nhiêu không hề bớt một đồng nào cho người theo đạo công giáo cả” (16). Chính vì vậy ông chủ trương kêu gọi lương giáo đoàn kết. Nhiều người công giáo đã gia nhập tổ chức Duy tân hội của ông như Mai Lão Bạng, Lê Khanh, các linh mục Nguyễn Tường, Đậu Quang Lĩnh, Nguyễn Thần Đồng... Ông cũng khẳng định: “ Giáo dân nào không chịu giúp người Pháp để làm hại nước Việt Nam mới là dân của Chúa Cứu thế, mới là đồng bào của nước Việt Nam” (17). Khi chữ quốc ngữ ra đời, nhiều học giả vốn là Nho gia lại hết sức ủng hộ việc truyền bá thứ chữ này. Nhà nghiên cứu Dương Quảng Hàm đã nhận xét: “ Các giáo sĩ người Âu đã đặt ra chữ quốc ngữ, chủ ý là có được một thứ chữ để viết tiếng ta cho tiện và dùng trong việc truyền giáo cho dễ. Không ngờ rằng, vị thế lịch sử xui khiến, chữ ấy nay đã thành thứ văn tự phổ thông của cả dân tộc Việt Nam. Đành rằng, cũng như các công trình do người ta sáng tạo ra, thứ chữ ấy cũng có vài khuyết điểm, nhưng ta nên nhận ngay rằng ở trên hoàn cầu này không có thứ chữ nào tiện lợi và dễ học bằng thứ chữ ấy ” (18). Sự tiện lợi của chữ quốc ngữ đã được thực tế chứng minh. Muốn đọc thông viết thạo chỉ cần vài tháng học chữ. Còn nếu muốn học được tối thiểu 1200 chữ Hán để đọc được, viết được phải mất một năm đèn sách. Chữ Nôm còn khó hơn nữa. Vì vậy trong chiến dịch chống giặc đốt từ năm 1946 đến 1954 đã có 10 triệu người được xóa nạn mù chữ. Cho nên dễ hiểu vì sao các chí sĩ của nhóm Đông kinh nghĩa thực đã coi việc dùng chữ quốc ngữ là một trong sáu kế sách để mở mang dân trí. Nhóm này kêu gọi : “ Gần đây mục sư người Bồ Đào Nha chế ra chữ quốc ngữ, lấy 20 chữ cái châu Âu, phối hợp với 6 âm, 11 vần đánh theo lối hoà thanh mà đạt tiếng ta rất là giản dị nhanh chóng. Phàm người trong nước, đi học nên lấy chữ quốc ngữ để ghi việc đời xưa, chép việc đời nay và thư từ thì chuốt lờ và đạt ý. Đó thật là bước đầu trong việc mở mang trí khôn vậy ” (19).

Một người cũng học sách thánh hiền và trở thành người cộng sản , và là lãnh tụ của đảng cộng sản Việt Nam - Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đã có hàng trăm bài viết về đạo công giáo. Ông thấy rõ giá trị nhân văn của đạo công giáo, đó là lòng bác ái cao cả và nguyện xin làm người “học trò nhỏ” của các vĩ nhân thế giới trong đó có Chúa Giê su. Ông cũng thấy được truyền thống yêu nước của người theo đạo, biết chăm lo đến nhu cầu của các tín đồ để tập hợp , đoàn kết họ lại trong lực lượng cách mạng. Người viết: “ Tín đồ Phật giáo tin ở Phật; tín đồ Gia tô tin ở Đức Chúa trời; cũng như chúng ta tin ở đạo Khổng. Đó là những vị chí tôn chúng ta tin tưởng. Nhưng đối với dân, ta đừng có làm gì trái ý dân. Dân muốn làm gì ta phải làm nấy” (20).

Sau cách mạng tháng Tám năm 1945, Nho giáo không còn là ý thức hệ của tầng lớp lãnh đạo nữa và Nhà nước cũng chủ trương bình đẳng giữa các tôn giáo. Về phía công giáo cũng có sự cạnh tranh nhất là sau công đồng Vaticanô 2, giá trị các tôn giáo khác, các nền văn hoá khác đều được tôn trọng chứ không bị kết án loại trừ như trước đây. Đồng thời giáo hội luôn cố vũ cho tiến trình đối thoại với các tôn giáo, các nền văn hoá. Đó là một quan điểm tiến bộ, phù hợp với xu thế của thời đại. Tuy nhiên, việc nghiên cứu quan hệ giữa Nho giáo và đạo công giáo ở Việt Nam cũng cho ta thêm một lý do để hiểu vì sao cùng bị ảnh hưởng của Nho giáo như Trung Quốc, Triều Tiên, Nhật Bản mà tại Việt Nam, tôn giáo này vẫn bám được khá nhanh và phát triển mạnh trở thành nước có số tín đồ lớn ở Đông Nam châu á chỉ sau Philippin và Đông Timor.

Hà Nội, ngày 10-8-2008

T.S Phạm Huy Thông

Chú thích:

- 1- Bùi Đức Sinh: Lịch sử Giáo hội, tập 2, NXB Chân Lý, SG.1972, tr.135
- 2- Đại nam thực lục chính biên, Nxb Sử học H. 1963, tr.168
- 3- Dẫn theo Đỗ Quang Hưng: Lịch sử đạo Thiên chúa ở VN, ĐHTH Hà Nội, 1991, tr.56

- 4- A.Rhodes : Lịch sử vương quốc Đàng Ngoài, Tủ sách Đại kết 1994, tr.27
- 5- Dẫn theo Nguyễn Hồng: Lịch sử truyền giáo ở VN, tập 1, Hiện tại, SG 1959, tr.57
- 6- A.Rhodes : Hành trình truyền giáo , Tủ sách đại kết 1994, tr.62
- 7- A.Rhodes: Phép giảng tám ngày, Tủ sách đại kết 1993, tr.104-105
- 8- A. Rhodes : Lịch sử vương quốc Đàng Ngoài, sdd, tr.39
- 9- Xem Nguyễn Hưng: Sơ thảo thư mục Hán Nôm công giáo VN, Lưu hành nội bộ năm 2000, tr.184
- 10- Dẫn theo Tạp chí Nghiên cứu tôn giáo số 6-2001, tr.30
- 11- Những thư chọn trong các thư chung, Nhà in Kẽ Sắt 1903, tập 2
- 12- Dẫn theo Nguyễn Hưng, sdd, tr.213
- 13- Thi từ tụng thoại, Nxb Tiếng Dân, Huế 1939 (bản dịch của Huỳnh Thúc Kháng)
- 14,15- Theo Tạp chí Nghiên cứu tôn giáo số 6-2001
- 16,17- Phan Bội Châu: Việt Nam quốc sử, Nxb Văn Sử Địa, H.1958, tr.80 và 83
- 18- Việt Nam văn học sử yếu, SG.1960, tr.180
- 19- Văn tuyển văn học Vn 1858-1930, Nxb Giáo dục 1980, tr.180
- 20- Hồ Chí Minh, toàn tập, tập IV, H.1985, tr.148.

Tiến sĩ Phạm Huy Thông

VỀ MỤC LỤC

HIỆP NHẤT VÀ NÂNG ĐỖ NHAU

Tác Phẩm CHÚA VẮN THƯƠNG

Lm. MICAE-PHAOLÔ TRẦN MINH HUY pss

5. HIỆP NHẤT VÀ NÂNG ĐỖ NHAU

Hãy có sự đồng lòng trọn vẹn. Hãy làm im đi những tị hiềm của bạn. Bạn hãy ngắm nhìn chiếc hoa hồng, đừng dừng lại nơi chiếc gai. Bạn hãy nhìn cao hơn một chút nữa, chiếc hoa hồng, bạn thấy nó đẹp làm sao! Bạn hãy yêu thương, người này chậm chạp, người kia nhanh nhẹn, người này sôi nổi hăng hái, người kia cứ thủng thỉnh mà đi. Hãy tôn trọng lẫn nhau. Hiệp nhất trong khác biệt, phong phú trong đa dạng.

Chúa yêu bạn, và bạn thế nào Chúa yêu bạn thế ấy. Bạn hãy trở lên giống như Chúa: Chúa yêu những người năng nổ cũng như Chúa yêu những người thận trọng, Chúa yêu tất cả mọi tín hữu, thuộc về tất cả mọi giáo hội, Chúa không hề phân biệt, không hề ngăn cản. Chúa kêu gọi mọi người đến từ những giáo hội khác nhau, thuộc về các giáo đoàn khác nhau, nhưng mọi người hãy yêu thương nhau.

Bạn hãy vui luôn trong niềm vui của Chúa. Hãy vui lên, sao cho mọi người thấy bạn sống hiền hòa rộng rãi. Chúa đã đến gần, bạn đừng lo lắng gì cả. Trong mọi hoàn cảnh, bạn cứ đem lời cầu khẩn, van xin và tạ ơn mà giải bày trước mặt Chúa điều bạn thỉnh nguyện. Và

Bình An của Thiên Chúa, vượt lên trên mọi hiểu biết, sẽ giữ cho lòng trí bạn được kết hợp với Chúa.

Chúa đang ở với bạn, bạn đừng sợ gì hết, Chúa xin bạn sự bạo dạn. Tại sao bạn sợ Chúa? Bạn sợ cái Chúa xin bạn sao? Có bao giờ Chúa để kẻ đến với Chúa trở về tay không đâu? Chúa có phải là Thiên Chúa từ chối sự sống đâu! Một lần nữa, Chúa yêu cầu bạn hãy coi trọng Lời Chúa. Chúa đến để ban sự sống và Sự Sống Dồi Dào. Đó chính là cái mà Chúa muốn ban cho bạn, trong bất cứ hoàn cảnh nào bạn phải trải qua.

Chính vì vậy mà Chúa bảo bạn hãy vui mừng trước đi, và dám xin Chúa sự sống dồi dào, dưới mọi hình thức. Chúa đã không bắt đầu làm cho rượu tuôn chảy trong tiệc cưới đó sao? Chúa cũng có thể làm như vậy cho bạn. Ngay cả khi đó không phải là chương trình ban đầu của Chúa, ngay cả khi Chúa không lường trước yêu cầu mà bạn có thể xin Chúa chiều nay. Mẹ Chúa đã làm cho chương trình của Chúa đi trước giờ, ở Cana. Bạn hãy có sự bạo dạn đối với Chúa, trong bất cứ hoàn cảnh sống nào của bạn, của những người thân của bạn, và của tất cả những ai chung quanh bạn.

Hỡi bạn, bạn đừng quên rằng bạn đang ở trong nhà Chúa, như vậy bạn được đầy tràn Chúa. Bạn đừng làm như thể bạn ở ngoài nhà của Cha. Bạn không cô đơn, Chúa không bỏ mặc bạn đâu. Bàn tay của Chúa Cha ở trên bạn, không gì vượt khỏi tay của Chúa Cha: những ước muốn, những nhu cầu, những nhu cầu khẩn thiết của bạn. Hãy tin chắc vào Chúa Cha cũng như Chúa Giêsu tin chắc vào Ngài. Bạn có thể ký thác mọi sự cho Ngài. Điều duy nhất Chúa xin bạn là bạn hãy để cho Chúa làm.

Hãy nói với những đầu gối rã rời và những người hoảng hốt rằng Chúa là Đá Tảng của họ, rằng không một bão tố nào là quá mạnh đối với Chúa, và rằng tay Chúa che chở mỗi người trong họ. Hãy tin và họ sẽ được cứu thoát. Nước Trời ở giữa họ và những ai mạnh mẽ mới chiếm được.

Tất cả công việc của Chúa đều tốt đẹp. Ngài ban ơn cho những ai cần đến, vào giờ thuận tiện. Đừng nói: cái này ít tốt hơn cái kia, bởi vì mọi sự đều tốt vào đúng thời của nó. Và bây giờ, với tất cả tấm lòng, bạn hãy lớn tiếng chúc tụng Chúa.

Bạn hãy kiên nhẫn. Bạn hãy xem người nông phu, ông kiên nhẫn chờ đợi đất trở sinh hoa màu quý giá, ông tin tưởng sẽ nhận được mưa thu cũng như mưa xuân. Bạn cũng hãy kiên nhẫn, hãy vững lòng, vì ngày Quang Lâm của Chúa đã tới gần. Vậy bạn đừng đánh mất lòng tin tưởng mạnh bạo của mình, nó sẽ đem lại một phần thưởng lớn lao. Bạn cần phải kiên nhẫn thi hành ý Chúa, và như vậy sẽ được hưởng những điều Chúa hứa. Tất cả mọi sự đều dẫn tới lợi ích cho những ai yêu mến Chúa.

Bạn hãy đứng vững trong con đường Chúa dành cho bạn, phần thưởng lớn lao của Chúa đang ở cuối đường. Bạn hãy nhìn ra đằng xa, những điều bạn ao ước sâu xa đang chờ bạn ở cuối đường. Hãy vứt bỏ mọi tư tưởng tiêu cực đến với bạn, hãy kiên trì chiến đấu với sự yếu đuối của bạn. Hãy xin Chúa Thánh Thần giúp bạn làm điều đó, hãy xin Ngài mỗi lúc cái bạn cần để đứng vững. Hãy để cho Lời Chúa tác động, chính Lời Chúa sẽ dẫn bạn đến chiến thắng.

Tại sao bạn nghi ngờ tình yêu của Chúa? Chúa có thể rút ra điều lành từ trong tất cả những gì xảy đến cho bạn. Bạn có muốn chấp nhận những gì Chúa muốn ban cho bạn không? Hãy đưa Chúa cái dê, Chúa sẽ đổ đầy cho bạn, hãy đưa Chúa cái ly, Chúa cũng sẽ đổ đầy cho bạn. Hãy đưa Chúa chính bản thân bạn và bạn sẽ được đầy tràn.

Bạn nghi ngờ tình yêu của Chúa đối với bạn? Bạn sợ những con đường Chúa đã dọn cho bạn? Chúa đã chỉ cho bạn ngàn lẻ một lần rằng những con đường của Chúa là những con đường tốt cho bạn. Bạn tiếc vì đã theo Chúa bằng cách tháo lui khỏi những con đường Chúa cho bạn ư? Bạn hãy đến với Chúa, hãy để Chúa làm. Bạn hãy theo con đường của Chúa, đừng lo lắng gì hết.

Đó chính là con đường Chúa cho bạn. Bạn đừng có tranh cãi làm chi. Tất cả mọi sự đều dẫn tới lợi ích cho những ai yêu mến Chúa. Chúa không muốn những phản ứng đó của bạn đâu. Bạn hãy vứt bỏ chúng đi. Bạn hãy xin Chúa điều đó, nếu bạn không làm được.

Bạn hãy theo Chúa, hãy ở trong niềm vui. Chúa chăm sóc bạn trong từng mỗi bước chân bạn đi. Tất cả mọi sự nằm ở trong tay Chúa, không có gì vượt khỏi tay Chúa. Hãy để Chúa làm vì tình yêu Chúa cho bạn. Đó là những con đường tình yêu, chứ không phải là những con đường đau khổ.

Vậy bạn hãy đến, hãy vui mừng với Chúa. Bạn có thể múa nhảy, hãy điên dại với Chúa. Bạn đừng bận tâm đến điều thiên hạ nói, chẳng quan trọng chi, hãy để họ nói, còn bạn, bạn cứ theo Chúa.

"Theo con người nội tâm, tôi vui thích luật Chúa, nhưng trong các chi thể của tôi, tôi lại thấy một luật khác, luật này chống lại Luật của Lý Trí và giam hãm tôi trong luật của tội - là luật vẫn nằm sẵn trong các chi thể của tôi- Vô phúc cho tôi! Ai sẽ giải thoát tôi khỏi thân xác phải chết này? Tạ ơn Thiên Chúa: Nhờ Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta."

Hỡi bạn, Chúa không đòi bạn phải là vị anh hùng, đã biết bước đi trên những ngọn núi cao chót vót, vượt qua những vực thẳm ghê sợ. Không, Chúa không xin bạn những thứ đó. Chúa xin bạn hãy để Chúa hành động, nhờ ơn của Chúa. Chúa xin bạn hãy biết rằng Chúa ở bên cạnh bạn. Chúa xin bạn phải biết chờ đợi tất cả mọi sự từ nơi Chúa. Chúa luôn lặp lại cho bạn điều đó.

Và Chúa sẽ làm tất cả mọi sự, nếu bạn để cho Chúa làm, nếu bạn chờ đợi ở Chúa, trong tất cả mọi hoàn cảnh của bạn, trong tất cả mọi trạng huống cuộc sống của bạn, trong những gánh nặng của bạn, những vấn đề của bạn, những nghi nan của bạn, những bất lực của bạn, những bấp bênh của bạn, những đường hầm xem ra quá tối tăm cho bạn.

Bạn hãy để Chúa làm, bạn hãy để ơn thánh Chúa hoạt động trong bạn. Bạn hãy để ơn thánh của Chúa san đường bạt lối cho bạn. Không phải bởi sức riêng mà bạn theo Chúa được đâu! Bạn hãy đón tiếp Chúa vào trong cuộc sống của bạn, trong mỗi phần đời sống bạn, ngay cả khi bạn thấy chúng không đẹp, ngay cả khi bạn thấy mình đáng ra phải được hơn như thế. Bạn hãy đón tiếp Chúa vào đúng ở chỗ đó, chính ở đó mà Chúa muốn có mặt, chính ở đó mà Chúa muốn được mời tới. Nhưng bạn lại hay bịt đường chặn lối, vì bạn sợ Chúa, sợ sự phê phán của Chúa.

VỀ MỤC LỤC

ĐỂ GIẢM THIỂU CĂNG THẲNG ĐỜI SỐNG

Bác sĩ Hans Selye, người đã nghiên cứu rất nhiều về ảnh hưởng của stress đối với sức khỏe, có một so sánh như sau:

"Khi gặp một gã say rượu hùng hổ nhục mạ ta, nếu ta tỉnh bơ rảo bước bỏ qua thì mọi sự không sao. Nhưng nếu ta bực tức đáp lời, một cuộc đấu khẩu, thượng cẳng chân hạ cẳng tay sẽ xảy ra và ta có thể bị gã đó đánh thương, kèm theo một số rối loạn trong cơ thể do phản ứng của ta gây ra. Nhịp tim sẽ nhanh hơn, huyết áp lên cao, hóa chất trong cơ thể mất cân bằng, tất cả có khả năng đưa tới bệnh tật".

Hành động của gã say rượu là một thứ stress. Stress kích thích/ khiêu khích khách qua đường. Khách phản ứng lại với một số dấu hiệu.

Trong đời sống hàng ngày, những "tai bay vạ gió" tương tự như chàng say rượu là chuyện thường xảy ra cho mọi người.

Stress đã là đề tài cho nhiều nghiên cứu khoa học từ cả thế kỷ nay.

Năm 1920, nhà sinh học uy tín Hoa Kỳ Walter Cannon đã tả căng thẳng như là một đáp ứng: "*chống cự hoặc bỏ chạy*", để bảo toàn sinh mệnh" - tả hay tẩu- (Fight or Flight). Bình thường thì phản ứng này giúp ta vượt qua khó khăn bằng sự gia tăng vài hóa chất trong cơ thể. Nhưng nếu stress xảy ra liên tục, hóa chất cao sẽ đưa tới nhiều tác dụng không tốt

Rồi phải đợi tới năm 1956, danh từ Stress mới được Y sĩ Gia Nã Đại gốc Áo Hans H. Selye phổ biến trong quần chúng. Theo Selye, "*Stress là một phản ứng không đặc biệt của cơ thể trước một đòi hỏi nào đó. Nó là một phần của đời sống con người*".

Nhà tâm lý học Mc Grath lại coi "stress như một sự mất thăng bằng giữa đòi hỏi và khả năng đáp ứng. Khi đáp ứng không thỏa đáng sẽ có hậu quả không tốt".

Một tác giả khác, Richard Lazarus, cho "*stress là một diễn tả chủ quan từ tâm trí, nên nó xuất hiện tùy theo cách nhìn của con người với sự việc*".

Nói một cách giản dị thì stress là đáp ứng của ta trước một khó khăn.

Vì thế, trước cùng một biến cố mà người này cho là căng thẳng thì người khác lại cho là bình thường. Chẳng khác gì miếng bí-tết tốt với người thiếu hồng cầu thì lại không tốt với người dị ứng với thịt bò. Hoặc việc tranh luận với bà vợ về bát canh cua quá mặn không có gì là stress. Nhưng sự tức giận, đập bàn đập ghế mới là stress.

Vào một thời điểm nào đó, chúng ta ai cũng có stress. Chẳng khác chi việc nào có ai mà thoát được cảm lạnh, nhức đầu. Nhưng cảm lạnh, nhức đầu không ở lại lâu. Còn stress có thể làm phiền ta cả tuần, cả tháng. Có khi lâu hơn và có thể hủy hoại ta.

Thực vậy, đối diện với stress, một số bộ phận của cơ thể sẽ có những phản ứng khác nhau:

1- Phản ứng tức thì

Trước một khiêu khích, một đe dọa khó khăn, cơ thể sẽ động viên nhiều nguồn tài nguyên về sức mạnh cũng như sự lanh lợi để đối phó.

- Tại hệ thần kinh trung ương, sự phán xét suy nghĩ cũng như trí nhớ gia tăng trong khi đó thì cảm giác về đau đớn giảm.

- Con ngươi của mắt mở rộng để thu nhận nhiều ánh sáng, nhìn rõ ràng hơn mọi sự vật xảy ra ở xung quanh.

- Hai lá phổi tăng cường nhịp thở để thu lượm nhiều oxy cho nhu cầu của các cơ quan và cơ bắp.

- Chất glycogen dự trữ ở gan được chuyển thành glucose, chất béo dự trữ được động viên để cung cấp năng lượng cho các đáp ứng của cơ thể.

- Trái tim tăng nhịp đập, bơm ra nhiều máu chứa dưỡng khí và glucose để tiếp sức cho các cơ quan sinh tử. Huyết áp hơi tăng. Máu sẽ được động viên nhiều hơn tới các bộ phận cần chiến đấu như cơ bắp và giảm đi ở các bộ phận không có vai trò chiến đấu, như dạ dày, ruột.

- Nang thượng thận sẽ tiết ra adrenaline để đối phó với phản ứng Đánh-hoặc-Chạy (fight-or-flight). Nếu đủ sức thì ta chống cự tới cùng. Nếu cảm thấy chỉ có 2 phần thắng, 8 phần thua thì tốt hơn là "tẩu vi thượng sách", để bảo toàn sức lực, tái phối trí lực lượng.

- Lò sản xuất hồng huyết cầu là lá lách sẽ tung ra nhiều tế bào máu để chuyên chở dưỡng khí và glucose cho các chiến sĩ đối đầu với stress.

- Bộ phận tiêu hóa như dạ dày, ruột tạm thời ngưng hoạt động để nhường máu với các chất dinh dưỡng cho các bắp thịt.

Ngay cả lông và tóc cũng tham dự cuộc tự vệ, biểu dương lực lượng bằng cách "xù lông, dựng tóc", khiến cho cơ thể coi bộ như to lớn hơn, để hù dọa phương, căng thẳng.

Trên đây là những phản ứng cấp kỳ, rất cần thiết để bảo vệ cơ thể. Chúng chấm dứt trong vòng vài ba phút, sau khi căng thẳng được giải quyết ổn thỏa. Mọi sinh hoạt, tâm trạng của con người trở lại bình thường như không có gì xảy ra. Đây cũng là lúc mà các đơn vị đã đứng ra đối phó với căng thẳng ổn định lại cơ cấu và phục hồi sinh lực.

2- Nếu stress cứ liên tục tái diễn hoặc kéo dài sẽ đưa tới nhiều ảnh hưởng bất lợi cho sức khỏe:

- Trí óc sẽ bị tổn thương vì tác dụng của quá nhiều các loại hormon glucocorticoid sản xuất từ nang thượng thận. Khả năng nhận xét giảm, trí nhớ rối loạn, tính tình cau có, dễ giận dữ, tâm trạng mệt mỏi, cơ thể suy nhược, có thể rơi vào vòng trầm cảm, lo lắng, hay khóc, mất ngủ, giảm khả năng làm việc, lạm dụng rượu, thuốc cấm.

- Huyết áp và nhịp tim thường trực lên cao khiến cho tim mệt mỏi, tính đàn hồi của mạch máu giảm đưa tới bệnh tim mạch.

- Dạ dày không có đủ máu nuôi dưỡng, sự tiêu hóa bị rối loạn, niêm mạc bao tử tổn thương, đưa tới loét bao tử, ăn không tiêu, giảm cân

- Hệ miễn dịch suy yếu, sức đề kháng với các bệnh nhiễm giảm, dễ nhiễm trùng, cảm cúm.

- Stress cũng khiến cơ thể mập hơn vì chất béo được động viên để tăng năng lượng. Chúng sẽ tập trung nhiều ở vùng bụng, vùng mông, mặc dù các vùng khác vẫn mỏng manh.

Trong trường hợp trầm trọng, nạn nhân của stress có thể rơi vào một tâm bệnh gọi là Hội chứng Hậu Chấn Thương (Post Traumatic Stress Syndrome). Bệnh nhân sẽ sống trong tâm trạng bất ổn, có những ác mộng, những hồi tưởng lại kinh nghiệm đau thương trong quá khứ, sức khỏe tổng quát suy giảm.

Theo bác sĩ Pamela Peeke, Đại học Maryland, cơ thể con người không phải sinh ra để chịu đựng những căng thẳng mãn tính, đầy dọa trong những kỷ niệm xấu, những lo sợ và bức bối.

Mới đây, bác sĩ Yinong Young-Xu và các cộng sự viên tại Đại học Massachusetts đã công bố kết quả nghiên cứu về ảnh hưởng của căng thẳng, lo âu đối với trái tim. Họ đã quan sát 516 bệnh nhân với động mạch vành bị thu hẹp vì cholesterol bám vào thành mạch máu, khiến sự nuôi dưỡng tim suy giảm, có nhiều nguy cơ bị cơn-đau-tim heart attack và tử vong.

Bệnh nhân được yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan tới tâm trạng như là có khó khăn về giấc ngủ, có cảm thấy lo sợ về bệnh tim, về đại tiện, tiêu hóa thực phẩm... Sau hơn ba năm theo dõi, các tác giả nhận thấy nhóm bệnh nhân ít lo âu hoặc giữ tâm trạng thư giãn thì cơn-đau-tim hoặc tử vong giảm tới 65%, ít hơn là những bệnh nhân luôn luôn lo âu, sợ hãi về căn bệnh của mình.

Từ kết quả đó, bác sĩ Young-Xu khuyên là nên giới hạn stress và nếu có lo âu, căng thẳng, nên đi điều trị để được sống trong khỏe mạnh. Theo ông, nếu chúng ta giảm thiểu được những căng thẳng này thì bệnh tật cũng bớt xảy ra mà bệnh cũ cũng bớt trầm trọng.

Kết quả nghiên cứu đã được bác sĩ Young-Xu trình bày tại đại hội lần thứ 57 của Hội Tim Mạch Hoa Kỳ, họp tại Chicago ngày 29 tháng 4 năm 2008.

Cùng với ý nghĩ này mà cụ Nguyễn Gia Thiều của chúng ta đã viết:

“Giết nhau chẳng cái lưu cầu

Giết nhau bằng cái u sầu, độc chưa”.

Để biết xem mức độ stress của mình, xin làm trắc nghiệm sau đây:

1- Chúng ta có thường bức mình vì một chuyện nào đó bất chợt xảy ra?

0= không bao giờ; 1= hầu như không bao giờ; 2 = đôi khi; 3 = khá thông thường; 4 = rất thông thường. ()

2- Chúng ta có thường cảm thấy là không kiểm soát được những sự việc quan trọng trong đời sống của mình?

0 = không bao giờ; 1= hầu như không bao giờ; 2= đôi khi; 3= khá thông thường; 4= rất thông thường. ()

3- Chúng ta có hay cảm thấy nóng nảy, căng thẳng?

0= không bao giờ; 1= hầu như không bao giờ; 2= đôi khi; 3= khá thông thường; 4= rất thông thường. ().

4- Chúng ta có thường cảm thấy tự tin là có thể giải quyết khó khăn xảy ra cho mình? ()

4= không bao giờ; 3=hầu như không bao giờ; 2=đôi khi; 1=khá thông thường; 0= rất thông thường. ()

5- Chúng ta có thường thấy là mọi việc đều xuôi sẻ với chúng ta?

4 = Không bao giờ; 3= hầu như không bao giờ; 2= đôi khi; 1= khá thông thường; 0=rất thông thường. ()

6- Chúng ta có thường kiểm soát được những khiêu khích trong cuộc sống?

4 = không bao giờ; 3= hầu như không bao giờ; 2= đôi khi; khá thường; 0=rất thường. ().

7- Chúng ta có thường thấy không giải quyết được tất cả mọi việc mà ta phải làm?

0= không bao giờ; 1= hầu như không bao giờ; 2= đôi khi; 3= khá thường; 4= khá thường. ()

8- Chúng ta có thường thấy luôn luôn có ưu thế trong mọi sự việc?

4= Không bao giờ; 3= hầu như không bao giờ; 2= đôi khi; 1= khá thông thường; 0=rất thông thường. ()

9- Chúng ta có thường giận dữ vì sự việc ngoài tầm kiểm soát của mình?

0= không bao giờ; 1= hầu như không bao giờ; 2= đôi khi; 3= khá thường; 4= khá thường. ()

10- Chúng ta có thường cảm thấy có những khó khăn chồng chất mà ta không kiểm soát nổi?

0= không bao giờ; 1= hầu như không bao giờ; 2= đôi khi; 3= khá thường; 4= khá thường. ()

Cộng lại số điểm. So sánh với tiêu chuẩn thông thường dưới đây. Nhớ là mức độ stress thay đổi tùy theo tuổi tác, giới tính, hoàn cảnh.

Tuổi từ 18- 29: 14.2

Tuổi 45-54: 12.6

Tuổi từ 65 trở lên: 12.

Nam giới: 12.1

Nữ giới: 13.7

Đơn góa: 12.6

Có gia đình hoặc sống chung: 12.4

Độc thân hoặc chưa bao giờ lập gia đình: 14,1

Ly dị: 14.7

Ly thân: 16.6.

Để giảm thiểu stress

Sống không có stress là điều khó có thể thực hiện được. Làm sao để đối phó với stress mới là điều cần thiết. Mỗi người có những phương cách riêng để giải quyết khó khăn của mình.

Sau đây là một vài gợi ý:

1- Sắp đặt lại công việc hàng ngày, theo thứ tự ưu tiên, quan trọng.

2- Cân bằng đời sống, chia thì giờ cho ăn uống, ngủ nghỉ, vận động cơ thể, giải trí với gia đình bạn bè.

3- Áp dụng các phương pháp đối phó với stress như thư giãn thiền định, hít thở sâu, xoa bóp; tạm rời công việc để "xả xú báp" và "tái nạp bình điện"; tâm sự khó khăn của mình với người đáng tin cậy để nhờ góp ý.

4- Duy trì một tâm trạng hài hước.

5- Đề cao cảnh giác, nhận diện và chú ý tới các dấu hiệu báo động sự xuất hiện của stress và sẵn sàng giải quyết..

6- Giải quyết stress với các khả năng hiện có. Với những stress bùng bình, không giải quyết được thì để một bên, giải quyết sau.

Nên nhớ là những cảm giác không vui như sợ hãi, lo âu, giận dữ tức bực là từ phản ứng của ta mà ra chứ không phải từ stress. Nếu ta kiểm soát được các phản ứng này là ta đã tạo được một tâm trạng bình an, thoải mái trong đời sống.

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức Texas-Hoa Kỳ.

VỀ MỤC LỤC

TUỔI TÌNH YÊU *Chuyện phiếm của Gã Siêu*

Sáng hôm nay, không hiểu tại sao gã bỗng hứng chí, vừa nhâm nhi ly cà phê đen, vừa ngâm khe khẽ trong miệng câu ca dao :

- Trăng bao nhiêu tuổi trăng già,

Núi bao nhiêu tuổi gọi là núi non ?

Thế rồi, gã lại nghĩ vẩn nghĩ vơ và tự hỏi :

- Liệu tình yêu và hôn nhân có tuổi tác gì hay không ?

Có một anh chồng và một cha sở chết trong cùng một ngày, chết trong cùng một giờ, chết trong cùng một phút và chết trong cùng một giây.

Cả hai đều đến trình diện thánh Phêrô để được phỏng vấn, rồi từ đó mới biết được tương lai hậu vận của mình : vào thiên đàng, xuống luyện ngục hay hỏa ngục.

Thánh Phêrô bèn hỏi anh chồng :

- Con có vợ được bao nhiêu năm rồi ?

- Thưa đúng hai mươi lăm năm. Chúng con vừa mới “hấp hôn”, mừng hai mươi lăm năm tình lận đận.

Thánh Phêrô vui mừng nói :

- Tốt lắm, con hãy vào thiên đàng ngay đi.

Quay sang cha sở, thánh Phêrô cũng hỏi :

- Còn con, con làm linh mục được bao nhiêu năm rồi ?

Và cha sở cũng trả lời :

- Thưa đúng hai mươi lăm năm. Con vừa mới ăn mừng ngân khánh xong.

Thánh Phêrô liền quyết định :

- Vậy con hãy chịu khó xuống luyện ngục đền tội con hai mươi lăm năm.

Cha sở có vẻ bất mãn ra mặt :

- Tại sao lại như thế được ? Suốt đời, con đã làm biết bao nhiêu việc tốt lành, nào là rửa tội, nào là cử hành các bí tích, nào là giảng giải, nào là khuyên răn, nào là xây cất....Còn cái anh chồng kia ?

Không để cho cha sở nói tiếp, thánh Phêrô liền trả lời :

- Còn cái anh chồng kia ấy hả ? Anh ta đã đền tội mình ở trần gian những hai mươi lăm năm rồi, còn con thì chưa có được một ngày nào cả.

Xem như thế, gã thấy tình yêu, hôn nhân và cuộc sống gia đình cũng vất vả cực nhọc, chứ chẳng phải lúc nào cũng tươi hồng và dễ ăn đâu nhé.

Bàn về mối liên hệ giữa tình yêu và hôn nhân, gã nhận thấy có nhiều cách diễn tả, nhưng tựu trung người ta thường chia ra làm ba thời kỳ : Trước khi, liền ngay và lâu sau.

Thực vậy, với những người thích màu sắc :

- Trước khi cưới là một màu hồng rực rỡ, liền ngay sau khi cưới là một màu trắng nhạt, còn lâu sau khi cưới là một màu xám ảm đạm.

Với những người thích nghiên cứu về thời tiết :

- Trước khi cưới là những ngày mùa xuân nắng ấm, liền sau khi cưới là những ngày hè thu oi bức hay mưa đông, còn lâu sau khi cưới là những ngày dài mùa đông lạnh giá.

Với những người thích âm thanh :

- Trước khi cưới anh nói thì em nghe và em nói thì anh nghe, liền sau khi cưới, anh nói thì anh nghe và em nói thì em nghe, còn lâu sau khi cưới, thì cả hai cùng nói, nhưng hàng xóm phải nghe.

Với những người có tinh thần ăn uống :

- Trước khi cưới thì nhìn nhau mà no, liền sau khi cưới thì nhìn nhau mà ngáp, còn lâu sau khi cưới thì nổi niêu xoong chảo thỉnh thoảng lại bay ra ngoài sân.

Với những người vốn mang dòng máu ga lăng :

- Trước khi cưới thì chiếc dù lệch hẳn về phía nàng và chàng sẵn sàng chịu ướt, liền sau khi cưới thì chiếc dù nằm ở chính giữa và mỗi người chịu ướt một nửa, còn lâu sau khi cưới thì chiếc dù lệch hẳn về phía chàng và nàng đành cam chịu ướt.

Từ đó, người ta đi tới một kết luận không mấy sáng sủa :

- Yêu nhau trong ba ngày, ghét nhau trong ba tháng và chịu đựng nhau suốt ba mươi ba năm.

Có kẻ còn bi quan hơn khi phát biểu :

- Trong đời người đàn ông có hai ngày vui lớn, thứ nhất đó là ngày lấy vợ và thứ hai là ngày vợ chết. Như vậy hôn nhân phải chẳng là năm mỗ chôn vùi tình yêu ?

Đây cũng là điều dễ hiểu bởi vì vào cái thuở ban đầu lưu luyến ấy, người ta đến với nhau với tất cả vẻ đẹp của mình, từ cách ăn mặc chải chuốt làm duyên, đến những lời lẽ tử tế, tế nhị và đôi lúc pha cả sự nhõng nhẽo.

Dù có một trăm chỗ lệch, người ta cũng cố kê cho bằng. Để rồi dưới cái nhìn chủ quan của tình yêu, thì củ ấu cũng tròn và trái bồ hòn cũng ngọt.

Thế nhưng, khi đã bước vào hôn nhân, người ta phải chung sống với nhau như ván đóng thuyền. Chính cuộc sống chung này làm cho người ta vỡ mộng, có ở trong chăn mới biết chăn có rận, bởi vì người mình lấy không giống với người mình mơ, như một câu danh ngôn đã diễn tả :

- Cái gay của hôn nhân là ở chỗ người ta chỉ yêu chiếc răng khểnh, yêu đôi má lúm đồng tiền hay yêu mái tóc thề, thế mà lại phải cưới nguyên si cả một con người.

Vì thế, bước vào hôn nhân, không còn là lúc chúng ta nguyện cầu :

- Xin cho con lấy được người con thương.

Nhưng phải là lúc chúng ta nài van :

- Xin cho con thương được người con lấy.

Hay như một câu danh ngôn đã nói :

-Chết cho người mình yêu thì dễ hơn là sống với người mình yêu.

Có một anh chồng vừa mới qua đời, mon men đến trước cửa thiên đường để hỏi thánh Phêrô xem mình có tên trong danh sách Nước Trời hay không.

Với cặp kính lão trên đôi mắt, thánh Phêrô bèn mở những cuốn sách thật to và thật cũ, cẩn thận xem từng dòng, từng chữ, nhưng vẫn không thấy tên anh chồng đâu cả. Thất vọng, thánh Phêrô bèn nói với anh chồng :

- Rất tiếc ở đây không có chỗ cho con.

Nhưng để vớt vát, thánh Phêrô lên tiếng hỏi :

- Thế thì ở trần gian, con đã làm được những gì ?

Anh chồng mừng rỡ kêu lên :

- Thưa, con đã có vợ ạ!

Thánh Phêrô vuốt nhẹ chòm râu bạc, cặp mắt đăm chiêu như tơ tưởng về một dĩ vãng xa xôi và nói :

- Thôi được, con vào ngay đi. Ta rất thông cảm với con.

Thì ra thánh Phêrô đã hiểu được và đã cảm thông những vất vả cực nhọc của anh chồng trong kiếp sống gia đình và đã mở cửa Nước Trời đón nhận anh, bởi vì chính thánh Phêrô cũng đã từng trải qua kiếp sống ấy :

- Đoạn trường ai có qua cầu mới hay.

Mặc dù cuộc sống hôn nhân và gia đình có nhiều nỗi truân chuyên, người ta vẫn cứ thích

sống cho tình yêu, chứ chẳng ai dại gì mà chết cho tình yêu, thật đúng như ca dao đã diễn tả :

- Cái vòng tình ai cong cong,

Kẻ mong ra khỏi, người mong bước vào.

Cũng vì thích sống cho tình yêu, nên người ta mới bày đặt ra những lễ hội để...ăn mừng tình yêu.

Khi đang yêu nhưng chưa bước vào hôn nhân, người ta có lễ hội Valentine, vốn được gọi nhầm là ngày tình yêu hay ngày tình nhân. Theo một bài viết trên báo "Kiến thức ngày nay" số 342, thì thánh Valentinô chính là nguồn gốc cho lễ hội tình yêu này.

Sở là lúc bấy giờ hoàng đế Claudiô muốn có một quân đội hùng mạnh, nên đã ra lệnh cho mọi anh đàn ông tới tuổi đều phải nhập ngũ. Thế nhưng, có nhiều người không muốn rời xa vợ con và gia đình. Điều này làm cho hoàng đế giận dữ. Ông quyết định cấm tiệt mọi cuộc kết hôn, bởi vì nếu đàn ông không lập gia đình thì họ sẽ chẳng phản đối việc tham gia quân đội.

Điều này xem ra cũng giống như chính sách "tam khoan" của nhà nước Việt Nam thuở nào :

- Thứ nhất, đó là khoan hãy yêu.

- Thứ hai, đó là nếu lỡ yêu, thì khoan hãy lấy.

- Thứ ba, đó là nếu lỡ lấy, thì hãy khoan hãy có con.

Trong khi đó, thánh nhân là một linh mục, chuyên làm lễ cưới cho những người yêu nhau. Ngay cả sau khi hoàng đế ban hành lệnh cấm, thánh nhân vẫn âm thầm và bí mật cử hành.

Đêm kia, thánh nhân bị bắt quả tang đang khi làm lễ cưới. Đôi tân hôn nhanh chân chạy thoát, còn thánh nhân thì bị tống ngục.

Trong thời gian sống trong ngục, rất nhiều người trẻ đã đến thăm viếng thánh nhân. Họ ném hoa và những bức thư ngắn qua cửa sổ cho thánh nhân. Họ muốn thánh nhân biết rằng họ luôn tin tưởng vào tình yêu.

Một trong những người trẻ ấy lại là con gái của viên canh ngục. Được phép của cha, cô bé vào thăm thánh nhân và cho rằng :

- Thánh nhân đã hành động đúng, còn luật lệ của hoàng đế chỉ là điều hết sức phi lý.

Trước khi bị đem ra pháp trường, thánh nhân đã để lại cho cô bé bức thư cảm ơn của mình với hàng chữ :

- Gửi con tình yêu từ Valentinô của con.

Lời nhắn này được viết vào ngày thánh nhân phải chết, tức là 14 tháng 2 năm 269.

Phải chăng đó chính là nguồn gốc việc gửi thiệp và tặng quà trong ngày lễ hội này.

Ngày hội tình yêu hay ngày lễ tình nhân chính là thời gian được dành riêng để mừng cho những cuộc tình, cũng như cho những người đang sống trong những cuộc tình ấy.

Còn khi đang yêu và đã bước vào hôn nhân, người ta có rất nhiều ngày để tưởng nhớ và...ăn mừng tình yêu của mình.

Gã xin liệt kê ra như sau :

- Năm năm là cưới gố.

- Mười năm là cưới thiếc.

- Mười lăm năm là cưới thủy tinh.
- Hai mươi năm là cưới sứ.
- Hai mươi lăm năm là cưới bạc.
- Ba mươi năm là cưới ngọc trai.
- Ba mươi lăm năm là cưới ngọc thạch.
- Bốn mươi năm là cưới hồng ngọc.
- Bốn mươi lăm năm là cưới lam ngọc.
- Năm mươi năm là cưới vàng.
- Năm mươi lăm năm là cưới ngọc bích.
- Sáu mươi năm là cưới kim cương.

Và có lẽ không mấy cặp sống thọ để kỷ niệm bảy mươi, hay tám mươi năm cuộc tình. Và nếu còn sống, thì cũng khó mà khỏe mạnh cũng như minh mẫn để ăn mừng cùng với bàn dân thiên hạ.

Vì thế, gã không thấy người ta đặt tên cho những cuộc tình sau sáu mươi năm trời đăng đăng vác vác giá của cuộc sống gia đình.

Có một bài viết dựa theo tài liệu nước ngoài, được đăng trên tuần báo "Gia đình" số 39 ra ngày 26 tháng 9 năm 2005 bàn về những thăng trầm của tình yêu trong hôn nhân, được biểu lộ qua tâm tình của một người vợ với những cuộc...cãi nhau như sau :

Hôn nhân năm thứ nhất :

Chúng tôi say đắm, dính như keo.

Nhìn thấy những cặp vợ chồng khác cãi nhau và ném đồ, nhưng vẫn tiếp tục sống với nhau, chúng tôi cảm thấy không thể nào hiểu được và cho rằng những ngày cãi nhau đó sẽ không bao giờ xảy ra đối với chúng tôi.

Hôn nhân năm thứ hai :

Chúng tôi bắt đầu cãi nhau. Khi cãi nhau, tôi đã ném hòng chiếc đồng hồ đắt tiền. Khóc trong vòng 40 phút. Sau đó, tôi gói ghém quần áo về với...bu.

Tôi trầm nghĩ trong lòng :

- Ly hôn!

Tôi dứt khoát không muốn tiếp tục chung sống với một người cãi nhau với mình.

Hàng ngày sau khi tan sở, anh ấy đều chạy đến cơ quan đón tôi, chủ động nhận lỗi, để tôi quay về nhà với anh ấy. Mặt tôi lạnh như tiền, không thèm để ý và cũng không cùng chồng tôi về nhà.

Cho tới nửa tháng sau, chồng tôi mua một bó hoa tươi thật lớn đến đón tôi, chủ động đưa tôi đi siêu thị.

Tôi kể tội của chồng tôi những 10 phút. Sau đó phán một câu cảnh cáo :

- Lần sau mà như vậy, em tuyệt đối không tha thứ cho anh.

Chồng tôi lặng im, biểu thị sự đồng ý.

Hôn nhân năm thứ ba :

Khi cãi nhau, tôi ném vỡ mấy cái ly thủy tinh rẻ tiền. Khóc khoảng 30 phút. Sau đó đến nhà bạn ở mấy ngày. Chồng tôi gọi điện cho tôi mấy lần tôi mới về nhà.

Mấy chiếc ly vỡ ở trên mặt đất đã được dọn sạch sẽ, nhưng tôi vẫn không để ý đến anh ấy.

Khi ăn cơm tối, tôi nằm lì ở trong phòng, không ra. Chồng tôi gõ cửa bên ngoài và nói :

- Thịt vịt hầm đã nấu xong, em mau ra ăn cho nóng.

Chồng tôi gõ cửa đến lần thứ hai, tôi mới chịu ra ăn cơm cùng anh ấy. Anh ấy nói với tôi :

- Anh đã sai và bằng lòng sửa chữa.

Đồng thời còn hỏi :

- Liệu có thể tha thứ cho anh không ?

Tôi im lặng.

Hôn nhân năm thứ tư :

Khi cãi nhau, tôi làm vỡ giò hoa lan nhỏ mà mình tự tay chăm bón. Khóc khoảng 20 phút. Sau đó, xuống lầu đi dạo đến hết ngày.

Khi về nhà, thấy chồng tôi ngồi ở ghế sofa xem tivi như không hề có chuyện gì xảy ra. Phòng khách vẫn bẽ bộn. Lá hoa lan và mảnh vỡ của chậu hoa ngổn ngang một đống trên sàn. Tôi chủ động quét dọn sạch sẽ.

Chồng tôi làm cơm tối xong, ngồi ăn một mình. Tôi tự xới cho mình một bát, ngồi xuống đối diện với chồng và lý luận với anh ấy là ai đúng ai sai.

Chồng tôi chẳng tỏ một thái độ nào cả.

Hôn nhân năm thứ năm :

Khi cãi nhau, tôi chỉ lấy cái gối tựa lưng ở ghế sofa mà ném xuống đất. Khóc khoảng 10 phút. Sau đó, từ phòng khách lao thẳng vào phòng ngủ.

Buổi tối không có người làm cơm. Chồng tôi đứng hút thuốc ở trên lan can. Tôi chủ động từ trong phòng ngủ bước ra, nhặt cái gối lên, làm bữa tối với những món mình thích.

Sau khi ăn, lên giường đi ngủ. Chồng tôi đi ra ngoài ăn cơm tiệm.

Khi anh ấy quay về, tôi chủ động nói chuyện với anh ấy, cãi lý với anh ấy.

Chồng tôi đã nói một câu sắc như dao :

- Anh không sai.

Hôn nhân năm thứ sáu :

Khi cãi nhau, tôi không ném đồ linh tinh nữa. Chỉ khóc khoảng 5 phút. Ngồi chờ người trong phòng khách, có chăng chỉ là thay đổi tư thế ngồi mà thôi.

Chồng tôi đến nhà bạn ở mấy ngày không về. Tôi điện thoại cho anh ấy, cầu xin anh ấy về nhà.

Tôi chủ động làm một bữa tối mà chồng tôi thích, lấy cơm cho anh, nói với anh ấy rằng :

- Tôi đã sai và muốn sửa chữa.

Đồng thời tôi hỏi anh ấy :

- Liệu có thể tha thứ cho tôi không ?

Chồng tôi không nói gì.

Hôn nhân năm thứ bảy :

Khi cãi nhau, tôi không khóc. Hơn nữa, ban sáng cãi nhau thì ban chiều tôi đã nhận khuyết điểm của tôi. Tôi chủ động đi xem bóng đá với anh ấy.

Chồng tôi đã kể tội tôi trong vòng 10 phút.

Sau cùng, phán một câu cảnh cáo :

- Lần sau em mà như thế nữa, anh tuyệt đối không tha thứ cho em đâu.

Tôi im lặng, biểu lộ sự đồng ý.

Theo gã hiểu thì phải là thánh, mới được lên thiên đàng. Và những người ở trên thiên đàng, tất cả đều phải là những vị thánh.

Có một anh chồng kia chẳng may qua đời. Anh ta cũng đến trước mặt thánh Phêrô để hỏi xem mình có được vào thiên đàng hay không.

Thánh Phêrô bèn mang sổ các thánh nam nữ ra sưu tra. Dò tới dò lui cũng chẳng thấy tên anh ta ở đâu.

Một mối và mờ cả mắt, thánh Phêrô không ngừng lăm bắm :

- Thánh ẩn tu, không có.

- Thánh hiền tu, cũng không có.

- Thánh đồng trinh, dứt khoát là không có.

- Thánh tiến sĩ, lại càng không có nốt.

- Thôi đành bó tay....Chào thua.

Thế nhưng, trước khi đưa tiễn anh ta, thánh Phêrô cũng lên tiếng hỏi một câu như để an ủi và khích lệ kẻ bại trận :

- Vậy trong những năm sống ở trần gian, con đã làm được những gì ?

Anh chồng cau mặt suy nghĩ. Nghĩ mãi nghĩ hoài mà cũng chẳng thấy mình làm được một việc lành phúc đức nào cả.

Quá thất vọng, anh ta bèn nói bừa :

- Thưa, con đã có vợ và là một thằng chồng cũng...tạm tạm, trên trung bình một tí ạ.

Đôi mắt bỗng sáng rực như đèn ô tô, thánh Phêrô vỗ đùi đánh đét một phát và nói lớn :

- Trời ơi! Sao con không nói ngay để ta tìm con trong danh sách các thánh...tử đạo.

Bông hồng nào mà chẳng có gai.

Cuộc đời nào mà chẳng có những đắng cay của nó.

Và cuộc tình nào mà chẳng có những gian nan thử thách.

Giống như ngày tháng trôi qua. Có những lúc trời quang mây tạnh. Nhưng cũng có những lúc sấm chớp mưa giông.

Giống như mặt đại dương. Có những lúc biển lặng như tờ. Nhưng cũng có những lúc sóng gió gào thét.

Điều cần thiết là phải biết cùng nhau chèo chống để đưa con thuyền cập tới bến bờ hạnh phúc.

Điều cần thiết là phải biết chấp nhận những hy sinh cho nhau và vì nhau.

Hy sinh và tình yêu luôn tỷ lệ thuận với nhau.

Hy sinh sẽ làm cho tình yêu thêm nồng thắm. Và tình yêu nồng thắm sẽ giúp chúng ta dễ dàng chấp nhận những hy sinh to lớn hơn.

Chính những hy sinh này sẽ làm cho tình yêu không bao giờ bị tàn phai với thời gian.

Gã Siêu gasieu@gmail.com

VỀ MỤC LỤC

- Mọi liên lạc: Ghi danh, thay đổi địa chỉ, đóng góp ý kiến, bài vở..., xin gởi về địa chỉ

giasivietnam@gmail.com

- Những nội dung sẽ được đề cao và chú ý bao gồm:

Trao đổi, chia sẻ những kinh nghiệm thực tế trong việc mục vụ của Giáo sĩ; Những tài liệu của Giáo hội hoặc của các Tác giả nhằm mục đích Thăng tiến đời sống Giáo sĩ; Cổ vũ ơn gọi Linh mục; Người Giáo dân tham gia công việc “Trợ lực Giáo sĩ” bằng đời sống cầu nguyện và cộng tác trong mọi lãnh vực; Mỗi Giáo dân phải là những “Linh mục” không có chức Thánh; Đối thoại trong tinh thần Bác ái giữa Giáo dân và Giáo sĩ... (Truyền giáo hay xây pháo đài?)

- Quy vị cũng có thể tham khảo những số báo đã phát hành tại

www.conggiaovietnam.net

Rất mong được sự cộng tác, hưởng ứng của tất cả Quý vị

Xin chân thành cảm ơn tất cả anh chị em đã sẵn lòng cộng tác với chúng tôi bằng nhiều cách thế khác nhau.

TM. Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam

Lm. Luca Phạm Quốc Sử USA

Duoc chon giua loai nguoi va cho loai nguoi; C
